ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 249/BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Thực hiện Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2020; Nghị quyết số 18/NQ-HU ngày 26/12/2019 của Huyện ủy; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của HĐND huyện về thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2020; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của HĐND huyện thông qua các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020. Được sự quan tâm của UBND tỉnh và các sở, ngành của tỉnh, sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự giám sát của HĐND huyện, sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong toàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các mặt công tác trọng tâm sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ-XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG-AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020: Giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 (theo giá so sánh 2010) đạt 1.819,16 tỷ đồng, tăng 6,40% so với cùng kỳ, đạt 50,28% kế hoạch HĐND huyện giao, trong đó nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tăng 3,03%, công nghiệp - xây dựng tăng 9,48%, dịch vụ tăng 8,23% thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

II. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Nông lâm nghiệp

a. Sản xuất Nông lâm nghiệp: Diện tích gieo trồng toàn huyện 6 tháng đầu năm 2020 là 21.022,5 ha đạt 64,6% KH, đạt 111,5% so với cùng kỳ năm 2019 (vụ Đông xuân TH 1.721,2 ha; vụ Mùa 19.301,3 ha). Nhìn chung diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng đều đạt và vượt so với kế hoạch[1] *(có biểu tổng hợp kèm theo).*

---

[1] Cụ thể: Cây lương thực: 4.171,7 ha, đạt 38,8% KH, đạt155,6% so với cùng kỳ năm 2019 (vụ Đông xuân TH 700,3 ha; vụ Mùa 3.471,4 ha). Cây có củ: 1.693,8 ha, đạt 89,9% KH, đạt 125,2% so với cùng kỳ năm 2019 (vụ Đông xuân TH 115 ha; vụ Mùa 1.578,8 ha). Cây thực phẩm: 1.320 ha, đạt 33% KH, đạt 99,7% so với cùng kỳ năm 2019 (vụ Đông xuân TH 748 ha; vụ Mùa 572 ha). Cây Công nghiệp ngắn ngày (lạc, ...): 22 ha, đạt 3,5% KH, đạt 9,6% so với cùng kỳ năm 2019. Cây hàng năm khác: 189,9 ha, đạt 28,4% KH, đạt 75,4% so với cùng kỳ năm 2019 (vụ Đông xuân TH 157,9 ha; vụ Mùa 32 ha). Cây công nghiệp dài ngày (hồ tiêu, cao su, cà phê, điều): 12.310,0 ha, đạt 96,8% KH, đạt 100,6% so với cùng kỳ năm 2019. Cây ăn quả: 1.235 ha, đạt 74% KH, đạt 173,3% so với cùng kỳ năm 2019. Cây dược liệu: 54 ha, đạt 36% so với KH, đạt 94,7% so với cùng kỳ năm 2019. Sản lượng cây trồng vụ Đông xuân: lúa Đông xuân năng suất ước đạt 51,5 tạ/ha, sản lượng 3.605,5 tấn; đối với cây đậu các loại: năng suất ước đạt 7,31 tạ/ha, sản lượng đạt 93,5 tấn. Cây khoai các loại (khoai môn, khoai lang: năng suất

Công tác bảo vệ thực vật: Trên các loại cây trồng chỉ xuất hiện một số loại sâu bệnh thông thường[2]. Triển khai các giải pháp hướng dẫn về tình hình sâu bệnh hại và các biện pháp phòng trừ đối với từng đối tượng sâu bệnh hại nhằm hạn chế khả năng gây hại, tiết kiệm chi phí phòng trừ ở từng thời điểm để bảo vệ tốt sản xuất. Tích cực tuyên truyền, vận động bà con nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, làm các mô hình điểm để đưa các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện các mô hình áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, xây dựng các biện pháp canh tác hồ tiêu theo hướng bền vững. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý thuốc bảo vệ thực vật và tuyên truyền về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc toàn huyện hiện nay là 65.107 con đạt 91,2% KH, đạt 113,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó đàn trâu 512 con đạt 99,6% KH, đạt 100% so với cùng kỳ năm 2019; Đàn bò 24.237 con đạt 94,1% KH, đạt 100,01% so với cùng kỳ 2019; Đàn heo 23.923 con đạt 92,5% KH, đạt 111,8% so với cùng kỳ 2019; Đàn dê 16.435 con đạt 85,1% KH, đạt 146,3% so cùng kỳ 2019.

Tổng đàn gia cầm toàn huyện là 66.884 con đạt 97,2% KH, đạt 119,1% so cùng kỳ năm 2019. Sản lượng thịt hơi các loại trên địa huyện đạt 3.876,6 tấn bằng 92,2% so với KH, đạt 144% so cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2020 chưa xảy ra dịch bệnh. Các trang trại đã tiếp tục nhập con giống để mở rộng đàn nuôi, các hộ có thiệt hại do dịch tả lợn Châu phi đã bắt đầu thực hiện tái đàn sau dịch, đến nay có 23 hộ thiệt hại đã tái đàn số lượng 164 con.

Thực hiện công tác điều trị một số bệnh thông thường (Tiêu chảy, Tụ huyết trùng, phó thương hàng...) cho gia súc, gia cầm tại các xã, thị trấn. Tổ chức triển khai công tác tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng đợt 1 năm 2020 được 17.500 liều vắc xin LMLM Type O&A; số hộ có trâu, bò được tiêm phòng là 3.044 hộ/74 thôn, làng (đã cấp giấy chứng nhận tiêm phòng cho 3.044 hộ); triển khai tháng vệ sinh khử trùng, tiêu độc đợt 1 năm 2020 với 240 lít hóa chất Benkocid được sử dụng để phun cho 384.000 m^2. Đã kiểm tra lăn dấu kiểm phẩm 1.181 con heo, 80 con bò. Tổng số tiền thu được là 9.387.000 đồng.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện năm 2020, phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách địa bàn. Về thiệt hại do thiên tai: trên địa bàn huyện có mưa đầu mùa kèm theo gió lốc đã làm 10 căn nhà của 10 hộ dân trên địa bàn các xã: Ia Rong, Ia Phang, Ia Hrú, Chư Don bị thiệt hại với số tiền là 23,3 triệu đồng. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, UBND các xã chủ động thăm hỏi, động viên, chỉ đạo các đoàn thể hỗ trợ các hộ dân tự khắc phục. UBND xã Ia Phang đã chủ động xuất ngân sách xã hỗ trợ 01 hộ nghèo bị

---

củ tươi ước đạt 95,9 tạ/ha, sản lượng đạt 1.073,6 tấn. Rau màu các loại: Năng suất ước đạt 132,9 tạ/ha, sản lượng ước đạt 8.240 tấn. Cây hồ tiêu: đã thu hoạch xong, năng suất đạt 31,5 tạ/ha (năm 2019 đạt 33,45 tạ/ha), sản lượng dự kiến 4.276,44 tấn.

[2] Lúa Đông xuân một số loài sâu bệnh phổ biến nhủ rầy nâu, bệnh khô vằn, đạo ôn lá, đốm nâu gây hại rải rác. Trên diện tích cà phê, các loại sâu bệnh hại phổ biến như: Bệnh gỉ sắt, rệp vảy xanh, rệp sáp cành, mọt đục cành, bệnh khô cành. Trên diện tích hồ tiêu một số đối tượng gây hại như bệnh vàng lá thối rễ tơ, bệnh thối gốc, thân, bệnh thán thư, đốm đen lá gây hại rải rác. Các loại cây trồng khác như cao su, rau màu các loại nhìn chung sinh trưởng, phát triển bình thường.

thiệt hại về nhà ở với số tiền 3.000.000 đồng; gió lốc đã làm 02 em nhỏ tại thôn Tung Neng, xã Ia Dreng bị thương nhẹ do cây đổ.

Công tác khuyến nông: Tiếp tục kiểm tra, chọn những mô hình đã triển khai có hiệu quả để tuyên truyền nhân rộng, xây dựng các mô hình chuyển giao những giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp với điều kiện trên địa bàn (tập huấn, triển khai mô hình trồng mít thái, mô hình sản xuất lúa theo cánh đồng mẫu lớn…). Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở để hướng dẫn nhân dân các biện pháp kỹ thuật chăm sóc cây trồng như bón phân hợp lý, điều chỉnh lượng nước phù hợp, tưới nước tiết kiệm…không để cây trồng bị hạn trong mùa khô gây ảnh hưởng đến năng suất.

Công tác quản lý giống, phân bón, vật tư nông nghiệp: Đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành các cơ sở kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 và Đoàn đang triển khai kiểm tra theo kế hoạch.

Chương trình tái canh cà phê: Đã phê duyệt phương án, dự toán và kế hoạch triển khai chương trình tái canh cà phê năm 2020, diện tích 25 ha, 54 hộ. Tổng kinh phí thực hiện là 181.080.000 đồng. Trong đó: ngân sách huyện là 150.000.000 đồng, nguồn Nestle hỗ trợ là 31.080.000 đồng. Đến nay, đã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp&PTNT triển khai ký hợp đồng với đơn vị cung cấp giống là Trung tâm nghiên cứu và Phát triển cây Hồ tiêu, đã triển khai cấp phát xong cây giống cà phê cho các hộ dân để trồng kịp thời vụ.

Chương trình xây dựng Nông thôn mới, phát triển Hợp tác xã và OCOP: Chuẩn bị các nội dung để công bố xã Ia Rong đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2019 theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Gia Lai; công nhận thôn Tao Kó, xã Ia Rong và thôn Thơ Nhueng, xã Ia Phang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2020 đảm bảo theo kế hoạch, quy định. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy Nghị quyết về lãnh đạo, chỉ đạo phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hợp tác xã nông nghiệp và mô hình nông hội giai đoạn 2020-2025; Tổ chức Hội nghị trực tuyến về các giải pháp phát triển hợp tác xã, nông hội trên địa bàn huyện năm 2020 vào ngày 05/3/2020; Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012; Phối hợp đơn vị tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ 03 Hợp tác xã điểm chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội thành viên. Tổ chức Hội nghị trực tuyến về các giải pháp phát triển chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP vào ngày 07/03/2020; Hướng dẫn, hỗ trợ các xã, thị trấn, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất đăng ký ý tưởng sản phẩm và sản phẩm đã có tham gia chu trình OCOP năm 2020, đến nay đã có 15 sản phẩm sẵn có và 02 ý tưởng sản phẩm đăng ký tham gia chương trình OCOP năm 2020.

Một số chương trình dự án phát triển nông nghiệp khác: Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án lập bản đồ thổ nhưỡng trên địa bàn huyện; các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 (đến nay đã có 03 Hợp tác xã, 01 doanh nghiệp triển khai lập thuyết minh và dự toán dự án để phê duyệt, gồm Công ty TNHH Phúc Thiên xã Ia Rong xây dựng dự án liên kết bơ,

Hợp tác xã 81 xã Ia Phang xây dựng dự án liên kết trồng nấm, Hợp tác xã Đại Ngàn xây dựng dự án liên kết cây sầu riêng, Hợp tác xã Thành đạt xã Ia Hla liên kết với Công ty NaFood Tây Nguyên xây dựng dự án liên kết cây Chanh dây trên địa bàn xã Ia Hla).

b. Công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng

Tập trung chỉ đạo các ngành chức năng của huyện, các đơn vị chủ rừng thường xuyên triển khai công tác tuyên truyền vận động, phổ biến pháp luật và giáo dục cộng đồng về bảo vệ và phát triển rừng cho người dân trên địa bàn. Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm phối hợp với các xã, thị trấn vận động các thôn, làng và quần chúng nhân dân, nhất là ở những vùng gần rừng, tích cực tham gia đăng ký cam kết an toàn lửa rừng và thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ rừng. Xây dựng và triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện mùa khô năm 2020, chỉ đạo UBND các xã có rừng củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy PCCCR cấp xã, xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện; Củng cố kiện toàn Tổ công tác cơ động liên ngành kiểm tra, ngăn chặn tình hình vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã trọng điểm Ia Blứ, Ia Le và Ia Hla. Chỉ đạo các lực lượng chức năng thường xuyên tổ chức tuần tra, truy quét, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tính từ ngày 15/12/2019 đến ngày 26/5/2020 đã phát hiện và lập biên bản 23 vụ (tăng 09 vụ so với cùng kỳ năm 2019)[3].

Triển khai kế hoạch thu hồi diện tích đất lâm nghiệp, trồng rừng: Tổng diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm đã kê khai là 133,24/445 ha[4]. Tính đến hiện nay, tổng diện tích đăng ký trồng rừng trong quy hoạch lâm nghiệp là 40,3/86,5 ha[5].

2. Công nghiệp-TTCN-GTVT: Giá trị Công nghiệp-XDCB (giá so sánh năm 2010) ước đạt 505,294 tỷ đồng đạt 45,35% KH năm, so với cùng kỳ đạt 103,46%, các sản phẩm chủ yếu gồm: Đá xây dựng, sản phẩm cơ khí dân dụng, xay xát lương thực, giết mổ gia súc, may mặc, bê tông đúc sẵn. Khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 298,61 nghìn tấn đạt 58,55% KH năm; so với cùng kỳ đạt 102,19%. Khối lượng vận chuyển hành khách 372,1 nghìn hành khách đạt 58,14% KH năm, so với cùng kỳ đạt 104,28%, so với cùng kỳ đạt 102,51%.

Công tác xây dựng, quy hoạch: Về điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nhơn Hòa, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã có Tờ trình số 96/TTr-BCSĐUBND ngày 05/6/2020 về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy. UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các

---

[3] Trong đó tàng trữ, vận chuyển lâm sản trái pháp luật 20 vụ; phá rừng trái phép 03 (tổng diện tích 0,69 ha) tổng số tang vật, phương tiện tạm giữ là 7,563 m^3 gỗ tròn, xẻ từ N2-N7; 35,37 Ster củi; 47 cây Hương N1; 860Kg than; 15 xe Công nông; 04 ô tô. Tổng số vụ đã xử lý là 22 vụ (xử lý hành chính 22 vụ), tịch thu: 5,693 m^3 gỗ tròn, xẻ từ N2-N7; 35,37 Ster củi; 47 cây Hương N1; 860 Kg than. Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhà nước 295.700.000 đồng (tiền phạt: 158.000.000 đồng; bán tang vật, phương tiện 137.700.000 đồng); tồn chưa xử lý: 01 vụ.

[4] Cụ thể: BQL rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn là 35/180 ha; xã Ia Phang là 15,55/50 ha; xã Ia Le là 41/75,2 ha; Ia Blứ là 8,5/95,1 ha; Chư Don là 14,49/19,7 ha; Ia Hla là 4,6/15 ha; Ia Hrú là 13,1/12,5 ha

[5] Trong đó: xã Ia Phang 4,7/20 ha; Ia Le 5,1/14 ha; Ia Blứ 5,1/10 ha; Ia Hla 0,5/10 ha; Chư Don 1,5/10 ha; Ia Hrú 3,4/2,5; BQL RPH Nam Phú Nhơn 20/20 ha. Diện tích đăng ký trồng rừng ngoài quy hoạch toàn huyện là 21/138,5 ha, cụ thể: xã Ia Hrú 7/3,5 ha; xã Ia Phang 4/25 ha, Ia Blứ 10/35 ha. Kế hoạch trồng rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp năm 2020 dự kiến trồng trên 86 ha và 15.000 cây phân tán các loại (tương đương 15 ha).

tổ chức và cá nhân thực hiện xây dựng theo quy hoạch và các quy định chung trong công tác xây dựng; nhắc nhở, hướng dẫn xử lý các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng và vi phạm các quy tắc trong xây dựng. Đã tiếp nhận và cấp 19 hồ sơ cấp phép xây dựng.

3. Đầu tư - Xây dựng cơ bản: Tổng kế hoạch vốn năm 2020 là 130.435 triệu đồng, khối lượng thực hiện tính đến ngày 30/6/2020 là 75.423 triệu đồng, đạt 57,82% Kế hoạch, khối lượng giải ngân 71.951 triệu đồng, đạt 55,16% Kế hoạch *(có bảng chi tiết kèm theo)*.

4. Tài chính-Kế hoạch: Tổng thu ngân sách nhà nước thực hiện đến ngày 30/6/2020 là 267,636 tỷ đồng, đạt 70,10% Kế hoạch tỉnh, đạt 69% Kế hoạch huyện; trong đó thu trên địa bàn (không tính kết dư chuyển nguồn) 9,849 tỷ đồng, đạt 25,78% Kế hoạch tỉnh, đạt 22,25% Kế hoạch huyện; Nếu không tính tiền sử dụng đất (23 tỷ đồng so với kế hoạch tỉnh và 28 tỷ đồng so với kế hoạch huyện) thì thu ngân sách trên địa bàn đạt 57,69% KH tỉnh, 53,93% KH huyện; Tổng chi ngân sách đến ngày 30/6/2020 là 195,412 tỷ đồng, đạt 57,27% Kế hoạch tỉnh, đạt 51,07% Kế hoạch huyện *(có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*.

5. Lĩnh vực Tài nguyên-Môi trường

Đã giải quyết 426 hồ sơ cấp mới GCN QSD đất với tổng diện tích 216,43 ha, đạt 40,49% về số hồ sơ, đạt 26,46% về diện tích so với kế hoạch; Đã giải quyết 10 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 8.705,3m^2 (trong đó chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở 1.282 m^2). Kết quả thực hiện đạt tỷ lệ 125% về số hồ sơ và 212,961% về diện tích so với cùng kỳ năm 2019; Hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất 258 hồ sơ với tổng diện tích 901.058,5 m2 (đất ở là 18.603,1 m^2; đất nông nghiệp là 882.455,4 m^2). Kết quả thực hiện đạt tỷ lệ 99,61% về số hồ sơ và 132,8% về diện tích so với cùng kỳ năm 2019; giải quyết 56 hồ sơ cấp đổi GCN QSD đất với tổng diện tích 186.163,5 m^2 (đất ở là 7.159,0 m^2; đất nông nghiệp là 179.004,5 m^2). Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2020 đạt tỷ lệ 94,92% về số hồ sơ và 76,15% về diện tích so với cùng kỳ năm 2019.

Công tác BTHT, GPMB&TĐC: UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên-MT huyện phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục triển khai tốt công tác bồi thường GPMB công trình đường nội thị, đường liên xã và hệ thống kênh mương còn lại của công trình hồ thủy lợi Plei Thơ Ga đảm bảo tiến độ đề ra. Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện công tác BTHT, GPMB &TĐC đối với 5 công trình[6] có ảnh hưởng đến 72 hộ dân, với tổng kinh phí BTHT 2,360 tỷ đồng.

Công tác quản lý nhà nước về Môi trường, khoáng sản: Tiếp tục công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong hoạt động khai thác khoáng sản. Tổ chức kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với 01 trường hợp lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng

---

[6] Trong đó: Dự án Hồ thủy lợi Plei Thơ ga (đợt 4): 18 hộ dân, 117.899.000 đồng; Dự án ổn định dân di cư tự do tập trung tại thôn Ia Brêl, xã Ia Le: 01 hộ dân, 430.476.000 đồng; đường 6C: 5 hộ dân (đất lúa), 482.725.000 đồng; đường Nội thị (đợt 9, đợt 10, đợt 11, đợt 12, đợt 13): 47 hộ dân, 1.296.372.937 đồng; đường Liên xã (đợt 3): 01 hộ dân, 32.497.000 đồng.

sản xuất tại khu vực nông thôn, xử phạt 27.500.000 đồng, đồng thời yêu cầu đối tượng vi phạm khôi phục lại hiện trạng ban đầu. Kiểm tra, lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, giao UBND cấp xã xử phạt 4.000.000 đồng.

6. Hoạt động kiến thiết thị chính: Công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm chỉ đạo, cơ sở hạ tầng được khang trang, công tác môi trường được đầu tư. Công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt được thực hiện tốt, góp phần tạo cảnh quan sạch đẹp; tổng số hợp đồng thu gom rác đã ký kết là 1.934 hợp đồng, thu tiền phí vệ sinh được 105.015.000 đồng; tổng số hợp đồng nước sạch đã ký là 1.295 hợp đồng, thu được 675.717.000 đồng.

7. Hoạt động tín dụng-ngân hàng: Chất lượng hoạt động của các Ngân hàng từng bước được nâng lên, thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục vay vốn; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn vay để đầu tư sản xuất kinh doanh. Tổng nguồn vốn huy động đạt 509.025 tỷ đồng; tổng dư nợ đạt 1.262.121 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,31% tổng dư nợ.

III. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục và Đào tạo: ngành giáo dục và đào tạo, các xã, thị trấn, các trường học đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Triển khai kịp thời chỉ đạo của Sở Giáo dục-Đào tạo về công tác dạy học qua Internet, trên truyền hình cho học sinh trong thời gian nghỉ học để phòng chống dịch bệnh Covid-19; thông báo cho học sinh THCS (lớp 6, 7, 8) đi học trở lại từ ngày 27/4/2020 và học sinh Mầm non, Tiểu học đi học trở lại từ ngày 04/5/2020. Các trường đã ổn định tình hình và nghiêm túc thực hiện khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; chất lượng giáo dục được nâng lên, thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh năm học 2019-2020 đạt 01 giải nhất, 07 giải nhì, 05 giải ba, 06 giải khuyến khích, xếp thứ 6 toàn tỉnh. Cơ sở trường lớp, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư nâng cấp, năm học 2019-2020 tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 98,5%; duy trì sỹ số học sinh đạt 99,6%; Hiện nay có 17 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

2. Y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình:

Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành y tế được chú trọng[7].

Công tác phòng chống dịch Covid-19: chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, các xã, thị trấn, Trung tâm Y tế, Trạm y tế trong toàn huyện tăng cường công tác phòng chống dịch covid-19; tập trung rà soát phương tiện, máy móc và các trang thiết bị cơ bản khác để cấp cứu, điều trị khi có ca bệnh. Xây dựng kế hoạch đáp ứng từng cấp độ dịch bệnh, tăng cường giám sát, theo dõi cách ly theo quy định. Bố trí các khu cách ly theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Đã Chuẩn bị khu cách ly tại Trung tâm Y tế huyện, số lượng 10 giường bệnh; bố trí khu cách lý tập trung dự kiến 270 công dân[8]. UBND huyện, 09/09 xã, thị trấn, 74/74 thôn làng đã thành

---

[7] Toàn huyện hiện có 95 giường bệnh (tuyến huyện 50 giường, tuyến xã 45 giường), đạt tỷ lệ 12,7 giường bệnh/vạn dân; có 129 cán bộ y tế cấp huyện, cấp xã (trong đó có 21 bác sỹ, 09 dược sĩ, 38 điều dưỡng, 19 nữ hộ sinh, 06 KTV, khác 14), 73 nhân viên y tế thôn, làng; đạt tỷ lệ 2,9 bác sĩ/vạn dân; 78% số xã có bác sỹ; 100% số xã có nữ hộ sinh. Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 89%.

[8] Tại Trường THCS Dân tộc nội trú huyện, dự kiến 120 công dân; địa điểm dự phòng tại Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Ama Trang Lơng, dự kiến 80-100 công dân; Trung tâm GDNN-GDTX huyện, dự kiến 50 công dân

lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch Covid-19 của địa phương mình và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch cụ thể. UBND huyện đã cấp 240.000.000 đồng phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19. UBND các xã, thị trấn đã xuất ngân sách với số tiền 386.324.000 đồng để triển khai các biện pháp phòng chống dịch. Tổ chức 06 đợt phun thuốc hóa chất diệt khuẩn cho các cơ sở y tế, cơ quan hành chính, chợ, nơi tập trung đông người trên địa bàn toàn huyện. Số công dân cần theo dõi sức khỏe là 3.855 công dân, số công dân đã cách ly tại nhà đủ 14 ngày là 3.855 công dân,

Trong 06 tháng đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện ổn định, tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh tại các tuyến, số lượt khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện là 13.860 lượt người, tại Trạm y tế xã, thị trấn là 10.852 lượt người. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm; đã kiểm tra 15 cơ sở, trong đó nhắc nhở 05 cơ sở nhỏ lẻ vi phạm; Đoàn kiểm tra liên ngành của các xã, thị trấn đã tiến hành kiểm tra 117 cơ sở, trong đó nhắc nhở 22 cơ sở nhỏ lẻ vi phạm.

3. Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao:

Các hoạt động nhân dịp tết nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của tỉnh, của huyện được tập trung tuyên truyền và thực hiện đúng quy trình phòng, chống dịch Covid-19. Tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh, của huyện về các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nên các sự kiện, các giải thi đấu thể thao tạm dừng; chủ động thay đổi thời gian tổ chức các giải thi đấu thể thao của huyện trong năm 2020 phù hợp.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, đã treo trên 1.600 lượt cờ chuối các loại; kẻ, vẽ 230 m^2 panô; cắt, dán 490 m băng rôn tuyên truyền. Tuyên truyền xe loa được 200 giờ. Sản xuất được 73 chương trình thời sự phát thanh, 48 chương trình truyền hình, 10 chuyên mục ATGT, 24 chuyên mục Pháp luật và Đời sống, 06 chuyên mục tiếng Jrai; Gửi 06 chuyên mục phát thanh và 06 chuyên mục truyền hình, 48 tin, bài phát trên sóng đài tỉnh. Tổng số 670 tin, 106 bài phóng sự, gương người tốt - việc tốt. Đặc biệt, đã tăng cường thông tin tuyên truyền đầy đủ, kịp thời, chính xác về tình hình dịch bệnh Covid-19, hướng dẫn các biện pháp dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh bằng 2 thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Jrai) với thời lượng phát sóng 5 lần/ngày (5-10 phút/lần).

4. Công tác Lao động Thương binh và Xã hội: Thực hiện các chế độ, chính sách cho các đối tượng chính sách, người có công, bảo trợ xã hội kịp thời, theo đúng quy định. Tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán Canh Tý cho 140 gia đình các đối tượng bảo trợ xã hội (mỗi suất quà trị giá 710.000 đồng), 60 suất quà cho người có công với kinh phí 42.600.000 đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2020 có 3.627 lao động đi làm việc ngoài tỉnh và 2.733 lao động đi làm việc ngoài tỉnh trở về địa phương. Tiếp nhận và cấp phát 92.490 kg gạo cứu đói của Thủ tướng Chính phủ để cấp phát cho 1.343 hộ/6.166 khẩu có nguy cơ thiếu đói

trong thời gian Tết Nguyên đán Canh Tý và thời gian giáp hạn đầu năm 2020[9]. Xây dựng 05 nhà ở cho người có công từ nguồn hỗ trợ trong chuyến công tác của đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng; xây dựng 07 nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn về nhà ở từ nguồn hỗ trợ của Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh với kinh phí 350 triệu đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19: Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 1.502 người, với tổng số tiền là 2.246.000.000 đồng; Người nghèo là 1.155 hộ/4.997 khẩu, với tổng số tiền là 3.747.750.000 đồng; Người cận nghèo là 1.899 hộ/9.298 khẩu, với tổng số tiền là 6.972.500.000 đồng; Người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 150 người, với tổng số tiền là: 224.000.000 đồng. Tổng kinh phí là: 13.190.250.000 đồng *(Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 08/5/2020)*. Đến nay, Bưu điện đã tổ chức chi trả xong tại 09 xã, thị trấn trên địa bàn huyện với 15.681 người với số tiền 12.988.750.000 đồng, còn 266 người với số tiền 201.000.0000 đồng nộp trả ngân sách *(số đối tượng đã tách hộ, chuyển đi, chết nên Bưu điện dừng không chi trả, để nộp trả ngân sách theo quy định)*.

UBND huyện đã gửi Sở Lao động-Thương binh và xã hội thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ: Người lao động có hợp đồng lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp: 08 người với số tiền là 08 triệu đồng; Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm, giảm sâu thu nhập trong các lĩnh vực bán hàng rong, thu gom rác, phế liệu, bốc vác, vận chuyển hàng hóa, lái xe mô tô 02 bánh, tự làm, làm trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe: 684 người với số tiền là 684 triệu đồng; Người bán lẻ xổ số lưu động: 08 người với số tiền 02 triệu đồng.

5. Công tác dân tộc: Hỗ trợ tiền tết cho 53 làng đồng bào dân tộc thiểu số (1.500.000 đồng/làng) với tổng kinh phí cấp là 70.500.000 đồng. Rà soát người có uy tín, đề nghị công nhận 53 người uy tín trong đồng bào DTTS năm 2020[10]. Tổ chức phổ biến, cung cấp thông tin cho người uy tín, phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số". Rà soát, đăng ký nhu cầu hỗ trợ muối I-Ốt năm 2020 cho 8.152 hộ/45.646 khẩu. Tuyên truyền vận động nhân dân, nhất là đồng bào DTTS chấp

---

[9] Trong đó: thiếu đói trong dịp tết Nguyên đán canh tý là 46.665kg cho 702 hộ/3.111 khẩu thiếu đói, trong thời gian giáp hạt là 45.825 kg cho 641 hộ/3.055 khẩu thiếu đói; thăm tặng quà cho 108 hộ nghèo chưa được nhận quà trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 với số tiền 54 triệu đồng, đảm bảo 100% hộ nghèo trên địa bàn huyện đều được thăm, tặng quà trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020.

[10] Trong đó: Giới tính: Nam 52 người; Nữ 01 người). Thành phần dân tộc: Jrai 49 người; Ba na 02 người; Dao 01 người; Tày 01 người. Chức danh: Già làng 29 người; Trưởng thôn 07 người; Người sản xuất kinh doanh giỏi 01 người; Chức sắc tôn giáo 01 người; Công tác Mặt trận 05 người; Công tác hoà giải 02 người; thành phần khác 08 người.

hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, giữ gìn an ninh trật tự tại cộng đồng dân cư, phòng chống dịch bệnh Covid-19.

6. Bảo hiểm xã hội: Tổng số lao động tham gia BHXH là 1.845 người, đạt 4,55% lực lượng lao động, đạt 99,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: BHXH bắt buộc là 1.743 người, đạt 97,92% so với kế hoạch; BHXH tự nguyện 102 người đạt 20,2% so với kế hoạch; Số lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 1.249 người, đạt 94,19% so với kế hoạch và 3,08% lực lượng lao động, đạt 99,68% so với cùng kỳ năm trước; số người tham gia BHYT là 69.821 người, đạt 100,25% so với kế hoạch và đạt 88,79% so với dân số, đạt 97,86% so với cùng kỳ năm trước. Số thu BHXH-BHYT-BHTN là 39,514 tỷ đồng, đạt 42,81% kế hoạch năm, đạt 123,4% so với cùng kỳ năm trước; cấp 94 sổ BHXH, phát hành 16.598 thẻ BHYT (cấp mới 4.792 thẻ, cấp lại 11.806 thẻ). Chi trả BHXH, BHYT là 12.758.961.349 đồng. Số người hưởng chế độ BHXH là 361 người. Số người hưởng chế độ hàng tháng là 154 người (trong đó: hưởng chế độ hưu trí là 132 người, chế độ tử tuất là 20 người, chế độ TNLĐ - BNN là 02 người). Giải quyết trợ cấp BHXH 1 lần 88 người. Giải quyết chế độ ốm đau thai sản nghỉ dưỡng sức cho 119 người.

7. Công tác phối hợp giữa UBND huyện với MTTQVN huyện và các tổ chức hội, đoàn thể: Tiếp tục chú trọng trong việc tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Phối hợp chặt chẽ trong phát huy dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực phối hợp trong cải cách hành chính; tập trung kêu gọi, vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, nhà tài trợ hỗ trợ cho các đối tượng, nhất là người nghèo, bệnh nhân, công nhân lao động nhân dịp tết.

IV. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Tình hình ANCT-TTATXH: Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện trong 06 tháng đầu năm 2020 cơ bản ổn định. UBND huyện đã chỉ đạo các lực lượng chức năng nắm diễn biến tình hình liên quan đến hoạt động hình thành khung "TLĐG" và phòng, chống trốn.

Tình hình trật tự an toàn xã hội: Phạm pháp hình sự xảy ra 21 vụ, trong đó: Giết người 01 vụ, cố ý gây thương tích 02 vụ, cướp tài sản 03 vụ, cưỡng đoạt tài sản 01 vụ, trộm cắp tài sản 11 vụ, đánh bạc 01 vụ, hiếp dâm người dưới 16 tuổi 02 vụ *(không tăng, không giảm so với cùng kỳ năm 2019)*. Phạm pháp ma túy 05 vụ, 09 đối tượng (*tăng 03 vụ so với cùng kỳ*); Vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế, môi trường xảy ra 12 vụ, 14 đối tượng *(giảm 03 vụ so với cùng kỳ)*[11]; Tai nạn giao thông xảy ra 12 vụ, chết 04 người, bị thương 18 người *(so với cùng kỳ: không tăng, giảm số vụ (12/12 vụ); giảm 05 người chết (04/09 người), tăng 11 người bị thương (18/7)*, tài sản thiệt hại khoảng 37.000.000 đồng; Cháy nổ xảy ra 03 vụ, tăng 01 vụ so với cùng kỳ.

---

[11] Liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm 01 vụ; Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng 06 vụ; Vận chuyển, khai thác khoáng sản trái phép 04 vụ; Hủy hoại rừng 01 vụ. Thu giữ 58,01m^3 cát xây, 14kg pháo, 17m3 gỗ các loại

2. Công tác quân sự-quốc phòng địa phương: Quán triệt, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không theo quy định, tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP, Nghị định số 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đón 103/103 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương và đăng ký, sắp xếp vào tiểu đoàn dự bị động viên huyện. Tổ chức giao quân 120/120 công dân đạt 100% chỉ tiêu. Làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ bảo đảm đúng ý định và an toàn. Kiện toàn, củng cố đơn vị dân quân tự vệ 19/19 đơn vị. Tổ chức huấn luyện LLDQ các xã, thị trấn, quân số tham gia 219/229. Tổ chức giáo dục chính trị cho 50/57 đồng chí.

3. Công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư: Triển khai 06 cuộc thanh tra đột xuất[12]; trong 06 tháng đầu năm 2020 các ngành, các cấp đã tiếp được 109 lượt có 114 người đến, giảm 83 lượt, giảm 90 người so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: UBND huyện, Thanh tra huyện, các ban ngành chức năng thuộc huyện tiếp được 54 lượt với 57 người, giảm 55 lượt, giảm 52 người so với cùng kỳ năm 2019; UBND các xã, thị trấn tiếp được 55 lượt với 57 người, giảm 28 lượt, giảm 38 người so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng số đơn thư giải quyết 06 tháng đầu năm 2020 là 61 đơn, giảm 25 đơn so với cùng kỳ năm 2019 (tiếp nhận mới là 42 đơn, năm 2019 chuyển qua là 19 đơn). Trong đó: UBND huyện tiếp nhận mới là 26 đơn, năm 2019 chuyển qua 14 đơn (trong đó 38 đơn kiến nghị, 01 đơn tố cáo, 01 đơn khiếu nại); UBND các xã, thị trấn tiếp nhận mới là 16 đơn kiến nghị, năm 2019 chuyển qua 05 đơn.

UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đã giải quyết xong 45/61 đơn đạt 73,7% (trong đó 44 đơn kiến nghị, 01 đơn khiếu nại). Còn 16 đơn đang trong thời gian giải quyết. Trong đó: UBND huyện, Thanh tra huyện và các ngành chức năng thuộc huyện đã kiểm tra, xác minh, giải quyết xong: 32/40 đơn thư chiếm 80%. Còn 08 đơn (trong đó có 07 đơn kiến nghị, 01 đơn tố cáo) đang trong thời gian tiến hành giải quyết; UBND các xã, thị trấn đã tổ chức hòa giải 13/21 đơn chiếm 61,9%. Còn 08 đơn kiến nghị đang trong thời gian tổ chức hòa giải.

4. Công tác Nội vụ: Tiếp tục thực hiện kế hoạch, lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy hành chính theo đúng quy định, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện tốt công tác cán bộ, chính sách đối với cán bộ, công chức như quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, nâng lương, đào tạo cán bộ,

---

[12] (1) việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh trên địa bàn huyện Chư Pưh tại Bảo hiểm xã hội huyện, Trung tâm y tế huyện; (2) việc quản lý giáo dục, sử dụng ngân sách và các khoản thu của học sinh tại trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân; (3) công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại xã Chư Don, xã Ia Phang, xã Ia Blứ; (4) việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên diện tích đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn quản lý, thuộc địa bàn xã Ia Blứ; (5) công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại xã Chư Don, xã Ia Phang, xã Ia Blứ; (6) việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại UBND thị trấn Nhơn Hòa.

công chức, viên chức[13]. Công tác thi đua khen thưởng đảm bảo đúng quy định; các phong trào thi đua yêu nước được phát động sâu rộng, công tác xét khen thưởng được triển khai đồng bộ, chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng thành tích, kịp thời[14].

Công tác cải cách hành chính: Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục có chuyển biến tích cực; tăng cường mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của người dân và doanh nghiệp. Tổ chức Hội nghị đánh giá, nâng cao chất lượng CCHC và năng lực cạnh tranh trên địa bàn huyện năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020; Đánh giá kết quả thực hiện chủ đề năm 2019 "quyết tâm, kỷ cương, hiệu quả" của huyện. Thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích được tăng cường. Đã triển khai thí điểm việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích tại xã Ia Hrú. Xây dựng quy trình và nâng cấp phiên bản hệ thống chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

Các tôn giáo sinh hoạt bình thường, hoạt động của các tôn giáo diễn ra tương đối ổn định, cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo đều được chính quyền quan tâm, tạo điều kiện. Tổ chức đoàn đi thăm, tặng quà các cơ sở tôn giáo nhân dịp Lễ, Tết.

5. Công tác Tư pháp: Việc tuyên truyền, triển khai các văn bản pháp luật mới được thực hiện kịp thời; tiếp nhận và cấp phát 1.791 cuốn sổ tay pháp luật các loại, biên soạn và in ấn 30.000 tờ gấp pháp luật tuyên truyền về dịch bệnh Covid-19 cấp phát cho các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn, đội ngũ hòa giải viên dùng làm tài liệu tuyên truyền. Biên soạn 05 bản tin pháp luật đăng trên Cổng thông tin điện tử của huyện. Tập huấn nghiệp vụ kết nối liên thông dữ liệu hộ tịch phân hệ đăng ký nuôi con nuôi trong nước cho công chức Tư pháp-Hộ tịch các xã, thị trấn; tổ chức tuyên truyền miệng được 29 buổi với 2.306 lượt người tham dự, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh không dây được 31 chương trình với 60.9 giờ phát sóng; công tác đăng ký quản lý hộ tịch, chứng

---

[13] Bổ nhiệm CHP BCHQS xã Ia Hla; Tinh giản biên chế năm 2020 đối với ông Hoàng Văn Thế, PCT HĐND xã Ia Dreng; Thôi việc 01 công chức xã; bổ nhiệm 01 cán bộ không chuyên trách xã Ia Rong, 02 cán bộ không chuyên trách xã Ia Hla; điều động, bố trí Công an chính quy giữ chức danh Trưởng Công an xã đối với 04 xã; tiếp nhận và bố trí 01 cán bộ xã sang công chức xã; nâng lương thường xuyên, PCTN đối với 23 CBCC cấp xã; nâng lương thường xuyên, PCTNVK đối với 15 CCVC; điều chỉnh cho trả PCTN cho ông Rah Lan Hrí, chấm dứt HĐLĐ 68 01 trường hợp, quyết định cho 01 viên chức nghỉ hưu; HĐLĐ 68 01 trường hợp; thông báo nghỉ hưu cho 04 công chức, viên chức; Giải quyết tinh giản biên chế cho 05 viên chức; cử 06 cán bộ Chính trị viên phó, chỉ huy phó tập huấn tại tỉnh; đăng ký nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên theo quy định; điều động, bố trí Công an chính quy giữ chức danh Trưởng Công an xã đối với 04 xã.

[14] Tặng Giấy khen cho 03 tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2019; tặng Giấy khen cho 02 tập thể, 12 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật năm 2019; tặng Giấy khen cho 04 tập thể, 09 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo năm 2019; tặng Giấy khen cho 02 tập thể, 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Văn hóa, thông tin, thể thao năm 2019; tặng Giấy khen cho 01 tập thể, 07 cá nhân có thành tích xuất sắc trong đợt cao điểm trấn áp tội phạm, bảo vệ Tết Nguyên Đán Canh Tý 2020; tặng Giấy khen cho 05 tập thể, 07 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục quốc phòng an ninh năm 2019; tặng Giấy khen cho 07 cá nhân có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng chống tội phạm năm 2019; tặng Giấy khen cho 03 tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Chữ thập đỏ giai đoạn 2015-2020; tặng Giấy khen cho 02 tập thể, 15 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác HMTN đợt 1, năm 2020; tặng Giấy khen cho 02 tập thể và 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới thôn Thơh Nhueng, xã Ia Phang; Tặng giấy kkhen cho 05 cá nhân có thành tích trong phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự ATXH.

thực đã giải quyết 6.546 trường hợp theo đúng quy định[15]; công tác hòa giải cơ sở đã thụ lý 10 việc, hòa giải thành 10 việc (trong đó: dân sự 07 việc, hôn nhân và gia đình 03 việc); đã kiểm tra tính pháp lý 01 hồ sơ đưa vào trường giáo dưỡng, 01 hồ sơ đưa vào sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

6. Công tác Thi hành án: Tổng số việc phải thi hành là 636 việc. Năm 2019 chuyển sang 415 việc; thụ lý mới 221 việc. Trong đó: Số việc có điều kiện thi hành án 421 việc; số việc chưa có điều kiện thi hành án 212 việc; số việc ủy thác 03 việc; Tổng số tiền thụ lý là 159.946.272.000 đồng (trong đó: số cũ chuyển sang 90.722.621.000 đồng; số thụ lý mới 69.223.651.000 đồng). Trong đó: số tiền có điều kiện thi hành án 89.971.228.000 đồng; số tiền chưa có điều kiện thi hành án 69.558.244.000 đồng. Số tiền chuyển kỳ sau 142.500.320.000 đồng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh năm 2020 được UBND huyện ban hành, chỉ đạo triển khai kịp thời ngay từ những tháng đầu năm. Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 trên địa bàn huyện được chuẩn bị chu đáo và triển khai thực hiện tốt, đảm bảo cho mọi người dân đón tết với không khí vui tươi, phấn khởi đầm ấm; hàng hóa được cung ứng đầy đủ, kịp thời đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; UBND huyện đã quan tâm tổ chức hội nghị trực tuyến về các giải pháp phát triển hợp tác xã, nông hội; Công tác phòng, chống dịch Covid-19; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; sâu bệnh trên cây trồng; công tác phòng chống khô hạn, phòng cháy chữa cháy rừng đã được chỉ đạo kịp thời. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho các đối tượng thụ hưởng. Công tác CCHC; tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức được quan tâm; các vấn đề bức xúc xã hội được tập trung xử lý. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; tổ chức giao quân đạt 100% kế hoạch; tai nạn giao thông giảm 05 người chết (04/09 người) so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện và đời sống của nhân dân nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người hưởng bảo trợ xã hội. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng một số công trình gặp nhiều khó khăn do nhiều hộ dân chưa đồng ý với phương án hiến đất, cây cối để làm đường; tình hình trồng rừng bị chết nên việc triển khai trồng rừng gặp nhiều khó khăn; phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, liên kết sản xuất trong nhân dân còn ít và gặp nhiều khó khăn; Công tác quản lý giáo dục của phòng Giáo dục và các trường học chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới; một số phòng ban, đơn vị, địa phương chậm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của

---

[15] Phòng Tư pháp: đã tiếp nhận và giải quyết 15 việc, gồm: 03 việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, 11 việc đăng ký cải chính hộ tịch, 01 việc đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; Phòng đã tiếp nhận và giải quyết chứng thực 508 việc sao y bản chính tiếng Việt, 03 việc chứng thực chữ ký; UBND cấp xã: Đăng ký kết hôn 233 việc; Đăng ký khai sinh 850 việc (trong đó: Đăng ký đúng hạn 430 việc, Đăng ký quá hạn 420 việc); Đăng ký lại việc sinh 519 việc; Đăng ký khai tử 146 việc; Xác nhận tình trạng hôn nhân 285 việc; Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch 24 việc; Nhận cha, mẹ, con 19 việc. Các xã, thị trấn đã tiếp nhận và giải quyết 3.944 việc, trong đó: 222 hợp đồng giao dịch, 448 việc chứng thực chữ ký; 3.274 trường hợp sao y bản chính tiếng Việt.

UBND huyện giao; tính chủ động trong thực hiện, phối hợp thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu một số phòng ban, đơn vị, địa phương, đơn vị chưa cao; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

B. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo các đơn vị ngành nông nghiệp huyện, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn nhân dân gieo trồng vụ Mùa 2020 đảm bảo đúng lịch thời vụ, đạt hiệu quả cao hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các mô hình giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả với các Công ty, Doanh nghiệp, Hợp tác xã có triển khai các dự án liên kết chuỗi giá trị; tiếp tục thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với Công ty Đồng Giao, Nafoods, Công ty Dâu tằm tơ Mang Yang, Công ty Đông Nam dược Gia Lai. Chủ động chỉ đạo, triển khai kịp thời các biện pháp Phòng chống thiên tai trong mùa mưa bão 2020; phòng tránh, ứng phó với thời tiết cực đoan như lốc xoáy, mưa đá... trên địa bàn huyện; đẩy nhanh tiến độ triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu trong năm 2020, xã Ia Dreng và 08 làng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai chương trình tái canh cà phê, trồng rừng năm 2020; đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông 2020; thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm phát triển Hợp tác xã.

2. Tiếp tục chỉ đạo các ngành chuyên môn triển khai hiệu quả Đề án cây có múi; xây dựng bản đồ thổ nhưỡng; đề án phát triển hồ thủy lợi Plei Thơ Ga sau khi đưa vào sử dụng; Kế hoạch định hướng và phát triển cây trồng chủ lực; Kế hoạch phát triển Hợp tác xã nông nghiệp gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới; Kế hoạch phát triển mỗi xã một sản phẩm OCOOP năm 2020; Kế hoạch triển khai hiệu quả chỉ đạo điểm phát triển kinh tế xã hội 02 xã điểm Ia Dreng và Ia Blứ...

3. Chỉ đạo Ngành chuyên môn tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, đặc biệt là những thời điểm giao mùa; các giải pháp về chuyên môn để phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; hướng dẫn bà con nông dân phòng, trừ sâu, bệnh hại trên cây trồng vụ Mùa, đặc biệt là bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu trong đầu giữa và cuối mùa mưa. Tiếp tục thực hiện kiểm tra nguồn gốc và việc lưu hành các loại phân bón, thuốc BVTV, giống cây trồng để đảm bảo chất lượng giống cũng như chất lượng các loại vật tư phục vụ cho sản xuất vụ Mùa năm 2020.

4. Triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác QLBVR; dự án quản lý bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg; kế hoạch giao đất, giao rừng trên địa bàn huyện; mô hình trồng rừng tập trung; triển khai kế hoạch thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm để chuyển đổi cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng trên địa bàn từng xã đạt kế hoạch đề ra.

5. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020; Công tác BTHT, GPMB &TĐC các công trình, dự án trong năm 2020; giải quyết hồ sơ xin chuyển nhượng QSD đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đăng ký thế chấp, bảo lãnh QSD đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện, tuyên truyền hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

6. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; nâng cao chất lượng tham mưu lập, trình phê duyệt các quy hoạch làm cơ sở phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, kêu gọi đầu tư.

7. Thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước một cách chủ động, tích cực; xây dựng các biện pháp cụ thể để phấn đấu thu ngân sách năm 2020 đạt kế hoạch; bảo đảm chi ngân sách nhà nước hiệu quả và theo dự toán được giao. Xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Triển khai đẩy nhanh tiến độ công tác xây dựng cơ bản năm 2020.

8. Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác kiểm soát chi, kiên quyết từ chối các khoản chi không đúng chế độ, không đủ thủ tục thanh toán.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI:

1. Ngành Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và duy trì kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương đổi mới của ngành. Chỉ đạo các trường học trên địa bàn tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định, hướng dẫn của ngành y tế và chỉ đạo của UBND tỉnh. Thực hiện Kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động "Xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn", nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch trọng tâm theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Thường xuyên cập nhật, theo dõi, nắm sát tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn huyện; bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các giải pháp phòng chống dịch kịp thời, phù hợp, hiệu quả, với phương châm "không để dịch xảy ra trên địa bàn". Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám chữa bệnh. Tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt Chương trình Dân số-KHHGĐ, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đề ra cho lĩnh vực dân số.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương. Tiếp tục phát động rộng khắp phong trào tập luyện thể dục thể thao từ huyện xuống cơ sở. Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và tham gia các giải đấu, Hội thi của tỉnh tổ chức. Thường xuyên kiểm tra các hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá, Internet. Tăng cường, đổi

mới chất lượng tin, bài viết và các chuyên mục phát thanh, truyền hình, phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền cơ sở.

4. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, đảm bảo an sinh xã hội. Chủ động triển khai kế hoạch giảm nghèo năm 2020; tập trung đẩy nhanh giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm. Tăng cường công tác quản lý vệ sinh, an toàn lao động. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2020; Tết Trung thu; Diễn đàn trẻ em; kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh-Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2020).

5. Thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo quy định, vận động người có uy tín phát huy tốt vai trò của mình trong cộng đồng dân cư, gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kịp thời các chính sách trợ cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng có hiệu quả các mặt hàng được cấp hỗ trợ. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng thôn xã đặc biệt khó khăn; thôn, làng đặc biệt khó khăn năm 2020. Tăng cường tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

6. BHXH, BHYT, BHTN: phấn đấu số người tham gia BHXH, BHTN, BHYT đạt tỷ lệ so với kế hoạch giao; hạn chế nợ đọng, trốn đóng, giảm tỷ lệ nợ BHXH , BHYT, BHTN; giải quyết, chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời và đúng quy định; Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách pháp luật về BHXH, BHYT; rà soát các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để xác định, phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN và tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện BHXH, BHYT, BHTN.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện những âm mưu và thủ đoạn của các đối tượng FULRO lưu vong, hoạt động phục hồi tổ chức FULRO, "Tin lành Đêga"; tuyên truyền, kích động, lôi kéo đồng bào DTTS trốn sang Campuchia, Thái Lan. Nắm tình hình hoạt động lợi dụng tôn giáo; các vụ việc liên quan đến an ninh nông thôn để chủ động tham mưu cho cấp ủy và chính quyền giải quyết dứt điểm, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại các xã, thị trấn; tổ chức tuần tra kiểm soát, phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

2. Thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của UBND tỉnh, kế hoạch của Công an tỉnh. Tiếp tục đấu tranh trấn áp các loại tội phạm trên địa bàn huyện, tập trung chỉ đạo công tác phòng ngừa tội phạm, điều tra khám phá các vụ án đạt tỷ lệ cao; tăng cường công tác tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ, tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3. Duy trì nghiêm túc chế độ trực SSCĐ, trực chỉ huy, trực ban, phân đội trực chiến từ huyện đến các xã, thị trấn theo đúng kế hoạch, nắm chắc tình hình ANCT trên địa bàn. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ QP-QSĐP, trong đó tập trung vào nhiệm vụ bảo đảm giữ gìn ANCT-TTATXH, nhất là trong các

ngày lễ, các sự kiện chính trị, Đại hội Đảng các cấp, nâng cao chất lượng huấn luyện theo kế hoạch. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, trực SSCĐ.

4. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, không để công dân bức xúc dẫn đến khiếu nại vượt cấp. Công tác thanh tra theo kế hoạch, phòng chống tham nhũng lãng phí, kịp thời phát hiện các vi phạm trong công tác quản lý nhà nước để kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn.

5. Tiếp tục triển khai công tác phổ biến, giáo dục, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, kế hoạch công tác tư pháp trọng tâm năm 2020. Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Khẩn trương khắc phục những hạn chế mà Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh đã chỉ ra. Tập huấn chuyển đổi hệ thống ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015.

6. Tiếp tục rà soát, xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp bộ máy hành chính theo quy định phù hợp với tình hình thực tế; thực hiện đúng quy định, kịp thời công tác quản lý nhà nước về chính quyền địa phương, công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền, công tác quản lý nhà nước về văn thư lưu trữ, tôn giáo, thi đua - khen thưởng, chính sách đối với cán bộ, công chức. Tăng cường thực hiện nghiêm quy chế làm việc, đảm bảo chế độ thông tin để cấp ủy Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, Mặt trận giám sát, kiểm tra và các ngành chuyên môn chủ động triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2020. UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Thường trực Huyện ủy biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- TT. UBMTTQ huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Uỷ viên UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện uỷ;
- Các Phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, các CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tứ

BÁO CÁO ƯỚC TÍNH CHỈ TIÊU TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI HUYỆN CHƯ PƯH

(Thực hiện 6 tháng năm 2020)

	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	NQ HĐND huyện giao năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Tỷ lệ thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	
					So sánh với cùng kỳ (%)	So sánh NQ HĐND huyện giao (%)
1	2	3	4	5,00	6	7
I. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT						
1. Tổng sản phẩm trong huyện	*Tỷ đồng*	***1.631,44***	***3.617,86***	***1.819,16***	***111,51***	***50,28***
(Giá so sánh 2010)						
- Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	*Tỷ đồng*	649,28	1.547,67	747,56	*115,14*	*48,30*
- Công nghiệp - XDCB	*Tỷ đồng*	517,04	1.114,21	568,20	*109,89*	*51,00*
- Thương mại - Dịch vụ	*Tỷ đồng*	465,12	955,98	503,40	*108,23*	*52,66*
2. Tổng sản phẩm trong huyện	*Tỷ đồng*	***2.371,19***	***5.398,82***	***2.654,68***	***111,96***	***49,17***
(Giá Thực tế)						
- Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	*Tỷ đồng*	922,63	2.414,68	1.068,90	*115,85*	*44,27*
- Công nghiệp - XDCB	*Tỷ đồng*	794,79	1.669,05	876,20	*110,24*	*52,50*
- Thương mại - Dịch vụ	*Tỷ đồng*	653,77	1.315,09	709,58	*108,54*	*53,96*
* Cơ cấu ngành		100,00	100,00	100,00	*100,00*	*100,00*
- Nông, lâm nghiệp và Thủy sản	%	38,91	44,70	40,26	*103,48*	*90,08*
- Công nghiệp - XDCB	%	33,52	30,90	33,01	*98,47*	*106,82*
- Thương mại - Dịch vụ	%	27,57	24,40	26,73	*96,95*	*109,55*
*Thu nhập bình quân đầu người/ năm	*Tr.đồng*		42,86			
* Giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng	*Tr.đồng*		69,87			
* Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	*Tỷ đồng*	465,07	1.148,00	561,30	*120,69*	*48,89*
Trong đó: vốn NSNN	*Tỷ đồng*	46,775	60,28	58,10	*124,21*	*96,38*
*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	*Tỷ đồng*	375,03	786,21	414,19	*110,44*	*52,68*
II. THU CHI NGÂN SÁCH						
1. Tổng thu ngân sách	*Tỷ đồng*	**208,39**	**350,09**	**229,85**	***110,30***	***65,65***
a. Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn	*Tỷ đồng*	8,93	44,27	9,85	*110,25*	*22,25*
b. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	*Tỷ đồng*	199,46	305,821	220	*110,3*	*71,94*
2. Tổng chi ngân sách trên địa bàn	*Tỷ đồng*	**125,74**	**360,82**	**195,41**	***155,4***	***54,16***
a. Chi đầu tư phát triển	*Tỷ đồng*	11,98	39,84	20,34	*169,82*	*51,06*
b. Chi thường xuyên	*Tỷ đồng*	113,76	305,56	165,65	*145,61*	*54,21*
III. VĂN HÓA XÃ HỘI						
1. Dân số trung bình	Người	75.341	80.134	76.750	*102*	*95,78*
Tốc độ tăng tự nhiên	%	1,43	1,40	1,40	*giảm 0,03%*	***100***
2. Giải quyết việc làm cho lao động mới	Người	630	920	310	*49,21*	*33,70*
3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	%	38	97	40	*105,26*	*41,24*
4. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	19,44	18,10	18,71	giảm 0.73%	*Chưa đạt*

	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	NQ HĐND huyện giao năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Tỷ lệ thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	
					So sánh với cùng kỳ (%)	So sánh NQ HĐND huyện giao (%)
5. Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ	%	78	89	78	*100*	*87,64*
6. Tỷ lệ người tham gia BHYT so với tổng số dân	%	91,11	96,10	88,79	*97,45*	*92,39*
7. Tỷ lệ người tham gia BHXH	%	5,04	5,02	4,55	*90,21*	*90,64*
8. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	96,00	98,30	98,50	*102,6*	*100,2*
9. Duy trì sĩ số học sinh	Học sinh	99,10	99,60	99,60	*100,5*	*100*
10. Xây dựng trường chuẩn quốc gia	Trường		2			
11. Xây dựng công sở văn hóa	Công sở		2			
12. Thôn, làng đạt chuẩn văn hóa	Thôn, làng		3			
13. Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, thị trấn	9	9			
14. Số hộ nghèo	Hộ		1.158			
15. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới hiện nay	%		5,1			
16. Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cao su)	%	25,20	25,2			
17. Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	%	81,50	90			
18. Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	75,00	85			
19. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	89,00	99			
20. Số xã đạt chuẩn NTM	xã		1			
21. Kế hoạch trồng rừng	Ha		225			

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH THỰC HIỆN ĐẾN 30/6/2020

(Kèm theo Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Chư Pưh)

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	Thực hiện 30/6/2020	So sánh KH	
					KH tỉnh (%)	KH huyện (%)
	Tổng thu ngân sách	**381.818.359**	**387.878.359**	**267.636.366**	**70,10**	**69,00**
I	**Thu tại địa bàn**	**38.210.000**	**44.270.000**	**9.849.007**	**25,78**	**22,25**
	Không tính tiền sử dụng đất	*15.210.000*	*16.270.000*	*8.775.132*	*57,69*	*53,93*
1	***Thu trong cân đối***	***38.210.000***	***44.270.000***	***9.849.007***	***25,78***	***22,25***
	Trong đó: Chi cục thuế thu	*12.100.000*	*13.100.000*	*7.397.164*	*61,13*	*56,47*
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	5.150.000	5.950.000	2.911.826	56,54	48,94
-	Thuế VAT và TNDN	4.600.000	5.350.000	2.409.033	52,37	45,03
-	Thuế môn bài					
-	Thuế tài nguyên	400.000	450.000	448.171	112,04	99,59
-	Thu khác về thuế	150.000	150.000	21.564	14,38	14,38
-	Thuế TTĐB	-	-	33.058	-	-
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn	-	-	-	-	-
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)	-	-	-	-	-
1.3	Thuế nha đất phi nông	-	-	-	-	-
1.4	Thu phí và lệ phí	1.350.000	1.350.000	1.112.191	82,38	82,38
1.5	Lệ phí trước bạ	1.900.000	2.100.000	1.371.043	72,16	65,29
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	3.100.000	3.100.000	1.946.935	62,80	62,80
1.7	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	600.000	600.000	55.169	9,19	9,19
1.8	Thu tiền sử dụng đất	23.000.000	28.000.000	1.073.875	4,67	3,84
1.9	Thu khác ngân sách	3.110.000	3.170.000	1.377.968	44,31	43,47
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1.640.000	1.640.000	521.419	31,79	31,79
-	Thu NĐ 100/CP	1.470.000	1.530.000	856.549	58,27	55,98
1.10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-	-
1.11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	-	-	-	-
2	***Các khoản thu thông qua ngân sách***	-	-	-	-	-
-	Tiền bán lâm sản tịch thu	-	-	-	-	-
-	Thu học phí	-	-		-	-
-	Thu huy động đóng góp CSHT	-	-		-	-
II	**Thu chuyển nguồn**	**37.787.359**	**37.787.359**	**37.787.359**	**100,00**	**100,00**
III	***Thu kết dư***					
IV	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**305.821.000**	**305.821.000**	**220.000.000**	**71,94**	**71,94**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số:249/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện đến 30/6/2020	SS KH tỉnh đến 30/6/2020 (%)	SS KH huyện đến 30/6/2020 (%)
A	**TỔNG CHI NS ĐP**	**341.231.000**	**360.815.708**	**195.412.633**	**57,27%**	**54,16%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**34.840.000**	**39.840.000**	**20.344.483**	**58,39%**	**51,07%**
II	**Chi thường xuyên**	**292.036.000**	**305.560.708**	**165.649.046**	**56,72%**	**54,21%**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	8.792.000	15.024.100	7.980.000	90,76%	53,11%
2	Kiến thiết thị chính	4.000.000	4.000.000	3.953.314	98,83%	99%
3	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.750.000	10.175.037	5.200.000	138,67%	51,11%
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	350.000	1.000.000	-	0%	0%
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	165.805.000	165.981.400	71.500.000	43,12%	43,08%
6	Chi sự nghiệp y tế	-	371.000	186.000	-	50,13%
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	1.098.165	530.000	-	48,26%
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	363.000	89.200	-	24,57%
9	Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	-	1.200.000	412.000	-	34,33%
10	Chi quản lý hành chính	-	31.512.000	20.100.000	-	63,79%
11	Chi an ninh	-	1.040.418	459.377	-	44,15%
12	Chi quốc phòng	-	2.965.764	1.565.764	-	52,79%
13	Chi đảm bảo xã hội	9.148.000	9.882.250	5.350.000	58,48%	54,14%
14	Các nhiệm vụ chi khác, các khoản chi khác theo quy định của Pháp luật	-	5.406.574	3.330.102	-	62%
15	Chi bổ sung ngân sách cấp xã	-	55.541.000	48.946.603	-	88,13%
16	Các nhiệm vụ chưa phân bổ	-	2.720.000	1.269.500	-	-
-	*Mua sắm tài sản các ngành*	-	*500.000*	*65.000*	-	*13,00%*
-	*Phần mềm các đơn vị*	-	*600.000*	-	-	-
-	*Thăm đối tượng tết*	-	*1.290.000*	*1.204.500*	-	*93,37%*
-	*Chi thuê đường truyền trực tuyến các xã, thị trấn*	-	*330.000*	-	-	-
17	Chi các nhiệm vụ phát sinh đột xuất	-	570.000	179.110	-	31,42%
18	Tỉnh tạo nguồn năm 2020	100.191.000	-	-	-	-
IV	**Dự phòng ngân sách**	**5.823.000**	**5.823.000**	**4.031.569**	**69%**	**69%**
V	**Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa**	**2.832.000**	**2.832.000**	**1.784.389**	**63%**	**63,01%**
VI	**Chi từ nguồn tăng thu, quản lý qua ngân sách**	-	**1.060.000**			**0%**
VII	**Sửa chữa đường giao thông liên xã khắc phục hậu quả thiên tai**	**5.700.000**	**5.700.000**	**3.603.146**	**63%**	**63,21%**

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó		Cùng kỳ 2019	So sánh		UTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa		% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
A	Trồng trọt				KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	23.879,5	32.546,0	1.076,9	639,5	1.796,8	1.467,7	4.215,1	2.733,7	6.488,5	2.419,2	2.157,2	1.538,8	1.092,9	681,8	8.996,1	7.279,3	2.393,5	821,5	4.329,1	3.441,0	21.022,5	1.721,2	19.301,3	18.846,3	64,6	111,5	32.556,0
	Tổng Sản lượng LT	Tấn	27.285,8	56.736,6	2.482,9	300,0	1.514,7	459,0	8.625,3	200,0	17.021,4	695,3	4.874,8	575,0	1.755,4	358,4	6.825,4	271,8	6.502,3	546,0	7.134,5	200,0	3.605,5	3.605,5	0,0	3.578,5	6,4	100,8	56.568,1
	Trong đó: Thóc		9.885	15.339,1	1.374,2	300,0	1.165,0	459,0	1.409,4	200,0	2.487,6	695,3	2.143,3	575,0	780,9	358,4	2.896,4	271,8	2.464,7	546,0	617,8	200,0	3.605,5	3.605,5	0,0	4.249,1	23,5	84,9	15.127,3
I	Cây lương thực	Ha	5.859	10.744,8	485,0	265,0	299,4	154,4	1.616,5	1.042,0	3.173,9	640,0	935,4	515,0	350,0	117,0	1.325,3	73,3	1.233,5	125,0	1.325,8	1.240,0	4.171,7	700,3	3.471,4	2.681,0	38,8	155,6	10.744,8
1	Lúa tổng số		2.018	3.103,5	280,0	60,0	235,0	90,0	286,5	40,0	498,9	135,0	432,0	115,0	155,0	70,0	600,3	45,3	490,0	105,0	125,8	40,0	700,3	700,3	0,0	700,0	22,6	100,0	3.103,5
	Năng suất	Tạ/ha	49	49,4	49,1	50,0	49,6	51,0	49,2	50,0	49,9	51,5	49,6	50,0	50,4	51,2	48,2	60,0	50,3	52,0	49,1	50,0	465,7	51,49	414,2	51,12	942,2	911,0	48,7
	Sản lượng	Tấn	9884,6	15.339,1	1.374,2	300,0	1.165,0	459,0	1.409,4	200,0	2.487,6	695,3	2.143,3	575,0	780,9	358,4	2.896,4	271,8	2.464,7	546,0	617,8	200,0	3.605,5	3.605,50	0,0	3.578,45	23,5	100,8	15.127,3
a	Lúa Đông xuân	*Ha*	*700*	*700,3*	*60,0*	*60,0*	*90,0*	*90,0*	*40,0*	*40,0*	*135,0*	*135,0*	*115,0*	*115,0*	*70,0*	*70,0*	*45,3*	*45,3*	*105,0*	*105,0*	*40,0*	*40,0*	700,3	*700,3*	0,0	700,0	100,0	100,0	700,3
	Năng suất	Tạ/ha	51,1	51,4	51,2	50,0	51,3	51,0	51,0	50,0	51,5	51,5	51,3	50,0	51,4	51,2	51,3	60,0	51,4	52,0	51,5	50,0	51,5	51,5	0,0	51,1	100,2	100,7	51,4
	Sản lượng	Tấn	3578,5	3.596,5	307,2	300,0	461,7	459,0	204,0	200,0	695,5	695,3	590,0	575,0	360,1	358,4	232,4	271,8	539,7	546,0	206,0	200,0	3.605,5	3.605,5	0,0	3.578,5	100,2	100,8	3.596,5
b	Lúa nước vụ mùa	*Ha*	*1311*	*2.395,7*	*220,0*		*145,0*		*246,5*		*356,4*		*317,0*		*85,0*		*555,0*		*385,0*		*85,8*		0,0		0,0	*0,0*	0,0		2.395,7
	Năng suất	Tạ/ha	48	48,9	48,5	0,0	48,5		48,9		49,8		49,0		49,5		48,0		50,0		48,0				0,0	0,0	0,0		48,9
	Sản lượng	Tấn	6291,1	11.725,4	1.067,0	0,0	703,3	0,0	1.205,4	0,0	1.774,9	0,0	1.553,3	0,0	420,8	0,0	2.664,0	0,0	1.925,0	0,0	411,8	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		11.725,4
c	*Lúa đồi*	*Ha*	*7*	*7,5*							*7,5*				*0,0*		*0,0*		*0,0*				0,0		0,0	*0,0*	0,0		7,5
	Năng suất	Tạ/ha	21,4	22,9							22,9				0,0		0,0		0,0						0,0	0,0	0,0		22,9
	Sản lượng	Tấn	15	17,2							17,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		17,2
2	Ngô cả năm	Ha	3841	7.641,3	205,0	205,0	64,4	64,4	1.330,0	1.002,0	2.675,0	505,0	503,4	400,0	195,0	47,0	725,0	28,0	743,5	20,0	1.200,0	1.200,0	3.471,4		3.471,4	1.981,0	45,4	175,2	7.641,3
	Năng suất	Tạ/ha	45,3	54,2	54,2		53,5		54,1		54,3		54,3		54,1		54,2		54,3		54,2		0,0		0,0	0,0	0,0		54,2
	Sản lượng	Tấn	17401,2	41.397,5	1.108,7	0,0	349,7	0,0	7.215,9	0,0	14.533,8	0,0	2.731,6	0,0	974,5	0,0	3.929,0	0,0	4.037,6	0,0	6.516,7	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		41.440,8

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó			So sánh		ƯTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa	Cùng kỳ 2019	% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
	Trong đó: Ngô lai	Ha	3576	7.546,3	185,0	185,0	64,4	64,4	1.305,0	1.000,0	2.650,0	500,0	498,4	398,0	190,00	47,00	710,0	25,0	743,5	20,0	1.200,0	1.200,0	3.439,4		3.439,4	1.981,0	45,6	173,6	7.546,3
	Năng suất	Ta/ha	45,5	54,2	54,3		54,3		54,3		54,3		54,3		50,0		54,3		54,3		54,3		0,0		0,0	0,0	0,0		54,2
	Sản lượng	Tấn	17095,6	40.899,0	1.004,7	0,0	349,7	0,0	7.086,9	0,0	14.391,0	0,0	2.706,6	0,0	950,0	0,0	3.855,7	0,0	4.037,6	0,0	6.516,7	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		40.899,0
	Ngô địa phương		265	95,0	20,0	20,0			25,0	2,0	25,0	5,0	5,0	2,0	5,00		15,0	3,0			0,0		32,0		32,0		33,7		95,0
	Năng suất	Ta/ha	11,53	52,5	52,0				51,6		57,1		50,0		49,0		48,9						0,0		0,0	1.352,5	0,0	0,0	60,9
	Sản lượng	Tấn	305,6	498,5	104,0	0,0	0,0	0,0	129,0	0,0	142,8	0,0	25,0	0,0	24,5	0,0	73,3	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	1.238,0	0,0	0,0	579,0
II	Cây có củ	Ha	1473	1.884,5	35,0	27,0	73,0	55,0	422,6	353,3	380,0	355,0	194,0	186,0	103,0	90,5	80,0	61,0	248,9	224,0	348,0	342,0	1.693,8	115,0	1.578,8	1.352,5	89,9	125,2	1.884,5
1	Sắn	Ha	1250	1.549,2	20,0	20,0	40,0	40,0	328,3	328,3	340,0	340,0	180,0	180,0	75,0	75,0	40,0	40,0	198,9	198,0	327,0	327,0	1.548,3		1.548,3	1.238,0	99,9	125,1	1.549,2
	Năng suất	Ta/ha	190,2	182,3	182,3		182,3		182,3		182,3		182,3		182,3		182,3		182,3		182,3		0,0		0,0	0,0	0,0		182,3
	Sản lượng	Tấn	23778,4	28.249,6	364,7		729,4		5.986,5		6.199,9		3.282,3		1.367,6		729,4		3.626,9		5.962,8		0,0		0,0	0,0	0,0		28.249,6
2	Khoai các loại	Ha	223	335,3	15,0	7,0	33,0	15,0	94,3	25,0	40,0	15,0	14,0	6,0	28,0	15,5	40,0	21,0	50,0	26,0	21,0	15,0	145,5	115,0	30,5	114,5	43,4	127,1	335,3
	Năng suất	Ta/ha	95,01	90,5	90,2	115,4	90,2	70,3	90,0	30,4	90,5	96,0	90,3	95,8	90,3	65,0	90,2	114,6	90,1	55,4	90,0	102,0	75,8	95,8	-20,0	95,9	83,7	79,0	90,5
	Sản lượng	Tấn	2118,6	3.035,7	135,3	80,8	310	106	848,5	76,0	362,0	144,0	126,4	57,5	252,8	100,8	360,8	240,6	450,50	144,00	189,2	153,0	1.102,2	1.102,1	0,1	1.098,5	36,3	100,3	3.035,7
III	Cây thực phẩm	Ha	2110	3.995,3	203,8	120,0	151,3	113,0	440,0	93,0	1.240,0	129,0	186,0	107,0	145,0	94,5	530,0	117,0	327,0	70,5	772,2	476,0	1.320,0	748,0	572,0	1.324,0	33,0	99,7	3.995,3
1	Đậu các loại	Ha	610	1.730,7	43,8	25,0	46,9	36,0	270,0	42,0	480,0	35,0	71,0	35,0	55,0	18,0	260,0	61,0	152,0	6,5	352,0	176,0	434,5	128,0	306,5	432,0	25,1	100,6	1.730,7
	Năng suất	Ta/ha	8	7,1	7,3	2,9	7,4	4,3	7,3	1,2	7,4	7,3	7,3	2,0	7,0	4,1	7,3	1,3	7,5	7,2	7,4	0,7	2,2	7,3	-5,1	7,3	30,2	29,5	7,1
	Sản lượng	Tấn	486,3	1.234,0	32,0	7,3	21	15	197,1	5,1	355,2	25,7	5,3	6,9	38,50	7,40	189,8	8,1	114,00	4,70	281,6	13,0	93,5	93,5	0,0	315,3	7,6	29,7	1.234,0
2	Rau các loại	Ha	1600	2.264,6	160,0	95,0	104,4	77,0	170,0	51,0	760,0	94,0	115,0	72,0	90,0	76,5	270,0	56,0	175,0	64,0	420,2	300,0	885,5	620,0	265,5	892,0	39,1	99,3	2.264,6
	Năng suất	Ta/ha	133,7	108,7	140,0	116,8	152	105,4	133,5	104,6	140,6	132,0	133,0	136,5	133,0	126,6	133,5	132,2	145,0	123,8	133,5	35,4	93,1	132,9	-39,8	132,9	85,6	70,0	108,7
	Sản lượng	Tấn	21389,3	24.626,2	2.240,0	1.109,3	1,590	811,600	2.269,5	533,4	10.685,6	1.240,8	1.529,5	982,8	1.197,0	968,4	3.604,5	740,3	2.537,50	792,30	561,0	1.061,1	8.240,0	8.240,0	0,0	11.851,7	33,5	69,5	24.626,2
IV	Cây CNNN	Ha	397	628,5	35,0	0,0	33,0	1,0	50,0	0,0	167,0	0,0	30,0	0,0	43,0	6,0	67,0	0,0	48,0	0,0	155,5	15,0	22,0	0,0	22,0	228,5	3,5	9,6	628,5

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó		Cùng kỳ 2019	So sánh		ƯTH-2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa		% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
1	Lạc cả năm	Ha	392	622,5	35,0		30,0		50,0		167,0		30,0		40,0	5,0	67,0		48,0		155,5	15,0	20,0		20,0	228,5	3,2	8,8	622,5
	Năng suất	Tạ/ha	14,7	15,6	20,0		24,7		13,8		15,6		14,5		14,5		15,3		14,2		14,5		0,0		0,0	0,0	0,0		15,6
	Sản lượng	Tấn	577	971,3	70,0		74		69,0		260,5		43,5		58,0		102,5		68,16		225,5		0,0		0,0	0,0	0,0		971,3
2	Cây Mía	Ha	5	6,0			3,0	1,0							3,0	1,0	0,0				0,0		2,0		2,0	0,0	33,3		6,0
																										0,0			
																										0,0			
	Năng suất	Tạ	600,0	600,0			600,0								600,0		0,0						0,0		0,0	0,0	0,0		600,0
	SL	Tấn	300,0	360,0			180								180,00		0,0						0,0		0,0	0,0	0,0		360,0
V	Cây hàng năm khác	Ha	327,9	668,0	18,0	10,0	28,5	10,2	203,0	11,0	81,6	19,7	28,0	15,0	32,5	17,0	68,0	46,0	66,1	6,0	142,3	55,0	189,9	157,9	32,0	251,8	28,4	75,4	678,0
1	Dưa hấu	ha	15,0	33,6			0,00										10,0	12,0			23,6	8,0	20,0	20,0	0,0	15,0	59,5	133,3	33,6
	Năng suất	tạ/ha	250,5	101,9													300,0	240,0			18,0	245,0	165,2	242,0	-76,8	250,5	162,1	66,0	101,9
	Sản lượng	tấn	375,8	342,5													300,0	288,0			42,5	42,5	330,5	484,0	-153,5	375,8	96,5	88,0	342,5
2	Cỏ chăn nuôi	Ha	187	298,2	8,0	8,0	11,0	8,0	65,0	9,0	47,0	17,0	15,0	13,0	15,0	15,0	47,0	32,0	25,0	5,0	65,2	30,0	137,0	120,0	17,0	132,9	45,9	103,1	298,2
	Năng suất	Tạ/ha	1502,5	1.025,0	1.025,0	1.490,0	1.025,0	1.491,0	1.025,0	1.055,0	1.025,0	1.337,2	1.025,0	1.486,0	1.025,0	987,3	1.025,0	1.505,4	1.025,0	1.505,8	1.025,0	1.006,9	1.285,5	1.467,6	-182,1	1.501,5	125,4	85,6	1.025,0
	Sản lượng	Tấn	28097,6	30.565,5	820,0	1.192,0	1.128	1.193	6.662,5	949,5	4.817,5	2.273,3	1.537,5	1.931,8	1.537,5	#####	4.817,5	4.817,3	2.562,50	752,90	6.683,0	3.020,8	17.611,4	17.611,3	0,1	19.955,2	57,6	88,3	30.565,5
3	Ớt	Ha	21,1	58,5	5,0	2,0	2,5	2,2	15,0	2,0	5,0	2,7	2,0	2,0	3,5	2,0	4,0	2,0	15,0	1,0	6,5	2,0	17,9	17,9	0,0	19,1	30,6	93,7	58,5
	Năng suất	Tạ/ha	119,9	145,8	122,0	119,5	121,5	119,1	121,5	120,0	126,5	126,5	120,0	121,0	120,2	121,5	122,0	121,0	124,3	120,0	120,0	119,5	121,1	120,3	0,8	1.077,8	83,1	11,2	145,8
	Sản lượng	Tấn	252,9	852,7	61,0	23,9	30	26	182,3	24,0	199,8	34,2	24,0	24,2	42,1	24,3	48,8	24,2	186,45	12,00	78,0	23,9	216,9	215,4	1,5	228,9	25,4	94,7	852,7
4	Cây khác (gừng, sả,...)	Ha	104,8	287,7	5,0		15,0		123,0		29,6		11,0		14,0		17,0		26,1		47,0	15,0	15,0		15,0	84,8	5,2	17,7	287,7
	Năng suất	Tạ/ha	901,3	111,9	100,0		99,8		100,5		106,5		100,3		100,1		100,2		105,0		100,3					0,0			111,9
	Sản lượng	Tấn	1048,2	3.218,7	50,0		150		1.236,2		616,5	32,7	110,3		140,1		170,3		274,05		471,4		215,4		215,4	0,0	6,7		3.218,7
VI	Cây CNDN	Ha	12099,5	12.714,5	181,2	162,8	1.050,3	1.032,2	1.241,7	1.136,3	1.296,3	1.186,3	665,1	645,5	300,4	292,9	6.205,8	6.267,8	390,9	363,9	1.382,9	1.223,1	12.310,8		12.310,8	12.239,0	96,8	100,6	12.714,5
1	Hồ tiêu	Ha	1426,77	1.606,7	39,9	37,9	140,6	140,6	85,0	85,0	387,9	387,9	159,2	149,2	87,3	87,3	200,2	200,2	69,2	69,2	437,5	382,5	1.539,8		1.539,8	1.683,5	95,8	91,5	1.606,7
	Trồng mới	Ha	6,5	67,0	2,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	55,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		67,0

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó			So sánh		UTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa	Cùng kỳ 2019	% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
	Trong đó tái canh		6,5	10,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		10,0
	Chăm sóc XDCB	Ha	185,3	182,2	5,0	5,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	12,0	12,0	0,0	0,0	5,2	5,2	0,0	0,0	160,0	160,0	182,2		182,2	355,3	100,0	51,3	182,2
	DT Kinh doanh	Ha	2491,6	1.357,6	32,9	32,9	140,6	140,6	85,0	85,0	387,9	387,9	137,2	137,2	87,3	87,3	195,0	195,0	69,2	69,2	222,5	222,5	1.357,6		1.357,6	1.328,2	100,0	102,2	1.357,6
	Năng suất	Tạ/ha	33,45	32,0	40,50	37,00	30,00	29,80	30,00	29,70	32,50	32,30	30,00	29,90	30,00	29,90	34,00	32,07	33,00	32,90	31,78	31,73	31,5		31,5	33,4	98,5	94,2	32,0
	Sản lượng tiêu đen	Tấn	8334,5	4.342,7	133,2	121,7	421,8	419,0	255,0	252,5	1.260,7	1.252,9	411,6	410,2	261,9	261,1	663,0	625,4	228,4	227,7	707,0	706,0	4.276,4		4.276,4	4.442,4	98,5	96,3	4.342,7
*	**Hồ tiêu doanh nghiệp**			**325,0**													**0,0**				**325,0**	**270,0**	**270,0**		**270,0**		**83,1**		**325,0**
	trồng mới			55,0													0,0				55,0		0,0		0,0		0,0		55,0
	Tái canh			0,0													0,0						0,0		0,0				0,0
	KTCB			160,0													0,0				160,0	160,0	160,0		160,0		100,0		160,0
	kinh doanh			110,0													0,0				110,0	110,0	110,0		110,0		100,0		110,0
	Năng suất			33,6													0,0				33,6	33,6	33,6		33,6		100,0		33,6
	SL			369,6													0,0				369,6	369,6	369,6		369,6		100,0		369,6
*	**Hồ tiêu ND**			**1.281,7**	**39,9**	**37,9**	140,6	140,6	**85,0**	**85,0**	**387,9**	**387,9**	**159,2**	**149,2**	**87,3**	**87,3**	**200,2**	**200,2**	**69,2**	**69,2**	**112,5**	**112,5**	**1.269,8**		**1.269,8**		**99,1**		**1.281,7**
	trồng mới			12,0	2,0								10,00						0,0				0,0		0,0		0,0		12,0
	Tái canh			10,0									10,00										0,0		0,0		0,0		10,0
	KTCB			22,2	5,0	5,0							12,00	12,00	0,00		5,2	5,2					22,2		22,2		100,2		22,2
	kinh doanh			1.247,6	32,9	32,9	140,6	140,6	85,00	85,00	387,9	387,9	137,20	137,20	87,31	87,31	195,0	195,0	69,2	69,2	112,5	112,5	1.247,6		1.247,6		100,0		1.247,6
	Năng suất			31,8	40,5	37,0	30,0	29,8	30,00	29,70	32,5	32,3	30,00	29,90	30,00	29,90	34,0	32,1	33,00	32,90	30,0	29,9	31,314		31,3		98,3		31,8
	SL			3.973,1	133,2	121,7	421,8	419,0	255,0	252,5	1.260,7	1.252,9	411,6	410,2	261,9	261,1	663,0	625,4	228,4	227,7	337,4	336,4	3.906,8		3.906,8		98,3		3.973,1
2	**Cà phê tổng số**	Ha	**2484,6**	**2.618,9**	**141,3**	**124,9**	**356,3**	**338,3**	**347,7**	**331,7**	**244,0**	**229,0**	**505,9**	**496,3**	**213,1**	**205,6**	**322,6**	**299,6**	**287,0**	**280,0**	**201,0**	**106,2**	**2.411,6**		**2.411,6**	**2.375,4**	**92,1**	**101,5**	**2.618,9**
	Trồng mới	Ha	112,4	201,8	16,4	0,0	18,0	0,0	16,0	0,0	15,0	0,0	9,6	0,0	2,0	0,0	23,0	0,0	7,0	0,0	94,8	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		201,8
	Tái canh		56,5	68,5	0,0	0,0	6,0	0,0	8,5	0,0	3,0	0,0	6,0	0,0	2,0	0,0	6,0	0,0	19,0	0,0	18,0	0,0	0,0		0,0	0,0	0,0		68,5
	Chăm sóc XDCB	Ha	330	173,9	10,6	10,6	20,3	20,3	33,0	33,0	30,0	30,0	28,9	28,9	5,5	0,0	16,4	16,4	9,0	9,0	20,2	20,2	168,4		168,4	333,2	96,8	50,5	173,9

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó			So sánh		ƯTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa	Cùng kỳ 2019	% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
	Kinh doanh	Ha	2042,2	2.243,2	114,3	114,3	318,0	318,0	298,7	298,7	199,0	199,0	467,4	467,4	205,6	205,6	283,2	283,2	271,0	271,0	86,0	86,0	**2.243,2**		**2.243,2**	2.042,2	**100,0**	**109,8**	2.243,2
	Năng suất	Tạ/ha	38,9	36,4	31	0	30,2	0	38,7144	0	39	0	40	0	38	0	30,1	0	40	0	38,5	0	**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		36,4
	Sản lượng nhân	Tấn	7944,3	8.165,6	354,33	0	960,36	0	1156,4	0	776,1	0	1869,6	0	781,28	0	852,432	0	1084	0	331,1	0	**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		8.165,6
*	**Cà phê ND**	**Ha**	**2292,6**	**2.426,9**	**141,3**	**124,9**	**356,3**	**338,3**	**155,7**	**139,7**	**244,0**	**229,0**	**505,9**	**496,3**	**213,1**	**205,6**	**322,6**	**299,6**	**287,0**	**280,0**	**201,0**	**106,2**	**2.219,6**		**2.219,6**	**2.183,4**	**91,5**	**101,7**	**2.426,9**
	Trồng mới	Ha	112,4	201,8	16,4		18,0		16,0		15,0		9,6		2,0		23,0		7,0		94,8		**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		201,8
	Trong đó tái canh		56,5	68,5	0,0		6,0		8,5		3,0		6,0		2,0		6,0		19,0		18,0		**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		68,5
	Chăm sóc XDCB	Ha	330	173,9	10,6	10,6	20,3	20,3	33,0	33,0	30,0	30,0	28,9	28,9	5,5		16,4	16,4	9,0	9,0	20,2	20,2	**168,4**		**168,4**	333,2	**96,8**	**50,5**	173,9
	Kinh doanh	Ha	1850,2	2.051,2	114,3	114,3	318,0	318,0	106,7	106,7	199,0	199,0	467,4	467,4	205,6	205,6	283,2	283,2	271,0	271,0	86,0	86,0	**2.051,2**		**2.051,2**	1.850,2	**100,0**	**110,9**	2.051,2
	Năng suất	Tạ/ha	39	36,3	31,0		30,2		40,0		39,0		40,0		38,0		30,1		40,0		38,5		**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		36,3
	Sản lượng nhân	Tấn	7214,7	7.436,0	354,33	0	960,36	0	426,8	0	776,1	0	1869,6	0	781,28	0	852,432	0	1084	0	331,1	0	**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		7.436,0
	Cà phê doanh nghiệp	**Ha**	**192**	**192,0**					192,00	192,00							**0,0**				**0,0**		**192,0**		**192,0**	**192,0**	**100,0**	**100,0**	**192,0**
	Trồng mới	Ha		0,0													0,0				0,0		**0,0**		**0,0**	0,0			0,0
	Trong đó tái canh			0,0													0,0				0,0		**0,0**		**0,0**	0,0			0,0
	Chăm sóc XDCB	Ha		0,0													0,0				0,0		**0,0**		**0,0**	0,0			0,0
	Kinh doanh	Ha	192	192,0					192,00	192,00							0,0				0,0		**192,0**		**192,0**	192,0	**100,0**	**100,0**	192,0
	Năng suất	tạ/ha	38	38,0					38,00								0,0				0,0		**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		38,0
	Sản lượng nhân	tấn	729,6	729,6					729,60	0,00							0,0				0,0		**0,0**		**0,0**	0,0	**0,0**		729,6
3	**Cao su tổng số**	**Ha**	**7.799,4**	**7.412,2**	**0,0**		**551,3**	**551,3**	**689,0**	**689,6**	**228,0**	**183,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**5.428,0**	**5.608,0**	**2,7**	**2,7**	**513,2**	**513,2**	**7.547,8**		**7.547,8**	**7.801,4**	**101,8**	**96,7**	**7.412,2**
	Trồng mới			0,0	0,0		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	**0,0**		**0,0**	0,0			0,0
	KTCB		2.475,3	527,1	0,0		289,3	289,3	159,0	159,0	40,0	40,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	38,8	38,8	**527,1**		**527,1**	2.475,3	**100,0**	**21,3**	527,1
	kinh doanh		5.324,1	6.885,1	0,0		262,0	262,0	530,0	530,6	188,0	143,0	0,0	0,0	0,0	0,0	5.428,0	5.608,0	2,7	2,7	474,4	474,4	**7.020,7**		**7.020,7**	5.326,1	**102,0**	**131,8**	6.885,1
	Năng suất	Tạ	14,9	10,6			10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	10,50		10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	10,50	**9,1**		**9,1**	10,3	**85,5**	**87,9**	10,6
	SL (mủ khô)	Tấn	7.944,8	7.288,7			741,0		556,50	557,13	205,90	115,05	0,00				5.267,5	5.287,0	2,2	1,9	515,68	395,77	**6.356,8**		**6.356,8**	5.485,9	**87,2**	**115,9**	7.291,7
	Cao su doanh nghiệp		6200,3	5.800,3			479,30	479,30	540,00	540,60	98,00	98,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4.358,00	4.538,00	0,00	0,00	325,00	325,00	5.980,9		5.980,9	6.200,3	103,1	96,5	5.800,3

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó			So sánh		UTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa	Cùng kỳ 2019	% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
	Trồng mới	Ha		0,0			0,00										0,0				0,0		0,0		0,0				0,0
	Chăm sóc XDCB	Ha	1693,3	369,3			289,30	289,30	60,00	60,00	20,0	20,0									0,0		369,3		369,3	1.693,3	100,0	21,8	369,3
	Kinh doanh	Ha	4507	5.431,0			190,0	190,0	480,00	480,60	78,0	78,0					4.358,0	4.538,0			325,0	325,0	5.611,6		5.611,6	4.507,0	103,3	124,5	5.431,0
	Năng suất	Ta/ha	15,1	11,1			10,50	8,00	9,50	8,00	13,0	8,0					11,2	7,0			11,5	8,5	7,2		7,2	0,0	65,3		11,1
	Sản lượng	Tấn	6825,1	6.009,6			199,50	152,00	456,00	384,48	101,40	62,40	0,00	0,00	0,00	0,00	4.879,00	3.176,60	0,00	0,00	373,75	276,25	4.051,7		4.051,7	0,0	67,4		6.009,6
	Cao su nhân dân		**1599,1**	**1.611,9**			**72,0**	**72,0**	**149,0**	**149,0**	**130,0**	**85,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**1.070,0**	**1.070,0**	**2,7**	**2,7**	**188,2**	**188,2**	**1.566,9**		**1.566,9**	**1.601,1**	**97,2**	**97,9**	**1.611,9**
	Trồng mới	Ha		0,0													0,0				0,0		0,0		0,0				0,0
	Chăm sóc XDCB	Ha	782	157,8					99,00	99,00	20,0	20,0							0,0		38,8	38,8	157,8		157,8	782,0	100,0	20,2	157,8
	Kinh doanh	Ha	817,1	1.454,1			72,0	72,0	50,00	50,00	110,0	65,0					1.070,0	1.070,0	2,7	2,7	149,4	149,4	1.409,1		1.409,1	819,1	96,9	172,0	1.454,1
	Năng suất	Ta/ha	13,7	8,8			9,50	7,00	9,50	7,20	9,5	8,1					8,5	7,0	8,0	7,0	9,5	8,0	7,2		7,2	0,0	81,6		8,8
	Sản lượng	Tấn	1119,7	1.277,0			68,4	50,4	47,5	36,0	104,5	52,7	0,0	0,0	0,0	0,0	909,5	749,0	2,2	1,9	141,9	119,5	1.009,5		1.009,5	0,0	79,0		1.277,0
4	Cây điều	Ha	388,7	1.076,7	0,0		2,1	2,0	120,0	30,0	436,4	386,4	0,0	0,0	0,0	0,0	255,0	160,0	32,0	12,0	231,2	221,2	811,6		811,6	378,7	75,4	214,3	1.076,7
	Trồng mới	Ha	10	265,0			0,0		90,0		50,00						95,0		20,0		10,0		0,0		0,0	0,0	0,0		265,0
	Chăm sóc XDCB	Ha	242,6	552,0			0,1		16,0	16,0	362,00	362,00					82,9	82,9	2,0	2,0	89,0	89,0	551,9		551,9	242,6	100,0	227,5	552,0
	Kinh doanh	Ha	136,1	259,7			2,0	2,0	14,0	14,0	24,40	24,40					77,1	77,1	10,0	10,0	132,2	132,2	259,7		259,7	136,1	100,0	190,8	259,7
	Năng suất	Ta/ha	6,8	6,8			6,9	6,9	6,7	6,7	6,8	6,8					6,5	6,5	7,2	7,2	6,9	6,9	6,8		6,8	6,8	100,0	99,8	6,8
	Sản lượng	Tấn	92,5	175,9			1,4	1,4	9,4	9,4	16,6	16,6	0,0	0,0	0,0	0,0	50,1	50,1	7,2	7,2	91,2	91,2	175,9		175,9	92,3	100,0	190,5	175,9
VII	**Cây ăn quả**	**ha**	**1.412**	**1.669,2**	**105,6**	**49,4**	**144,4**	**95,4**	**206,3**	**92,0**	**95,80**	**72,30**	**108,7**	**68,3**	**106,0**	**58,9**	**682,0**	**702,7**	**78,0**	**31,0**	**142,4**	**65,0**	**1.235,0**		**1.235,0**	**712,5**	**74,0**	**173,3**	**1.669,2**
	Tr đó: trồng mới	ha		137,7			16,2		30,0		20,0		13,0				28,5				30,0		0,0		0,0		0,0		137,7
VIII	**Cây dược liệu (D.lăng, nghệ...)**	**ha**	**69**	**150,0**	**10,0**	**3,0**	**15,0**	**5,0**	**5,0**		**43,0**	**15,0**	**10,0**	**2,0**	**10,00**	**2,00**	**17,0**	**7,0**	**0,0**		**40,0**	**20,0**	**54,0**		**54,0**	**57,0**	**36,0**	**94,7**	**150,0**
	Trồng mới	ha	30	54,0			4,0		2,0		28,0										20,0		0,0		0,0	23,5	0,0	0,0	54,0
IX	**Cây dâu tằm**	**ha**	**29,1**	**91,2**	**3,3**	**2,3**	**1,9**	**1,5**	**30,0**	**6,1**	**10,9**	**1,9**			**3,00**	**3,00**	**21,0**	**4,5**	**1,1**	**1,1**	**20,0**	**4,9**	**25,3**		**25,3**		**27,7**		**91,2**
	Năng suất kén	ta/ha	23,5	24,0	24,0		24,0		24,0		24,0	20,0			24,0		24,0		24,0		24,0		1,5		1,5	0,0	6,3		24,0
	Sản lượng	tấn	68,3	218,9	7,9	0,0	4,6	0,0	72,0	0,0	26,2	3,8	0,0	0,0	7,2	0,0	50,4	0,0	2,6	0,0	48,0	0,0	3,8		3,8	0,0	1,7		218,9

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó		Cùng kỳ 2019	So sánh		ƯTH-2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa		% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
B	Diện tích rừng trồng trên đất nông nghiệp bạc màu	ha	178,5	138,5			5,00		30,00		25,00		3,50		3,00		35,00		7,0		30,0		0,0		0,0	0,0	0,0		138,5
	Năng suất	m3/ha		0,0											0,00								0,0		0,0				0,0
	Sản lượng gỗ rừng trồng trên đất nông nghiệp	m3		0,0											0,00								0,0		0,0				0,0
C	Diện tích trồng rừng trong qui hoạch lâm nghiệp	Ha	134,7	86,50					30,00		20,00		2,50				10,00		10,00		14,00		0,0		0,0	57.463,0	0,0	0,0	86,5
	Năng suất	m3/ha		0,0																			0,0		0,0	512,0		0,0	0,0
	Sản lượng gỗ rừng trồng	m3		0,0																			0,0		0,0	24.235,0		0,0	0,0
D	Trồng cây phân tán	ha	13,5	15,0	0,5		*1,00*		*3,00*		*3,00*		1		*1,00*		*2,00*		*1,00*		3,0		0,0		0,0	0,0	0,0		15,0
E	CHĂN NUÔI		62.750	71.412	7.844	6.440	5.131	4.555	5.053	4.685	10.504	10.191	7.397	6.595	5.424	4.750	9.129	8.388	7.759	6.960	13.170	12.543	65.107,0		65.107,0	57.463,0	91,2	113,3	74.308,9
-	Đàn trâu tổng số	Con	512	514,0	0		0		0		167	166	26	25	0		128	128	0		193	193	512,0		512,0	512,0	99,6	100,0	514,0
-	Đàn bò tổng số	Con	24.005	25.745,0	3.870,0	3.660,0	2.007	2.045	1.642	1.642	3.637	3.580	3.285	2.800	1.898	1.560	2.326	2.050	2.130	1.950	4.950	4.950	24.237,0		24.237,0	24.235,0	94,1	100,01	25.745,0
-	Đàn heo tổng số	Con	22.471	25.850	3.062	2.780	1.471	1.310	1.843	1.643	3.503	3.420	2.741	2.570	2.513	2.390	2.254	2.110	5.389	4.800	3.073	2.900	23.923,0		23.923,0	21.389,0	92,5	111,8	25.850,1
	Đàn dê	Con	15.762	19.303,0	912,0		1.653	1.200	1.568	1.400	3.197	3.025	1.345	1.200	1.013	800	4.421	4.100	240	210	4.954	4.500	16.435,0		16.435,0	11.237,0	85,1	146,3	22.200
*	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	3.161,1	4.202,7	496,9	437,8	277,0	251,6	297,3	273,3	596,8	581,7	449,6	408,1	358,1	326,1	441,0	407,0	632,3	565,4	653,8	625,6	3.876,6		3.876,6	2.692,1	92,2	144,0	4.276,7
	- Thịt trâu hơi			18,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	5,8	5,8	0,9	0,9	0,0	0,0	4,5	4,5	0,0	0,0	6,8	6,8	17,9		17,9		99,6		18,0
	- Thịt bò hơi	Tấn	753,4	1.107,0	166,41	137,38	86,30	87,94	70,61	70,61	156,39	153,94	141,26	120,40	81,61	67,08	100,02	88,15	91,59	83,85	212,85	212,85	1.042,2		1.042,2	760,5	94,1	137,0	1.107,0
	- Thịt heo hơi	Tấn	2.029,4	2.558,1	303,05	275,11	145,60	129,64	182,37	162,59	346,66	338,44	271,30	254,33	248,69	236,51	223,07	208,81	533,25	475,01	304,15	286,98	2.367,4		2.367,4	1.931,7	92,5	122,6	2.558,1
	- Thịt dê hơi	Tấn	378,3	463,3	21,89	0,00	39,67	28,80	37,63	33,60	76,73	72,60	32,28	28,80	24,31	19,20	106,10	98,40	5,76	5,04	118,90	108,00	394,4		394,4		85,1		532,8
-	Gia cầm	Con	63.500	68.828,0	6.742	6.542	6.600	6.450	8.186	7.950	13.634	13.400	4.752	4.552	4.217	4.000	8.989	8.750	2073	1790	13.635	13.450	66.884,0		66.884,0	56.137,0	97,2	119,1	73.646,0
*	Sản lượng thịt gia cầm	Tấn	57,5	56,3	5,51	5,35	5,40	5,27	6,69	6,50	11,15	10,95	3,88	3,72	3,45	3,27	7,35	7,15	1,69	1,46	11,15	11,00	54,7		54,7		97,2		60,8

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH huyện 2020	Phân khai các xã, thị trấn																		Thực hiện 6 tháng toàn huyện	Trong đó			So sánh		UTH 2020
					Nhơn Hòa		Ia Dreng		Ia Hla		Ia Phang		Ia Hrú		Ia Rong		Ia Blứ		Chư Don		Ia Le			Vụ Đx	Vụ Mùa	Cùng kỳ 2019	% so với KH 2020	% so với cùng kỳ 2019	
E	THUỶ SẢN			0,0																			0,0		0,0				0,0
1	Tổng diện tích	Ha	16,8	17,0	2,2	2,2	1,10	1,10	3,10	3,10	0,5	0,5	1,2	1,2	1,0	1,0	4,00	4,00	1,00	1,00	2,9	2,9	17,0		17,0	16,8	100,0	101,2	17,0
-	Diện tích nuôi trồng	Ha		0,0																			0,0		0,0				0,0
-	Diện tích khai thác TN	Ha		0,0																			0,0		0,0				0,0
2	Tổng sản lượng	Tấn	44,6	45,2	5,85	2,20	2,93	1,30	8,25	4,32	1,33	1,20	3,19	2,60	2,66	1,20	10,64	5,00	2,66	2,46	7,71	4,50	24,8		24,8	26,3	54,8	94,4	45,2
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn		0,0																			0,0		0,0				0,0
-	Sản lượng Khai thác	Tấn		0,0																			0,0		0,0				0,0

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN XÂY DỰNG CƠ BẢN HUYỆN CHƯ PƯH ĐẾN NGÀY 30/6/2020

(Kèm theo Báo cáo số 249/BC-UBND ngày 01/7/2020 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2020	Thực hiện đến 30/6/2020				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
	TỔNG CỘNG		**278.145,222**	**130.435,100**	**75.423,200**	**57,82**	**71.951,782**	**55,16**	
I	**Ngân sách Trung ương**		**80.000**	**15.000**	**11.500**	**76,67**	**14.559**	**97,06**	
1	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	80.000	15.000	11.500	76,67	14.559	97,06	Lũy kế hết năm 2019 đã bố trí 19 tỷ.
II	**Ngân sách tỉnh**		**87.740**	**47.391**	**19.069**	**40,24**	**21.106**	**44,54**	
1	Đường nội thị huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa	44.500	10.876	5.500	50,57	1.473	13,5	Lũy kế hết năm 2019 đã bố trí 27,4 tỷ
2	Trụ sở thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa	7.000	6.190	389	6,3	390	6,3	
3	Đường 6C (đoạn từ xã Ia Hrú đi xã Ia Dreng), huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	28.000	24.625	11.360	46,1	15.640	63,5	Chủ đầu tư hoàn trả ứng vốn theo đúng quy định
4	Sữa chữa đường giao thông vào xã Ia Dreng, xã Ia Phang	Huyện Chư Pưh	8.240	5.700	1.820	31,9	3.603	63,2	Vốn mục tiêu của tỉnh khắc phục hậu quả thiên tai
III	**Nguồn tỉnh phân cấp**		**34.991,716**	**11.800**	**11.800**	**100,00**	**10.677**	**90,48**	
	Bố trí trả nợ		**32.023**	**10.662**	**10.662**	**100,00**	**9.539**	**89,46**	
1	Trường Tiểu học Ngô Quyền	xã Ia Phang	5.000	386,870	386,870	100,0	313,581	81,1	
2	Trường Mẫu giáo Bằng Lăng		2.800	1.643	1.643	100,0	1.554,937	94,6	
3	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên		3.300	1.723	1.723	100,0	1.718,855	99,8	
4	Vỉa hè, mương thoát nước Đường D6	TT Nhơn Hòa	1.150	1.049	1.049	100,0	1.049	100,0	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2020	Thực hiện đến 30/6/2020				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
5	Nâng cấp, sửa chữa đường từ thị trấn Nhơn Hòa đi xã HBông đoạn từ thôn Hòa Bình đến làng Tông Will, huyện Chư Pưh	Huyện Chư Pưh	7.800	2.300	2.300	100,0	1.365,619	59,4	
6	Vỉa hè dọc Quốc lộ 14, thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh (Giai đoạn 1)	TT Nhơn Hòa	9.837,601	2.698,130	2.698,130	100,0	2.698,130	100,0	
7	Trả nợ công trình hệ thống nước sinh hoạt thôn Ia Bia, xã Ia Le	xã Ia Le	2.135,089	· 862	862	100,0	838,635	97,3	
	khởi công mới		**2.969,026**	**1.138**	**1.138**	**100,0**	**1.138**	**100,0**	
1	Nhà đa năng Phan Bội Châu	xã Ia Hrú	2.969,026	1.138	1.138	100,0	1.138	100,0	
IV	**NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**		**26.364,231**	**13.416,000**	**8.557,826**	**63,79**	**90,000**	**1**	
	Bố trí trả nợ		**20.164**	**7.885**	**7.885**	**100,0**	**90**	**1,1**	
1	Quãng trường huyện: Đài tưởng niệm, đài phun nước, sân bê tông	TT Nhơn Hòa	4.818,240	2.197,130	2.197	100,0			
2	Mở rộng hệ thống điện chiếu sáng công cộng huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa		57,696	58	100,0			
3	Đường vào bãi rác huyện Chư Pưh	TT Nhơn Hòa	1.000	90	90	100,0	90	100,0	
4	Dự án Đền bù: Mở rộng đường quy hoạch phía bắc thuộc khu dân cư Nguyễn Trãi	TT Nhơn Hòa	618,442	451	451	100,0			
5	Dự án lập Quy hoạch KDC mới xã Ia Blứ	xã Ia Blứ	89	89	89	100,0			
6	Chợ Ia Hla	xã Ia Hla	3.351,549	900	900	100,0			
7	Chợ Ia Le	xã Ia Le	9.987	3.800	3.800	100,0			
8	Chi công tác quy hoạch phục vụ phát triển quỹ đất	Huyện Chư Pưh	300	300	300	100,0			
	Khởi công mới		**6.200**	**5.531,174**	**673,0**	**127,3**	**0,000**	**0,000**	
1	Trường bắn, thao trường huấn luyện huyện giai đoạn 2020	xã Chư Don	800	800					
2	Hệ thống thoát nước Trường THCS Trần Hưng Đạo xã Ia Rong	xã Ia Rong	300	300	300	100,0			
3	Sữa chữa Hệ thống nước sinh hoạt làng Tung Neng, xã Ia Dreng	xã Ia Dreng	1.100	1.100					
4	Nhà thi đấu đa năng trường Phan Bội Châu, xã Ia Hrú	xã Ia Hrú		1.331,174	343	25,8			

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2020	Thực hiện đến 30/6/2020				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
7	Sữa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà SHCĐ 6 thôn	Xã Ia Dreng	603,0	603,0	330	54,7	257,0	42,6	
8	Đường GTNT Tung Đao (Tuyến 1: Từ nhà Ralan Mlo đến nhà ông Nguyễn Văn Đông; Tuyến 2: Từ nhà Siu He đến nhà Nguyễn Thị Vân		500,0	500,0	390	78,0	245,0	49,0	
9	Đường GTNT Tung Đao (Tuyến 1: Từ nhà Kpã Đo đến nhà ông Nguyễn Duy Trinh; Tuyến 2: Từ nhà Rơlan Ajich đến nhà ông Kpã Đoan		500,0	500,0	410	82,0	245,0	49,0	
10	Đường GTNT thôn Tung Neng (Tuyến 1: Từ nhà thờ tin lành đến nhà ông Rơlan Thố; Tuyến 2: Từ nhà Kpã H'Yố đến nhà ông Nguyễn Quang Thành		760,0	622,5	89	14,3		0,0	
11	Đường cây xoài đi Tông Két (đoạn 3) dài 1000m và đường dẫn 150m vào cầu Tràng	Xã Ia Hla	1.800,0	862,5	110	12,8		0,0	
12	Đường giao thông từ thôn 6C đi Tông Két		1.163,0	1.163,0	160	13,8	527,0	45,3	
13	Đường giao thông nông thôn Hra		1.800,0	1.800,0		0,0	817,0	45,4	
14	Đường GTNT Tai Pêr		900,0	900,0		0,0	410,0	45,6	
15	Đường giao thông thôn Ia Khưng	Xã Chư Don	947,0	947,0	590	62,3	427,0	45,1	
16	Đường nội đồng đi cánh đồng Plei Thơ Ga (nhánh 2)		928,0	50,5		0,0		0,0	
17	Nhà văn hóa xã Chư Don; Hạng mục: phòng chức năng		900,0	900,0	220	24,4	411,0	45,7	
18	Đường GTNT đi vào khu sản xuất Thơ Ga B (từ nhà ông Nguyễn Phấn-Siu H'Nhớ đến nhà thầy Hoàng)		739,0	739,0	180	24,4	333,0	45,1	
19	Đường nội đồng đi cánh đồng Plei Thơ Ga		739,0	739,0	140	18,9	333,0	45,1	
20	Đường giao thông thôn Ia Khưng B (nhánh 1) (từ ngã ba nhà bà Ksor H'Hoen đến khu nhà mồ)		900,0	900,0	720	80,0	406,0	45,1	
21	Đường giao thông thôn Ia Khưng B (nhánh 2) (từ ngã ba nhà bà Ksor H'Hoen đến cánh đồng Ia Hoai)		450,0	450,0	80	17,8	202,0	44,9	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	TMĐT	KH NĂM 2020	Thực hiện đến 30/6/2020				GHI CHÚ
					Khối lượng thực hiện		Khối lượng giải ngân		
					Khối lượng	Đạt (%)	Khối lượng	Đạt (%)	
22	Đường GT nhà ông Túc đến suối đông xuân Thôn Phú Bình	Xã Ia Le	332,5	75,0	15	20,0		0,0	
23	Đường GT nhà ông Nguyễn Văn Mốt Thôn Phú Hòa		118,8	118,8	25	21,0	49,0	41,3	
24	Đường GT nhà ông Nguyễn Hiết Thôn Phú Hòa		118,8	118,8	25	21,0	49,0	41,2	
25	Đường GT Thôn Thủy Phú đến suối khô		237,5	237,5	80	33,7		0,0	
26	Trung tâm TDTD xã tại Kênh Săn		545,0	545,0	120	22,0	243,0	44,6	
27	Nhà thi đấu đa năng xã Ia Phang	Xã Ia Phang	1.800,0	1.379,5	990	71,8	599,23	43,4	
28	Đường nội thôn Chư Pố 2 (từ sân bóng lành Chư Pố 2 đến nhà ông Rmah Amid)		385,0	385,0	60	15,6	324,0	84,2	
29	Xây dựng nghĩa trang nhân dân, xã Ia Blứ	Xã Ia Blứ	900,0	179,5		0,0		0,0	
30	Xây dựng bể chứa rác thải, bao bì thực vật		50,0	50,0		0,0		0,0	
31	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thủy Phú		500,0	500,0	110	22,0		0,0	
32	Xây dựng khu trung tâm thể thao xã		1.035,0	1.035,0	120	11,6		0,0	

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250 /BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông 6 tháng đầu năm 2020

Thực hiện Thông báo số 39/TBKL-HĐND ngày 28/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tại Hội nghị chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp thứ 10, Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

I. Tình hình và kết quả công tác

1. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật

Sáu tháng đầu năm, thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Công an tỉnh, của Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Công an huyện đã chủ động tham mưu, xây dựng, triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, tập trung lực lượng, phối hợp với các ngành chức năng, triển khai quyết liệt các biện pháp công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Do đó, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiềm chế, không xảy ra tội phạm hoạt động băng, ổ nhóm sử dụng vũ khí gây án, hoạt động theo kiểu "xã hội đen"; xảy ra 21 vụ phạm pháp hình sự *(không tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2019)* gồm: Giết người: 01 vụ; Cố ý gây thương tích: 02 vụ; Cướp tài sản 03 vụ; Cưỡng đoạt tài sản 01 vụ; Trộm cắp tài sản: 11 vụ; Đánh bạc: 01 vụ; Hiếp dâm người dưới 16 tuổi 02 vụ. Tiếp nhận 01 vụ cướp giật tài sản xảy ra thời gian trước. Thiệt hại do tội phạm gây ra: Chết 01 người, bị thương 07 người; tổng giá trị tài sản khoảng 187.000.000đ.

Công an huyện đã tham mưu Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện các chương trình, kế hoạch công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành, triển khai Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 09/4/2020 về lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm trộm cắp trên địa bàn huyện; Ban chỉ đạo huyện triển khai kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 05/5/2020 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 09/4/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa,

ngăn chặn, xử lý tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 03/KH-BCĐ ngày 13/3/2020 của Ban chỉ đạo huyện về thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người năm 2020; Kế hoạch số 16/KH-BCĐ ngày 10/12/2019 về mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo an minh trật tự, bảo vệ Tết Nguyên đán Canh tý năm 2020. Qua đó, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các ban ngành, đoàn thể thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao hiệu quả các mặt công tác, góp phần giữ vững tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, Công an huyện đã triển khai nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tập trung các tuyến, đối tượng, địa bàn trọng điểm mà tội phạm thường lợi dụng hoạt động; đã điều tra, làm rõ 17/22 vụ phạm pháp hình sự, 35 đối tượng *(tính cả tiếp nhận thời gian trước, đạt tỉ lệ 77,3%),*; tổ chức gọi hỏi, giáo dục, răn đe 109 lượt đối tượng hình sự, kinh tế, ma túy; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 25 vụ - 49 đối tượng, với tổng số tiền 53.675.000 đồng; xác minh bắt 02 đối tượng truy nã do đơn vị ra quyết định; đưa ra giáo dục tại xã: 04 đối tượng, lập hồ sơ đề nghị đưa đi trại giáo dưỡng 01 đối tượng.

Tổ chức tuyên truyền phương thức, thủ đoạn và các quy định của pháp luật về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng đen, cho vay lãi nặng; tội phạm về trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm và các tệ nạn về ma túy 18 lượt, có khoảng 2000 lượt người tham gia; tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của tội phạm và tác hại của tệ nạn ma túy 03 lượt với 1200 người tham gia, tuyên truyền tập trung tại xã 02 đợt với khoảng 1500 người tham gia; tuyên truyền trên Đài phát thanh về hoạt động của tội phạm trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 33 tin bài với 90 lượt. Qua đó, đã nâng cao nhận thức cho người dân trong việc chấp hành pháp luật và phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm xảy ra.

Xử lý các hoạt động liên quan "tín dụng đen": lực lượng trinh sát Công an huyện đã phát hiện, thu gom tiêu hủy gần 5000 tờ rơi có nội dung quảng cáo liên quan đến cho vay lãi nặng do các đối tượng rãi trên địa bàn từ thị trấn Nhơn Hòa đến xã Ia Le.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm tiếp tục còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nổi lên là tội phạm trộm cắp tài sản *(Chiếm 52,4% về số vụ phạm pháp hình sự)*; Tội phạm cướp tài sản *(chiếm 14,2 % về số vụ phạm pháp hình sự tính cả tiếp nhận thời gian trước),* tội phạm là người dân tộc thiểu số thực hiện: 09 vụ (*chiếm tỷ lệ 42,8% về số vụ*); tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên thực hiện: 09 vụ (*chiếm tỷ lệ 42,8% về số vụ*).

Tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa bàn huyện cơ bản được kiềm chế, không để xảy ra các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy, 06 tháng đầu năm,

xảy ra 05 vụ, 09 đối tượng *(tăng 03 vụ so với cùng kỳ năm 2019)*, trong đó: sử dụng trái phép chất ma túy 03 vụ - 06 đối tượng; tàng trữ trái chất ma túy 02 vụ - 03 đối tượng. Tuy nhiên, tình hình sử dụng ma túy trong thời gian qua trên địa ngày càng trẻ hóa...đặc biệt có cả nữ giới, thanh niên người đồng bào dân tộc thiểu số, đây là tình trạng đáng báo động, điều đó cho thấy tệ nạn ma túy đã len lõi vào đến các thôn làng đặt ra nhiều vấn đề cho cả hệ thống chính trị mà trong đó lực lượng công an là nòng cốt trong công tác phòng chống ma túy trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 06/09 xã có tệ nạn ma túy với 37 đối tượng liên quan.

Tăng cường các biện pháp công tác phòng chống và kiểm soát ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã ra quyết định khởi tố 01 vụ - 02 bị can về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 03 vụ - 06 đối tượng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền, với số tiền: 4.500.000đ; lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Gia Lai 01 đối tượng. Bắt giữ 02 đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực trật tự quản lý kinh tế, chức vụ, môi trường: Phát hiện 12 vụ, 14 đối tượng *(giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2019)*, trong đó: Sản xuất, buôn bán hàng cấm 01 vụ; Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng 06 vụ; Vận chuyển, khai thác khoáng sản trái phép 04 vụ; Hủy hoại rừng 01 vụ. Thu giữ 58,01 m^3 cát xây, 14 kg pháo, 17 m^3 gỗ các loại.

Kết quả xử lý: Ra quyết định khởi tố 02 vụ 01 bị can (trong đó: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện khởi tố 01 vụ 01 bị can về hành vi mua bán, vận chuyển hàng cấm, Hạt kiểm lâm huyện khởi tố 01 vụ hủy hoại rừng), Xử phạt VPHC 04 vụ, 08 đối tượng về hành vi khai thác khoáng sản cát trái phép với số tiền 6.300.000 đồng; Chuyển Hạt kiểm lâm huyện Chư Pưh xử lý 06 vụ vi phạm quy định khai thác bảo vệ rừng. Bắt giữ 01 đối tượng có hành vi mua bán, vận chuyển hàng cấm.

Có nhiều nguyên nhân liên quan đến tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện, trong đó:

Về nguyên nhân khách quan:

Là địa bàn nằm trên quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh), giáp ranh với các địa phương có tình hình trật tự xã hội phức tạp (huyện Ea HLeo - tỉnh Đăk Lăk, huyện Chư Sê, Chư Prông - tỉnh Gia Lai) nên nhiều đối tượng từ địa phương khác đến gây án, hoạt động lưu động, khó kiểm soát.

Hoạt động của tội phạm ngày càng tinh vi, phương thức thủ đoạn hoạt động thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho công tác phát hiện, phòng ngừa và đấu tranh xử lý.

Những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường làm cho đạo đức, lối sống nhất là một bộ phận thanh thiếu niên có tư tưởng lười lao động, thích hưởng thụ, thích thể hiện mình; đời sống kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số; một bộ phận nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên (trong đó có người dân tộc thiểu số) không có việc làm ổn định, thất nghiệp…là những nguyên nhân nảy sinh tội phạm và vi phạm pháp luật.

Về nguyên nhân chủ quan:

Lực lượng nòng cốt trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, đấu tranh phòng chống tội phạm từ huyện đến cơ sở mặc dù đã được tăng cường, song công tác nắm tình hình, tham mưu, phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm ở cơ sở còn hạn chế.

Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt đối với tội phạm trộm cắp tài sản, đối tượng hoạt động lưu động, đối tượng ma túy; công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại cộng đồng, công tác tổ chức cai nghiện ma túy ở các xã, thị trấn chưa được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả thấp, một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự tập trung, quan tâm công tác này.

Phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc, tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm chưa được phát huy mạnh mẽ; người dân chưa chủ động, tích cực trong phòng ngừa, tố giác tội phạm. Công tác phối hợp, tuyên truyền, giáo dục, quản lý thanh thiếu niên giữa gia đình và xã hội còn nhiều thiếu sót, lỏng lẻo. Sự xuống cấp đạo đức, coi thường pháp luật của một bộ phận thanh thiếu niên, xu hướng sử dụng bạo lực để giải quyết các mâu thuẫn cá nhân còn diễn ra phổ biến.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, chậm được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện gây khó khăn cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

2. Công tác đảm bảo trật tự An toàn giao thông

Sáu tháng đầu năm 2020, tình hình tai nạn giao thông tuy được kiềm chế, giảm 01 tiêu chí *(số người chết)* song còn tiềm ẩn phức tạp. Xảy ra 12 vụ, làm chết 04 người, bị thương 18 người, thiệt hại tài sản khoảng 37.000.000 đồng. So với cùng kỳ: *không tăng, giảm số vụ (12/12 vụ); giảm 05 người chết (04/09 người chết); tăng 11 người bị thương (18/07 người bị thương)*; thiệt hại tài sản tăng 6.00.000 đồng (37/31 triệu đồng).

Tai nạn giao thông chủ yếu xảy ra trên tuyến quốc lộ (11/12 vụ); thời gian sau 18h đến 24h (11/12 vụ); phương tiện liên quan đến tai nạn: Xe mô tô với xe mô tô 07 vụ; xe mô tô với xe ô tô 04 vụ, 01 vụ xe mô tô với người đi bộ.

Các lỗi chính dẫn đến tai nạn: không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn. đi không đúng phần đường, sử dụng rượu, bia. Độ tuổi người gây tai nạn chủ yếu từ 18 tuổi đến 30 tuổi (07 vụ); liên quan đến người dân tộc thiểu số: 07 vụ, 04 người chết, 11 người bị thương.

Trước diễn biến của tình hình tai nạn giao thông, Công an huyện đã tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 26/4/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, huy động sự tham gia tích cực, thực chất, hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy chính quyền địa phương và toàn dân trong công tác giữ gìn trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông; đẩy mạnh tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng tự quản an toàn giao thông các xã, thị trấn; tổ chức 03 lớp tập huấn, tuyên truyền an toàn giao thông cho Thôn trưởng, thôn phó, đoàn thanh niên, già làng, người uy tín là người dân tộc thiểu số tại các thôn, làng với khoảng 350 người tham dự; tập trung nhiều biện pháp quyết liệt nhằm kéo giảm tai nạn giao thông.

Sử dụng xe loa tuyên truyền lưu động được 38 lượt với 4.275 lượt người có gắn các hình ảnh các vụ tai nạn giao thông và các vi phạm về trật tự an toàn giao thông. Phối hợp đoàn ca múa nhạc Đam San, Công an các xã, thị trấn tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông được 07 đợt với 1.920 lượt người tham dự. Thông qua mạng xã hội tuyên truyền qua bài viết "Công cuộc phòng chống tác hại rượu bia hiện nay" và tuyên truyền "Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia" với 50 lượt like, 52 lượt chia sẻ.

Tăng cường tuần tra kiểm soát, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên tuyến Quốc lộ 14 (đoạn đi qua địa bàn huyện Chư Pưh) và các tuyến đường liên thôn, liên xã. Cảnh sát giao thông Công an huyện đã huy động tối đa lực lượng, phương tiện, kết hợp các hình thức công khai với hóa trang để phát hiện, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông và bắt giữ, xử lý tội phạm; phối hợp Tổ tự quản an toàn giao thông các xã, thị trấn kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn giao thông.

Phát hiện lập biên bản vi phạm 1.191 trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ *(tăng 24 trường hợp)*; ra quyết định xử phạt 1.090 trường hợp *(tăng 58 trường hợp)*, với số tiền 713.250.000 đồng *(tăng 20.150.000 đồng so với cùng kỳ năm trước)*; tước GPLX có thời hạn: 72 trường hợp. Tạm giữ 05 ô tô, 179 mô tô, 997 giấy tờ xe các loại, 10 máy kéo nhỏ.

Thực hiện Kế hoạch số 143/KH-PC08 ngày 18/02/2020 của Giám đốc Công an tỉnh về việc thực hiện chuyên đề về xử lý vi phạm nồng độ cồn, chất

ma túy đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ năm 2020. Qua đó, lập biên bản xử lý: Chuyên đề tốc độ: 489 trường hợp; chuyên đề nồng độ cồn: 38 trường hợp; chuyên đề xử lý xe công nông: 10 trường hợp.

Phối hợp các lực lượng triển khai quyết liệt kế hoạch cao điểm chuyên đề xử lý số thanh, thiếu niên điều khiển phương tiện giao thông đường bộ gây rối trật tự công cộng trên địa bàn huyện (tập trung địa bàn xã Ia Hrú, Ia Rong), tiến hành xử lý 45 thanh thiếu niên vi phạm.

Tình hình tai nạn giao thông phức tạp xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Nguyên nhân khách quan:

Hiện nay, quốc lộ 14 chất lượng đường khá tốt, lưu lượng xe và người lưu thông trên đường tăng cao, các phương tiện chạy với tốc độ cao nhất là vào khoảng thời gian từ 18h đến 24h, khi xảy ra va chạm thì hậu quả thường lớn và nghiêm trọng.

Nguyên nhân chủ quan:

Ý thức tuân thủ, chấp hành Luật giao thông đường bộ của người dân trên địa bàn chưa cao, tình trạng lạm dụng, uống quá nhiều rượu, bia sau đó điều khiển phương tiện tham gia giao thông vi phạm tốc độ, đi không đúng phần đường, không chú ý quan sát, chuyển hướng không đúng quy định; bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giao thông đường bộ mặc dù được triển khai thường xuyên, song hiệu quả mang lại chưa nhiều, chưa thay đổi đáng kể ý thức của người dân trong chấp hành luật lệ an toàn giao thông; hoạt động của một số Tổ tự quản an toàn giao thông các xã, thị trấn hoạt động chưa hiệu quả, chưa ngăn chặn tình hình người vi phạm luật Giao thông ở địa bàn cơ sở, nhất là số thanh thiếu niên, người đồng bào dân tộc thiểu số.

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Dự báo tình hình

Thời gian tới, trước sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật còn tiềm ẩn nhiều phức tạp, đặc biệt là tội phạm xâm phạm sở hữu (trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, liên quan đến "tín dụng đen"...), tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tội phạm và tệ nạn ma túy. Tình hình tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp, các yếu tố làm gia tăng tai nạn giao thông chưa được loại trừ.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Một là, Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, kế hoạch của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc huyện, Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 09/4/2020 về lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm trộm cắp trên địa bàn huyện; Ban Chỉ đạo huyện triển khai kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 05/5/2020 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 09/4/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo, chỉ đạo phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện; Chương trình thực hiện Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.*

Tham mưu Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tăng cường chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn; tập trung các biện pháp chuyển hóa đối với địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, thực hiện các giải pháp kiềm chế, kéo giảm tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông, phấn đấu giảm làng, xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự; tăng cường phối hợp với lực lượng Công an và các ngành chức năng có biện pháp giải quyết hữu hiệu đối với các vấn đề, vụ việc nóng nổi lên tại địa bàn, không để phát sinh điểm nóng, phức tạp.

Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc huyện, Ban An toàn giao thông từ huyện đến cơ sở, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa bàn phụ trách. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc; duy trì, nhân rộng các mô hình tự quản, tự phòng trong các thôn, làng; nâng cao trách nhiệm của các đoàn thể địa phương trong việc gương mẫu, tích cực tham gia công tác bảo vệ an ninh trật tự tại địa bàn; huy động tối đa lực lượng tại chỗ trong công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội tại địa phương mình.

Hai là, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa xã hội; coi trọng phòng ngừa tội phạm từ gia đình và ở cơ sở. Chủ động dự báo, đánh giá các tác động tiêu cực ảnh hưởng của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, quá trình triển khai thực hiện để đề xuất khắc phục hạn chế những sơ hở, thiếu sót, bất cập, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và vi phạm pháp luật.

Ba là, chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch, biện pháp đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân trong

đấu tranh phòng chống tội phạm, tích cực tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm; tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường lực lượng, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm trộm cắp tài sản, tội phạm do nguyên nhân xã hội, tội phạm và tệ nạn ma túy; chấn chỉnh công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và trung tâm cai nghiện bắt buộc; tăng cường nắm tình hình, đấu tranh, xử lý có hiệu quả với đối tượng lưu động hoạt động phạm tội. Chỉ đạo Công an xã, thị trấn rà soát nhân hộ khẩu, kiểm tra việc chấp hành tạm trú, tạm vắng tại các địa bàn trọng điểm để phát hiện đối tượng có lệnh truy nã và các tội phạm khác đang lẩn trốn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống cháy nổ, vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, kiểm tra các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và các hoạt động văn hoá, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tập trung nắm chắc tình hình hoạt động, kinh doanh của các cơ sở cầm đồ, dịch vụ hỗ trợ tài chính, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bán hàng dưới hình thức trả góp với lãi suất cao; tình hình người dân vay ngoài hệ thống ngân hàng; rà soát các tổ chức, cá nhân cho vay tiền trong dân với lãi suất cao để có phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, không để xảy ra tình trạng vỡ nợ với số lượng lớn, gây ảnh hưởng đến dư luận và phát sinh những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn.

Chủ động xây dựng, triển khai các kế hoạch tấn công trấn áp các loại tội phạm, nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý tội phạm; tăng cường lực lượng, phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ tập trung đấu tranh, triệt xóa, xử lý các điểm, tụ điểm ma túy phức tạp, các đối tượng mua bán, vận chuyển ma túy có liên quan trên địa bàn huyện.

Bốn là, Công an huyện phối hợp với cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn chỉ đạo lực lượng Công an làm tốt công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng. Tăng cường công tác rà soát, đánh giá, quản lý, giáo dục đối tượng tại cộng đồng; tham mưu, lên phương án quản lý đối với từng loại đối tượng, tập trung vào số thanh thiếu niên hư hỏng, tụ tập chơi bời lêu lổng, số đối tượng có tiền án, tiền sự, số đối tượng trộm cắp, nghiện hút, liên quan đến ma túy, cờ bạc, lô đề,…

Chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật trên địa bàn; phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh, các địa phương lân cận tập trung xây dựng phương án đấu tranh với tội phạm hoạt động lưu động, phòng ngừa tội phạm hình thành băng nhóm, hoạt động phức tạp.

Năm là, tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ban an toàn giao thông tỉnh, Ban an toàn giao thông huyện về tăng cường công tác đảm bảo trật

tự an toàn giao thông; tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật giao thông trong trường học, các khu dân cư dọc tuyến quốc lộ, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú ý số đối tượng là thanh thiếu niên.

Tăng cường kiểm tra, xử lý phương tiện hết niên hạn, không đảm bảo an toàn kỹ thuật nhưng vẫn đưa vào tham gia giao thông. Phối hợp kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, lắp ráp xe công nông, xe độ chế. Chủ động kiểm soát, xử lý phương tiện quá tải ngay từ nơi cất bốc hàng hóa, ngăn chặn không để lưu thông làm hư hỏng đường. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp học sinh không đủ tuổi, không có giấy phép lái xe, điều khiển mô tô, xe máy đến trường vi phạm giao thông.

Huy động tối đa lực lượng, sử dụng đồng bộ các phương tiện, biện pháp, tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật giao thông; bố trí lực lượng thường trực để ngăn chặn, giải tán kịp thời các nhóm thanh thiếu niên tụ tập càn quấy, gây rối, ném đá gây hư hại phương tiện đi đường, gây mất an toàn giao thông ở những tuyến đường phức tạp, trọng điểm về trật tự an toàn giao thông; phối hợp chặt chẽ các lực lượng (tỉnh, huyện, xã) để xử lý nghiêm các lỗi đi vào đường cấm, đi vào đường ngược chiều, công nông chở người trên thùng xe; điều khiển phương tiện vi phạm tốc độ, vi phạm nồng độ cồn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng.

Tiếp tục kiến nghị các cơ quan chức năng trong việc đề xuất cắm biển báo, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông đường bộ, góp phần kéo giảm tai nạn giao thông, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông 6 tháng đầu năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh./.

Nơi nhận:
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các Phòng ban, đơn vị huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC, TTr.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tứ

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 245 /BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO
Về tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020;

UBND huyện tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và đề ra nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

A. Tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020

I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2020

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2020 ước thu được 267,63 tỷ đồng, đạt 70,1% KH tỉnh, đạt 69% KH huyện. Trong đó, thu ngân sách huyện tại địa bàn (không tính kết dư, chuyển nguồn) là 9,84 tỷ đồng, đạt 25,78 % KH tỉnh, đạt 22,25% Nghị quyết HĐND huyện giao. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, chỉ tính các khoản thu cân đối trong chi thường xuyên ước thu được 8,77 tỷ đồng, đạt 57,69% KH tỉnh, đạt 53,93% Nghị quyết HĐND huyện giao.

Một số khoản thu đạt tiến độ kế hoạch như: Thuế Tài nguyên (112,04% KH tỉnh; 99,59% KH huyện); Thu phí và lệ phí (82,38% KH); Lệ phí trước bạ (72,16% KH tỉnh; 65,29% KH huyện); Thuế Thu nhập cá nhân (62,8% KH);

Bên cạnh đó, còn một số khoản thu không đạt như: Thu khác của ngành thuế (14,38%); Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (đạt 9,19% KH); nhất là khoản thu tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn nhưng thu đạt thấp (đạt 3,84% KH) dẫn đến tổng thu ngân sách trên địa bàn so với Nghị quyết chưa đạt. Việc thu chưa đạt kế hoạch từ một số nguyên nhân sau:

- Nguồn thu chủ yếu của huyện là nguồn thu từ tiêu và cà phê. Tuy nhiên, những năm gần đây hồ tiêu, cà phê liên tục mất mùa và rớt giá sâu nên giảm mạnh về sản lượng và doanh thu tính thuế cũng giảm, dẫn đến nguồn thu của ngân sách huyện thu không đạt.

- Tiền sử dụng đất: chủ yếu là thu từ đấu giá tiền sử dụng đất, tuy nhiên đến ngày 08/6/2020, UBND tỉnh mới có quyết định số 19/2020/QĐ-UBND phê duyệt hệ số giá đất cho huyện (ngày 19/6/2020 quyết định mới có hiệu lực), huyện đang triển khai thực hiện.

Cụ thể tình hình thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	Ước thực hiện đến 30/06/2020	So sánh KH (U 30/6)	
					KH tỉnh (%)	KH huyện (%)
	Tổng thu ngân sách	**381.818.359**	**387.878.359**	**267.636.366**	**70,10**	**69,00**
I	**Thu tại địa bàn**	**38.210.000**	**44.270.000**	**9.849.007**	**25,78**	**22,25**
	Không tính tiền sử dụng đất	*15.210.000*	*16.270.000*	*8.775.132*	*57,69*	*53,93*
1	***Thu trong cân đối***	***38.210.000***	***44.270.000***	***9.849.007***	***25,78***	***22,25***
	Trong đó: Chi cục thuế thu	12.100.000	13.100.000	7.397.164	61,13	56,47
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	5.150.000	5.950.000	2.911.826	56,54	48,94
-	Thuế VAT và TNDN	4.600.000	5.350.000	2.409.033	52,37	45,03
-	Thuế môn bài	-	-	-	-	-
-	Thuế tài nguyên	400.000	450.000	448.171	112,04	99,59
-	Thu khác về thuế	150.000	150.000	21.564	14,38	14,38
-	Thuế TTĐB	-	-	33.058	-	-
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)	-	-	-	-	-
1.3	Thuế nhà đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-
1.4	Thu phí và lệ phí	1.350.000	1.350.000	1.112.191	82,38	82,38
1.5	Lệ phí trước bạ	1.900.000	2.100.000	1.371.043	72,16	65,29
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	3.100.000	3.100.000	1.946.935	62,80	62,80
1.7	Tiền cho thuê mặt đất. mặt nước	600.000	600.000	55.169	9,19	9,19
1.8	Thu tiền sử dụng đất	23.000.000	28.000.000	1.073.875	4,67	3,84
-	Dự án do ngân sách tỉnh đầu tư và thu từ các TC KT					
-	Dự án do ngân sách huyện đầu tư và thu từ các TC KT	23.000.000	28.000.000	1.073.875	4,67	3,84
1.9	Thu khác ngân sách	3.110.000	3.170.000	1.377.968	44,31	43,47
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1.640.000	1.640.000	521.419	31,79	31,79
-	Thu NĐ 100/CP	1.470.000	1.530.000	856.549	58,27	55,98
2	***Các khoản thu thông qua ngân sách***		***0***			
II	**Thu chuyển nguồn**	**37.787.359**	**37.787.359**	**37.787.359**	100,00	100,00
III	**Thu kết dư**	-	-	-	-	-
IV	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**305.821.000**	**305.821.000**	**220.000.000**	71,94	71,94

II. Tình hình thực hiện dự toán chi 6 tháng đầu năm 2020

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 của huyện Chư Pưh 195,412 tỷ đồng, đạt 57,27% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 54,16% kế hoạch huyện. Trong đó thể hiện qua một số chỉ tiêu như sau:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 6 tháng đầu năm là 20,3 tỷ đồng, đạt 58,39% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 51,07% kế hoạch huyện.

- Chi thường xuyên: tổng chi 6 tháng đầu năm là 165,649 tỷ đồng, đạt 56,72% so với kế hoạch tỉnh giao, đạt 51,07% kế hoạch huyện, gồm:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 71,5 tỷ đồng, đạt 43,12% kế hoạch tỉnh giao, 43.08% kế hoạch huyện.

+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 5,2 tỷ đồng đạt 138,67% kế hoạch tỉnh giao, đạt 51.11% kế hoạch huyện.

Nhìn chung chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm đạt kế hoạch tỉnh giao cũng như Nghị quyết HĐND huyện đề ra.

(Có biểu chi cụ thể kèm theo)

B. Nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện công tác thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020

Trên cơ sở tình hình thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm, để hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết HĐND huyện đề ra, đồng thời cân đối được dự toán chi ngân sách cấp huyện, xã 6 tháng cuối năm thì nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện công tác thu, chi 6 tháng cuối năm 2020 cần tập trung một số nội dung như sau:

I. Nhiệm vụ thu - chi 6 tháng cuối năm 2020

1. Về thu ngân sách: Tổng thu ngân sách 6 tháng còn lại là 120,24 tỷ đồng; Trong đó: Thu tại địa bàn còn phải thu là 34,42 tỷ đồng. Cụ thể các khoản thu chi tiết như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	KH TỈNH GIAO	KH HUYỆN GIAO	6 tháng còn lại
	Tổng thu ngân sách	**381.818.359**	**387.878.359**	**120.241.993**
I	**Thu tại địa bàn**	**38.210.000**	**44.270.000**	**34.420.993**
	Không tính tiền sử dụng đất	*15.210.000*	*16.270.000*	*7.494.868*
1	***Thu trong cân đối***	***38.210.000***	***44.270.000***	***34.420.993***
	Trong đó: Chi cục thuế thu	12.100.000	13.100.000	5.702.836
1.1	Thu từ khu vực CTN NQD	5.150.000	5.950.000	3.038.174
-	Thuế VAT và TNDN	4.600.000	5.350.000	2.940.967
-	Thuế môn bài			0
-	Thuế tài nguyên	400.000	450.000	1.829
-	Thu khác về thuế	150.000	150.000	128.436
-	Thuế TTĐB	-		
1.2	Thuế SD đất NN(NQD)	-	-	-
1.3	Thuế nha đất phi nông nghiệp	-	-	-
1.4	Thu phí và lệ phí	1.350.000	1.350.000	237.809
1.5	Lệ phí trước bạ	1.900.000	2.100.000	728.957
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	3.100.000	3.100.000	1.153.065

1.7	Tiền cho thuê mặt đất. mặt nước	600.000	600.000	544.831
1.8	Thu tiền sử dụng đất	23.000.000	28.000.000	26.926.125
-	Dự án do ngân sách tỉnh đầu tư và thu từ các TC KT			0
-	Dự án do ngân sách huyện đầu tư và thu từ các TC KT	23.000.000	28.000.000	26.926.125
1.9	Thu khác ngân sách	3.110.000	3.170.000	1.792.032
-	Xử phạt vi phạm HC và thu khác	1.640.000	1.640.000	1.118.581
-	Thu Nghị định số 100/NĐ-CP	1.470.000	1.530.000	673.451
2	***Các khoản thu thông qua ngân sách***	-	-	-
II	**Thu chuyển nguồn**	**37.787.359**	**37.787.359**	-
III	***Thu kết dư***			-
IV	**Thu bổ sung ngân sách cấp trên**	**305.821.000**	**305.821.000**	**85.821.000**

2. Về chi ngân sách

(1) Thực hiện điều hành ngân sách, phân bổ kinh phí, giám sát chi trên cơ sở dự toán được Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt. Quản lý chặt các khoản chi, đảm bảo theo đúng chế độ quy định; thực hiện nghiêm, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí. Tiết kiệm trong chi thường xuyên nhất là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác xa và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách. Gắn nhiệm vụ thực hành tiết kiệm chống lãng phí với việc thực hiện các cơ chế quản lý tài chính và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu công, quản lý tốt việc mua sắm tài sản.

- Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách giải quyết các nhu cầu chi đột xuất về thiên tai, dịch bệnh, an ninh quốc phòng,... bố trí, sử dụng nguồn tăng thu ngân sách (nếu có) hợp lý, bổ sung cho nhiệm vụ chi thực sự cần thiết, ưu tiên bố trí nguồn vốn trả nợ các công trình đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn.

- Tăng cường kiểm soát chi ngân sách, đảm bảo thực hiện đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Không đề xuất bổ sung kinh phí ngoài dự toán đối với những nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách (trừ các nhiệm vụ cấp bách về ANQP, chống dịch bệnh và một số nhu cầu cấp thiết khác), xử lý kịp thời các trường hợp chi sai, chi không đúng quy định để giảm chi ngân sách.

(2) Tiếp tục thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản chặt chẽ, thiết thực nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội; các dự án đầu tư công triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ theo quy định. Triển khai ngay công tác chỉ định thầu để tiến hành khởi công xây dựng các công trình chậm tiến độ, đặc biệt là các Công trình thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia, tránh tình trạng những tháng cuối năm mới triển khai dẫn đến khối lượng không hoàn thành, làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Đẩy mạnh thực hiện tốt nữa cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về

sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính - Nội vụ ngày 30/5/2014 để góp phần tăng thu nhập cho cán bộ công chức.

(4) Trong quá trình triển khai thực hiện, với chức năng nhiệm vụ đã được quy định, các cơ quan, các đơn vị, các ngành, UBND các xã, thị trấn trên tinh thần nâng cao trách nhiệm được giao, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc nhằm hoàn thành nhiệm vụ thu – chi ngân sách năm 2020.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

II. Các biện pháp để thực hiện thu - chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2020

Để hoàn thành các chỉ tiêu trong dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 được UBND tỉnh và HĐND huyện giao, các ngành, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan cần phấn đấu và tăng cường các biện pháp để đảm bảo nhiệm vụ thu, chi ngân sách theo kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách

1. Chi cục Thuế khu vực Chư Sê - Chư Pưh

- Tăng cường hơn nữa trong việc quản lý thu thuế, chống thất thu thuế, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thu ngân sách. Đặc biệt chú trọng công tác thu hồi, cưỡng chế nợ đọng thuế và hạn chế tối đa số nợ thuế phát sinh mới. Khai thác các nguồn thu có khả năng tăng thu để bù đắp một số khoản thu đạt thấp như phí, lệ phí.

- Chủ động, tăng cường chất lượng công tác của Đội chống thất thu ngân sách huyện mà Chi cục thuế khu vực Chư Sê - Chư Pưh là cơ quan thường trực; Rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn, có biện pháp để thu hồi, xử lý các khoản thuế nợ đọng kéo dài từ những năm trước.

- Tập trung xử lý nhanh hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích còn tồn đọng và hồ sơ mới phát sinh, để giải quyết nhu cầu cho nhân dân đồng thời thu các khoản thuế theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, xử lý nghiêm các trường hợp gian lận thương mại, trốn lậu thuế, loại khỏi chi phí tính thuế những khoản chi không đúng quy định khi quyết toán thuế. Đôn đốc thu hồi kịp thời vào ngân sách nhà nước số tiền phát hiện, truy thu sau thanh tra, kiểm tra theo kết luận của cơ quan chức năng. Quản lý tốt khoản thuế VAT từ các công trình đầu tư XDCB trên địa bàn.

2. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện

- Tăng cường công tác hậu kiểm doanh nghiệp, các hộ kinh doanh trên địa bàn để quản lý tốt nguồn thu. Hàng tháng cung cấp danh sách các hộ kinh doanh cá thể phát sinh mới cho Chi cục Thuế, Đội Quản lý Thị trường số 5, các xã, thị trấn để quản lý thu.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc các đơn vị có nguồn thu phạt như: Công an huyện, Hạt Kiểm lâm huyện, các xã, thị trấn còn để tại tài khoản tạm giữ, xử lý và chuyển nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tiếp tục kiểm tra, rà soát các hộ kinh doanh nhưng không có giấy phép kinh doanh; có giấy phép kinh doanh, đang hoạt động kinh doanh nhưng chưa đưa vào bộ sổ thuế, kịp thời báo cáo UBND huyện để chỉ

mới nhằm phát hiện những sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình XDCB đã hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước.

- Những đơn vị, UBND các xã, thị trấn được phân bổ kinh phí từ nguồn bổ sung có mục tiêu của Trung ương, của tỉnh phải quan tâm chỉ đạo để triển khai thực hiện, giải ngân kinh phí theo thời hạn quy đinh, tránh tình trạng kéo dài phải chuyền nguồn hoặc nộp trả ngân sách cấp trên.

Trên đây là Báo cáo Về tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020. UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện Khóa IX, Kỳ họp thứ mười./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT-CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

(Kèm theo báo cáo số: 245/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch Tỉnh giao	Kế hoạch Huyện giao	Thực hiện đến 30/6/2020	SS KH tỉnh đến 30/6/2020 (%)	SS KH huyện đến 30/6/2020 (%)	Thực hiện 6 tháng còn lại	Thực hiện cả năm
A	**TỔNG CHI NS ĐP**	**341.231.000**	**360.815.708**	**195.412.633**	**57,27%**	**54,16%**	**165.403.075**	**360.815.708**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**34.840.000**	**39.840.000**	**20.344.483**	**58,39%**	**51,07%**	**19.495.517**	**39.840.000**
II	**Chi thường xuyên**	**292.036.000**	**305.560.708**	**165.649.046**	**56,72%**	**54,21%**	**139.911.662**	**305.560.708**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	8.792.000	15.024.100	7.980.000	90,76%	53,11%	7.044.100	15.024.100
2	Kiến thiết thị chính	4.000.000	4.000.000	3.953.314	98,83%	99%	46.686	4.000.000
3	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.750.000	10.175.037	5.200.000	138,67%	51,11%	4.975.037	10.175.037
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	350.000	1.000.000	-	0%	0%	1.000.000	1.000.000
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	165.805.000	165.981.400	71.500.000	43,12%	43,08%	94.481.400	165.981.400
6	Chi sự nghiệp y tế	-	371.000	186.000	-	50,13%	185.000	371.000
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	1.098.165	530.000	-	48,26%	568.165	1.098.165
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	363.000	89.200	-	24,57%	273.800	363.000
9	Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	-	1.200.000	412.000	-	34,33%	788.000	1.200.000
10	Chi quản lý hành chính	-	31.512.000	20.100.000	-	63,79%	11.412.000	31.512.000
11	Chi an ninh	-	1.040.418	459.377	-	44,15%	581.041	1.040.418
12	Chi quốc phòng	-	2.965.764	1.565.764	-	52,79%	1.400.000	2.965.764
13	Chi đảm bảo xã hội	9.148.000	9.882.250	5.350.000	58,48%	54,14%	4.532.250	9.882.250
14	Các nhiệm vụ chi khác, các khoản chi khác theo quy định của Pháp luật	-	5.406.574	3.330.102	-	62%	2.076.472	5.406.574
15	Chi bổ sung ngân sách cấp xã	-	55.541.000	48.946.603	-	88,13%	6.594.397	55.541.000
16	Các nhiệm vụ chưa phân bổ	-	2.720.000	1.269.500	-	-	1.450.500	2.720.000
-	*Mua sắm tài sản các ngành*	-	*500.000*	*65.000*	-	*13,00%*	*435.000*	*500.000*
-	*Phần mềm các đơn vị*	-	*600.000*	-	-	-	*600.000*	*600.000*
-	*Thăm đối tượng tết*	-	*1.290.000*	*1.204.500*	-	*93,37%*	*85.500*	*1.290.000*
-	*Chi thuê đường truyền trực tuyến các xã, thị trấn*	-	*330.000*	-	-	-	*330.000*	*330.000*
17	Chi các nhiệm vụ phát sinh đột xuất	-	570.000	179.110	-	31,42%	390.890	570.000
18	Tỉnh tạo nguồn năm 2020	100.191.000	-	-	-	-		-
IV	**Dự phòng ngân sách**	**5.823.000**	**5.823.000**	**4.031.569**	**69%**	**69%**	**1.791.431**	**5.823.000**
V	**Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa**	**2.832.000**	**2.832.000**	**1.784.389**	**63%**	**63,01%**	**1.047.611**	**2.832.000**
VI	**Chi từ nguồn tăng thu, quản lý qua ngân sách**	**-**	**1.060.000**			**0%**	**1.060.000**	**1.060.000**
VII	**Sửa chữa đường giao thông liên xã khắc phục hậu quả thiên tai**	**5.700.000**	**5.700.000**	**3.603.146**	**63%**	**63,21%**	**2.096.854**	**5.700.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 243 /BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO

Tình hình phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện Chư Pưh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Thực hiện Thông báo kết luận số 39/TBKL-HĐND ngày 28/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. UBND huyện rà soát, đánh giá và tổng hợp tình hình phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (KTTT), HỢP TÁC XÃ (HTX), HỘ KINH DOANH, DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. Tình hình phát triển KTTT, HTX

Huyện Chư Pưh được thành lập năm 2009. Qua hơn 10 năm thành lập, phát triển và gần 10 năm triển khai thực hiện Luật hợp tác xã năm 2012. Nhận thức, quan điểm phát triển KTTT, Hợp tác xã của các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn huyện đã có sự chuyển biến tích cực. Nhận thức của nhân dân về mô hình HTX kiểu mới được nâng cao, từ chỗ chưa nhận thức đầy đủ, thống nhất đến nay đã từng bước hiểu rõ bản chất HTX kiểu mới, gắn với lợi ích của từng thành viên, thấy được vai trò, vị trí, tính tất yếu khách quan của KTTT, HTX đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Hoạt động quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX của huyện ngày càng được nâng cao. Ban chỉ đạo phát triển HTX giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn huyện được xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo phát triển KTTT, HTX tại các xã, thị trấn không ngừng được tăng cường, củng cố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương huyện thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tích cực vận động nhân dân trên địa bàn huyện tự nguyện tham gia phát triển KTTT, tham gia xây dựng nông thôn mới.... Khu vực KTTT, HTX đã có bước phát triển và đạt được nhiều kết quả tích cực, số HTX hoạt động hiệu quả tuy chưa cao nhưng đã có những chuyển biến mang tính tích cực, số lượng HTX nông nghiệp chiếm 95,65% trong tổng số HTX trên địa bàn huyện đã phát huy tốt lợi thế về thế mạnh phát triển ngành nông, lâm nghiệp của huyện, từ đó đóng góp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Số lượng HTX trên địa bàn huyện đến nay là 24 HTX, trong 06 tháng đầu năm 2020, có 01 HTX thành lập mới (HTX Ong mật Lê thành, xã Ia Dreng). *Số lượng HTX chính thức đang hoạt động 17, ngưng hoạt động 07 HTX (HTX SX-DVNN Đại*

Đoàn Kết, xã Ia Le; HTX NN & TM Phú Hà, xã Ia Blứ; HTX SX-DVNN Hưng Thịnh, xã Ia Hla; HTX DV-SX-KD rau an toàn Thắng Lợi, xã Chư Don; HTX DVNN Ia Blứ, HTX Phượng Hoàng, xã Ia Blứ; HTX Phú Nhơn, thị trấn Nhơn Hòa: các HTX chưa tiến hành các thủ tục giải thể thể theo quy định) với tổng vốn điều lệ là 51.340 triệu đồng, 238 thành viên, 164 lao động, 64 cán bộ quản lý (trong đó 10 trình độ đại học, cao đẳng; 28 trình độ trung cấp; 26 trình độ sơ cấp, chưa qua đào tạo).

- Về phân loại HTX: Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá Hợp tác xã. Qua công tác tổng hợp đánh giá, hiện tại trên địa bàn huyện có 07 HTX hoạt động khá có hiệu quả trên lĩnh vực nông nghiệp có liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản và cung ứng dịch vụ; 09 HTX hoạt động trung bình; 08 HTX không tiến hành đánh giá do thành lập chưa đủ 12 tháng hoặc ngừng hoạt động quá 03 tháng trong năm.

- Về tình hình chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012: UBND huyện Chư Pưh đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức, tạo mọi điều kiện về thủ tục hành chính cho các HTX khi thực hiện chuyển đổi mô hình HTX kiểu cũ sang hoạt động theo Luật HTX năm 2012 nhằm mang lại nhiều lợi ích đối với hoạt động của các HTX, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, quản lý dân chủ, bình đẳng, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu của HTX. Tuy vậy, đến nay có 07 HTX thực hiện chuyển đổi theo quy định, các HTX khác chưa chuyển đổi một phần do hoạt động cầm chừng hoặc đã ngừng hoạt động.

- Về cơ sở vật chất: 01 HTX có trụ sở hoạt động (HTX Đại đoàn kết xã Ia Le), các HTX khác chưa có trụ sở, cơ sở vật chất để hoạt động; hiện tại mượn nhà của các thành viên Ban quản trị HTX hoặc của UBND xã (HTX Nông lâm nghiệp Ia Hrú, xã Ia Hrú) để hoạt động.

- Số HTX hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã năm 2012: Trong giai đoạn vừa qua, UBND huyện đã tổ chức nhiều Hội nghị đề ra các giải pháp, biện pháp phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã và thiết lập "chuỗi cung cầu Nông sản Việt". Một số HTX đã có những bước phát triển mang tính khởi sắc như: HTX Nông Nghiệp Hữu Cơ An Toàn FAOS, xã Ia Rong thành lập năm 2018 với tổng vốn điều lệ 200 triệu đồng, 10 thành viên, 05 lao động thường xuyên đã có doanh thu năm 2019 đạt 800 triệu đồng, tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính 80 triệu đồng; HTX Vinh Phát, thôn Phú Hòa, xã Ia Le thành lập năm 2019 với tổng vốn điều lệ 400 triệu đồng, 08 thành viên, 02 lao động thường xuyên có doanh thu năm 2019 đạt 506 triệu đồng (doanh thu từ giao dịch với thành viên đạt 300 triệu đồng); HTX Nông lâm nghiệp Ia Hrú, thôn Tao Chor A, xã Ia Hrú thành lập năm 2017 với tổng số vốn điều lệ 1.000 triệu đồng, 16 thành viên, 01 lao động thường xuyên có doanh thu năm 2019 đạt 1.900 triệu đồng, tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính 800 triệu đồng, tổng lợi nhuận chia cho các thành viên 750 triệu đồng… Một số Một số sản phẩm tiêu biểu của huyện Chư Pưh như: Sản phẩm Sầu riêng (HTX Đại Ngàn, xã Ia Phang); trà măng tây, tiêu sọ, tinh dầu sả, mủ trôm (HTX Faos xã Ia Rong)…

- Triển khai xây dựng mô hình HTX điểm: Trong giai đoạn vừa qua, trên địa bàn huyện triển khai thực hiện xây dựng điểm 03 HTX, trong đó 01 HTX điểm của tỉnh và 02 HTX điểm của huyện, cụ thể: HTX DV-KD-SX Long Hưng, xã Ia Phang là

HTX điểm của tỉnh; HTX Nông nghiệp hữu cơ an toàn FAOS, xã Ia Rong và HTX Đại Ngàn, xã Ia Blứ là HTX điểm của huyện.

- UBND huyện phối hợp với Trung tâm Đào tạo và Tư vấn kinh tế hợp tác thuộc Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và PTNT II tổ chức tư vấn, tuyên truyền thành lập, phát triển HTX kiểu mới và triển khai mô hình Nông hội để vận động các cá nhân, hộ gia đình tham gia đăng ký thành viên của 03 HTX điểm trên địa bàn 03 xã Ia Rong, Ia Phang và Ia Blứ. Sau các buổi tư vấn tuyên truyền trên đã có thêm 66 người tham gia đăng ký thành viên mới của 03 HTX (HTX Faos 23 người, HTX Long Hưng 13 người, HTX Đại Ngàn 30 người). Đồng thời, tổ chức khảo sát thực tế để hướng dẫn HTX xây dựng các dịch vụ, Phương án kinh doanh, Điều lệ HTX, phương án nhân sự theo đúng luật HTX 2012.

2. Về phát triển Hộ kinh doanh

- Trong thời gian qua, phát huy tốt hệ thống một cửa điện tử liên thông, nâng cao chất lượng giải quyết công việc, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính (Đăng ký hộ kinh doanh thực hiện trong vòng 02 ngày (giảm 01 ngày so với quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về Đăng ký doanh nghiệp); công khai minh bạch trên Trang thông tin điện tử về thủ tục đăng ký kinh doanh và được niêm yết công khai tại Trụ sở làm việc của Phòng Tài chính - Kế hoạch. Chủ động, bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính bảo đảm đúng tiến độ theo quy định.

- Căn cứ các Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về Đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai). Đến nay, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (đơn vị được UBND huyện ủy quyền cấp giấy phép kinh doanh) đã cấp mới tổng cộng 1.588 hộ kinh doanh. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2020, đã cấp mới 31 hộ, cấp đổi 15 hộ, ngừng hoạt động 06 hộ.

3. Về phát triển Doanh nghiệp

Trong thời gian qua, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch hành động số 137/KH-UBND ngày 15/10/2016 về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn huyện Chư Pưh đến năm 2020, Kế hoạch hành động số 396/KH-UBND ngày 23/4/2019 Về việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn huyện Chư Pưh năm 2019 và nhiều văn bản khác… UBND huyện đã phân công các phòng, ban, đơn vị đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phát động cuộc thi khởi nghiệp, các phong trào khởi nghiệp trong lực lượng đoàn viên, thanh niên, hội viên, cá nhân, nhóm cá nhân trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh hoạt động phổ biến, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách về hỗ trợ khởi nghiệp; thực hiện các chuyên đề, phóng sự các hoạt động hỗ trợ khai nghiệp trên địa bàn huyện; đưa tin về những điển hình tốt về khởi nghiệp nhằm

phát động phong trào, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp trong lực lượng đoàn viên, thanh niên, cá nhân, nhóm cá nhân trên địa bàn huyện. Tổ chức tìm kiếm các dự án, ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông qua các cuộc thi, các chương trình, hoạt động ngoại khóa.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, quán triệt thống nhất nhận thức trong cán bộ đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy Gia Lai về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm và sự đóng góp của doanh nghiệp trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, còn tuyên tuyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp (được quy định tại Điều 15,16,17,18,19 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ).

- Tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lượng lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên…), các biện pháp vận động, hỗ trợ, tư vấn pháp lý để tuyên tuyền, khuyến khích để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp.

- Với những hành động cụ thể trên, tình hình phát triển Doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã có những bước phát triển mang tính khởi sắc. Lũy kế đến 06 tháng đầu năm 2020, tổng số Doanh nghiệp trên địa bàn huyện là 80 doanh nghiệp. Trong 06 tháng đầu năm 2020, số doanh nghiệp thành lập mới là 17 doanh nghiệp, đạt 113,3% Kế hoạch năm 2020 do UBND tỉnh giao.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những mặt đạt được, tất cả các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện trong giai đoạn từ khi thành lập huyện đến nay còn gặp những tồn tại, hạn chế như:

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều khó khăn, các hợp tác xã, tổ hợp tác chưa tìm được hướng đi đúng đắn trong hoạt động, chưa có kế hoạch phát triển dài hạn ổn định. Do đó, hiệu quả thấp, chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài, một số HTX nông nghiệp sau khi thành lập không triển khai được phương án sản xuất, kinh doanh nên tạm ngừng hoạt động.

- Quy mô của các HTX trên địa bàn nhỏ, hoạt động sản xuất kinh doanh còn đơn lẻ, manh mún, chưa năng động, chậm khắc phục khó khăn, nhất là khu vực nông nghiệp, nông thôn; chưa chủ động xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa chủ động mở rộng hình thức kinh doanh theo hướng đa ngành nghề; chưa có các hình thức liên doanh liên kết khu vực HTX với các tổ chức doanh nghiệp.

- Trình độ, năng lực của cán bộ cũng như lao động của HTX còn hạn chế, hầu như chưa qua đào tạo, lúng túng trong quản lý, chiến lược phát triển còn chung chung, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Hợp tác xã; mặt khác do thu nhập đối với cán

bộ HTX thấp, chế độ chính sách lâu dài chưa có đã làm giảm động lực của bộ máy quản lý cũng như thu hút người lao động có năng lực, trình độ tham gia vào Hợp tác xã; Nhiều HTX chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Luật HTX năm 2012.

- Hộ kinh doanh đa phần kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, nguồn vốn kinh doanh hạn chế, quá trình kinh doanh còn mang tính tự phát, chưa có giải pháp liên kết thành chuỗi kinh doanh để hỗ trợ nhau trong quá trình cung ứng, sản xuất, chế biến các mặt hàng trên địa bàn huyện. Do vậy, việc tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình từ hộ kinh doanh nhỏ lẻ thành doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

III. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan: tuy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi ưu tiên phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh tại nhiều văn bản của Chính phủ đã được ban hành nhưng vấn đề triển khai của các cấp, các ngành thực hiện còn chậm, thậm chí chưa thực hiện được do chưa đủ điều kiện để hỗ trợ.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Nhiều Doanh nghiệp, HTX, Hộ kinh doanh trên địa bàn huyện chưa tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn vay khác từ ngân hàng vì một số nguyên nhân như: không có tài sản thế chấp hoặc chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh khả thi và cụ thể.

- Một số cơ quan, ban ngành; bộ phận cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân chưa nhận thức đúng vai trò của kinh tế tập thể, bản chất và mô hình HTX kiểu mới, vấn đề quản lý Nhà nước còn chồng chéo, chưa phân định cụ thể rõ ràng trách nhiệm cho đơn vị nào dẫn đến sự đùn đẩy, thiếu quan tâm chỉ đạo. Bên cạnh đó, tư tưởng của người dân còn ấn tượng với mô hình HTX kiểu cũ, vì vậy chưa mạnh dạn đầu tư hợp tác một cách nhiệt tình vào mô hình kinh tế tập thể hiện nay.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX, DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Về giải pháp chung: Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Công khai 100% các chủ trương, chính sách, điều kiện và tiêu chí để các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và chủ đầu tư tiếp cận nguồn lực của nhà nước như danh mục kêu gọi đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn hỗ trợ, quy trình, thủ tục về đầu tư, các khu quy hoạch, nhất là các các công trình dự án đầu tư xây dựng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, nội dung thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện, đảm bảo đầy đủ các thông tin bắt buộc theo quy định và các thông tin có liên quan đến lợi thế cạnh tranh, đầu tư, doanh nghiệp...

- Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ các doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ổn định, phát triển sản xuất, kinh doanh ít nhất 02 lần/năm.

- Quan tâm, chú trọng đến công tác tiếp dân của tại các xã, thị trấn. Duy trì số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh liên quan đến quản lý nhà nước công khai trên trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin

đại chúng, trụ sở các cơ quan, đơn vị. Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong thực hiện các thủ tục hành chính theo thẩm quyền quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát thủ tục hành chính đang thực hiện trên địa bàn, để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế; Chủ động bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực chuyên môn, có kỹ năng giao tiếp, nhiệt tình, có trách nhiệm trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Hỗ trợ doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường hoạt động thương mại điện tử; Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 qua Bưu điện huyện.

- Cụ thể hóa bằng giải pháp thiết thực nhằm hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện. Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất; Phối hợp để hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để có mặt bằng đầu tư sản xuất, kinh doanh.

2. Về phát triển doanh nghiệp, Hộ kinh doanh

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền sâu rộng, quán triệt thống nhất nhận thức trong cán bộ đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy Gia Lai về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020; nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm và sự đóng góp của doanh nghiệp trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, còn tuyên tuyền cho tất cả các hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn về các chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh khi chuyển đổi hoạt động sang loại hình doanh nghiệp (được quy định tại Điều 15,16,17,18,19 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV). Một số chính sách hỗ trợ gồm:

+ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

+ Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

+ Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

+ Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đẩy mạnh đổi mới công nghệ vào hoạt động sản xuất

kinh doanh, xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường công tác quảng bá, thu hút đầu tư vào thế mạnh của huyện nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh các hàng hóa thế mạnh trên địa bàn huyện.

Tăng cường quản lý thuế đối với các hộ kinh doanh dựa vào quy mô (doanh thu, vốn kinh doanh, số lượng lao động, ngành nghề kinh doanh, diện tích kinh doanh, nhu cầu sử dụng hóa đơn thường xuyên...), các biện pháp vận động, hỗ trợ, tư vấn pháp lý để tuyên tuyền, khuyến khích để vận động những hộ kinh doanh có tiềm lực, điều kiện chuyển đổi sang thành lập doanh nghiệp.

3. Về phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã

- Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, nghiêm túc triển khai các văn bản như: Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Luật Hợp tác xã năm 2012; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 30/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đẩy mạnh phát triển hợp tác xã; Kế hoạch số 59-KH/HU ngày 10/7/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo đẩy mạnh phát triển hợp tác xã trên địa bàn huyện và các văn bản chỉ đạo khác của các cấp, ban, ngành.

- Tiếp tục thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền Luật HTX năm 2012 và các chính sách của nhà nước về phát triển HTX kiểu mới đối với các cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã, và các tầng lớp nhân dân; phối hợp với các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền lồng ghép với giới thiệu biểu dương những tập thể và cá nhân điển hình, tiên tiến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX; Kết hợp công tác tuyên truyền, triển khai các hoạt động tư vấn thành lập mới các HTX nông nghiệp; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động; tăng thu nhập cho thành viên, người lao động tại các HTX trên địa bàn huyện.

- Triển khai thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh, huyện đối với HTX về tài chính, tín dụng, thuế, đất đai, khoa học công nghệ, cung cấp thông về thị trường; tổ chức các hội thảo, phiên chợ nông sản hàng năm để các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia. Tạo điều kiện tốt nhất cho các HTX tham gia vào liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa; Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện công tác tuyên truyền, đào tạo bồi dưỡng, hỗ trợ thành lập mới HTX, THT.

- Tăng số lượng, chất lượng hoạt động hợp tác xã thành lập mới hàng năm, thu hút thêm thành viên tham gia vào hợp tác xã; Vận động các thành phần trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội tham gia vào HTX làm thành viên, tham gia góp vốn điều lệ; tăng mức góp vốn điều lệ để HTX đồng thời huy động các nguồn lực để hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước để có vốn hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án vào nội dung phát triển hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới và chương trình Giảm nghèo bền vững. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ, đồng thời huy

động các nguồn lực khác vào thành lập hợp tác xã, để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục xây dựng mô hình hợp tác xã liên kết bền vững với doanh nghiệp trong liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và đánh giá hiệu quả, nhằm rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo phát triển HTX; Hỗ trợ các HTX xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm để nâng cao giá trị hàng hóa và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Trên đây là Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện Chư Pưh. UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, Kỳ họp thứ mười theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- HĐND huyện khóa IX, Kỳ họp thứ mười;
- CT, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lãn đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 251 /BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 02 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO
Tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 6 tháng đầu và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

Thực hiện Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ Tướng Chính phủ; Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND huyện tổng hợp, báo cáo tình hình đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐO ĐẠC, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. Về hiện trạng sử dụng đất: theo kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019, tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 71.891,6 ha trong đó:

- Đất nông nghiệp: 68.120,01 ha chiếm 94,75 % diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 2.106,46 ha chiếm 2,93 % diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 1.665,14 ha chiếm 2,32 % diện tích tự nhiên.

2. Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính:

Kết quả đo đạc từ năm 1997 đến nay với diện tích 26.632,31ha. Trong đó diện tích đo đạc từ năm 2009 trở về trước (thời điểm chưa thành lập huyện Chư Pưh) là 11.822,99 ha; diện tích đo đạc từ năm 2010 đến năm 2018 là 14.809,32 ha. Trong năm 2019, 2020 không tổ chức đo đạc tập trung chỉ dụng kết quả đo đạc của các năm trước phục vụ công tác, quản lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn.Số liệu đo đạc cụ thể từng xã như sau:

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng diện tích tự nhiên (ha)	Thống kê diện tích đã đo đạc từ 1997 đến nay (ha)	
			Tổng số	Từ 2010 đến nay
1	Nhơn Hoà	2.241,92	2.241,92	2.058,11
2	Ia Phang	12.660,37	3.386,31	3.308,44
3	Ia Le	12,368,53	4.753,74	2.085,47

4	Ia Blứ	19.319,67	3.690,59	1217,24
5	Ia Hrú	3.952,02	2.603,51	335,42
6	Ia Dreng	2.272,45	1.886,00	1.886,00
7	Ia Hla	13.200,88	3.048,60	2.348,83
8	Ia Rong	2.333,57	2.162	530,6
9	Chư Don	3.542,19	2.859,64	1039,21
Tổng cộng		**71.891,60**	**26.632,31**	**14.809,32**

3. Kết quả triển khai cấp giấy CNQSD đất lần đầu 6 tháng đầu năm 2020

Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân huyện đã tăng cường công tác chỉ đạo các phòng ban, đơn vị chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện. 6 tháng đầu năm 2020 cấp 426 Giấy chứng nhận đạt 40,49% kế hoạch huyện đề ra, với diện tích 216,43ha, đạt 26,46% về diện tích so với kế hoạch huyện đề ra. Cụ thể từng xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Kế hoạch cấp giấy chứng nhận năm 2020		Kết quả cấp giấy 6 tháng đầu năm 2020		So sánh tỷ lệ (%) so với kế hoạch	
		Số HS (giấy)	Diện tích (ha)	Số HS (giấy)	Diện tích (ha)	Số giấy (%)	Diện tích (%)
1	Xã Ia Rong	72	69	3	0,98	4,17	1,42
2	Xã Ia Hrú	63	87	24	15,86	38,10	18,23
3	Xã Ia Dreng	82	67	3	4,3	3,66	6,42
4	Xã Ia Hla	93	123,8	55	2,9	59,14	2,34
5	TT Nhơn Hoà	28	12,8	10	4,26	35,71	33,28
6	Xã Ia Phang	120	86	42	31,01	35,00	36,06
7	Xã Ia Le	250	165,7	92	83,7	36,80	50,51
8	Xã Ia Blứ	268	154,7	196	72,65	73,13	46,96
9	Xã Chư Don	76	52,02	1	0,77	1,32	1,48
Tổng cộng		**1.052**	**818,02**	**426**	**216,43**	**40,49**	**26,46**

4. Kết quả giải quyết chuyển quyền sử dụng đất:

Trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng số hồ sơ đã giải quyết xong tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là 258 hồ sơ *(đạt 99,61% so với cùng kỳ năm 2019)*, tổng diện tích 901.058,5 m^2 (Trong đó: đất ở là 18.603,1 m^2; đất nông nghiệp là 882.455,4 m^2) *(đạt 132,8% về diện tích so với cùng kỳ năm 2019)*. Cụ thể từng xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số hồ sơ	Tổng DT (m^2)	Đất ở (m^2)	Đất nông nghiệp (m^2)
1	Xã Ia Rong	15	28.447,8	1.390	27.057,8
2	Xã Ia Hrú	45	149.276,4	3.388,0	145.888,4

3	Xã Ia Dreng	16	51.428,6	1.150,0	50.278,6
4	Xã Ia Hla	17	81.638,2	950,0	80.688,2
5	TT Nhơn Hoà	53	92.246,7	4.375	87.871,7
6	Xã Ia Phang	51	316.928,4	4.483,0	312.445,4
7	Xã Ia Le	33	78.917,3	1.587	77.330,3
8	Xã Ia Blứ	20	50.416,1	1.280	49.136,0
9	Xã Chư Don	8	51.759,0	0	51.759,0
TỔNG CỘNG		**258**	**901.058,5**	**18.603,1**	**882.455,4**

5. Kết quả giải quyết hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất:

Trong 6 tháng đầu năm 2020. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã giải quyết 56 hồ sơ *(đạt tỷ lệ 94,92% so với cùng kỳ năm 2019),* tổng diện tích 186.163,5 m^2 (Trong đó: đất ở là 7.159,0 m^2; đất nông nghiệp là 179.004,5 m^2) *(đạt tỷ 76,15% so với cùng kỳ năm 2019)*. Giải quyết cụ thể từng xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số hồ sơ	Tổng diện tích (m^2)	Đất ở (m^2)	Đất nông nghiệp (m^2)
1	Xã Ia Rong	6	14.739,8	750	13.989,8
2	Xã Ia Hrú	6	25.382,0	900	24.482,0
3	Xã Ia Dreng	2	1.283,0	480	803,0
4	Xã Ia Hla	7	39.823,5	700	39.123,5
5	TT Nhơn Hoà	7	5.636,5	759	4.877,5
6	Xã Ia Phang	11	73.288,0	1.870	71.418,0
7	Xã Ia Le	15	21.314,7	900	20.414,7
8	Xã Ia Blứ	2	4.696,0	800	3.896,0
9	Xã Chư Don	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		**56**	**186.163,5**	**7.159**	**179.004,5**

6. Kết quả giải quyết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất:

Trong 6 tháng đầu năm 2020. Đã giải quyết 10 hồ sơ *(đạt tỷ lệ 125% so với cùng kỳ năm 2019)*, tổng diện tích 8.705,3 m^2 (trong đó chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở 1.282 m^2) *(đạt tỷ lệ 212,96% so với cùng kỳ năm 2019)*. Giải quyết cụ thể từng xã, thị trấn như sau:

STT	Đơn vị hành chính	Số hồ sơ	Tổng diện tích chuyển (m^2)	Chuyển sang Đất ở (m^2)	Chuyển sang Đất nông nghiệp (m^2)
1	Xã Ia Rong	-	-	-	0
2	Xã Ia Hrú	-	-	-	0
3	Xã Ia Dreng	-	-	-	0
4	Xã Ia Hla	1	150	150	0
5	TT Nhơn Hoà	5	4.931,0	752	0
6	Xã Ia Phang	2	3.474,3	230	0
7	Xã Ia Le	2	150	150	0

8	Xã Ia Blứ	-	-	-	0
9	Xã Chư Don	-	-	-	0
	TỔNG CỘNG	**10**	**8.705,3**	**1.282**	**0**

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, sự vào cuộc của các ngành công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất đã đồng bộ trên địa bàn các xã, thị trấn, trong 6 tháng đầu năm 2020 đã tổ chức đăng ký tập trung trong nhân dân được 1.254 trường hợp, đã thẩm định và cấp 6 tháng đầu năm 2020 cấp 426 Giấy chứng nhận đạt 40,49% kế hoạch, với diện tích 216,43ha, đạt 26,46% về diện tích so với kế hoạch. Dữ liệu địa chính trên địa bàn dần được củng cố, hoàn thiện đáp ứng với nhu cầu quản lý đặt ra của ngành, công tác quản lý đất đai ngày càng chặt chẽ, khoa học. Tuy nhiên việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho người dân còn gặp nhiều tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc phối hợp cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã trong triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu chưa hiệu quả, nhiều hồ sơ đã được xét duyệt, tổ chức in giấy chứng nhận nhưng còn nhiều sai sót, phải trả về, ảnh hưởng đến thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

- Các công chức, viên chức chuyên môn tham gia trực tiếp chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong việc giải quyết các hồ sơ cấp mới, hồ sơ tồn đọng về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn.

- Phần lớn diện tích còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc sử dụng không rõ ràng, còn tranh chấp về đối tượng sử dụng và địa giới hành chính. Quá trình xác minh lịch sử sử dụng đất cần nhiều thời gian, phức tạp.

- Tình hình kinh tế của huyện gặp nhiều khó khăn nên việc người dân thực hiện nghĩa vụ tài chính chậm ảnh hưởng đến tiến độ cấp giấy.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QSD ĐẤT 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020:

2.1. Nhiệm vụ:

*** Đối với hộ gia đình, cá nhân:**

- Tăng cường, tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo để đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tất cả các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; phấn đấu đạt trên kế hoạch đã đề ra năm 2020.

- Tiếp tục triển khai Tổ công tác rà soát, hướng dẫn về thủ tục cấp mới Giấy CN QSD đất và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, thực hiện thủ tục hành chính về chỉnh lý sai sót trong cấp giấy CNQSD đất trước đây liên quan đến đất đai theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 cảu UBND huyện đến tận thôn, làng, ghi nhận những vướng mắc, tiếp nhận thông tin để tham mưu UBND huyện chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiếp nhận, lập hồ sơ cấp giấy cho nhân dân.

- Tập trung rà soát, giải quyết các hồ sơ còn tồn đọng cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu tại tất cả các xã, thị trấn.

*** Đối với tổ chức:** Tiếp tục chỉ đạo chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tổ chức đo vẽ, xuất trích lục các đơn vị hành chính, sự nghiệp, đặc biệt là các điểm trường, các hội trường thôn, nhà văn hóa,... tại các xã, thị trấn để phục vụ công tác quản lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ của các đơn vị, trực tiếp liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để nộp hồ sơ.

2.2. Giải pháp và thực hiện:

2.2.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, theo dõi, triển khai thực hiện Kế hoạch, cập nhật tiến độ đo đạc lập bản đồ, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính theo tháng, quý. Chủ động đề xuất, báo cáo UBND huyện xử lý các vướng mắc để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành các quy định, quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính để phát hiện, khắc phục và xử lý kịp thời các sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục chủ trì Tổ công tác rà soát, hướng dẫn về thủ tục cấp mới Giấy CN QSD đất và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc, thực hiện thủ tục hành chính về chỉnh lý sai sót trong cấp giấy CNQSD đất trước đây liên quan đến đất đai theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 cảu UBND huyện đến tận thôn, làng, ghi nhận những vướng mắc, tiếp nhận thông tin để tham mưu UBND huyện chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiếp nhận, lập hồ sơ cấp giấy cho nhân dân.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn kiểm tra, đề xuất hướng xử lý dứt điểm những trường hợp khiếu nại, tranh chấp, vi phạm chính sách đất đai.

2.2.2. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

Tham mưu UBND huyện cân đối, bố trí đủ kinh phí từ ngân sách địa phương, bảo đảm dành tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thanh toán cho các công trình đo đạc (còn nợ). Hướng dẫn, kiểm tra, thanh quyết toán nguồn vốn theo đúng quy định của Nhà nước.

2.2.3. Chi Cục thuế:

- Tăng cường công tác chỉ đạo các cán bộ liên quan đến hồ sơ đất đai thực hiện tốt cơ chế phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện đảm bảo thời gian thụ lý theo quy định trong việc xác định nghĩa vụ tài chính khi thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở địa phương.

- Thường xuyên tổ chức trao đổi thông tin với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, phòng Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn để kịp thời thông báo Thuế và các lệ phí để nhân dân được biết, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định

2.2.5. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai:

- Tập trung nguồn lực giải quyết kịp thời những hồ sơ đã tiếp nhận. Bố trí cán bộ chuyên môn phục vụ công tác đo vẽ, xuất trích lục kịp thời cho người sử dụng đất. Nâng cao đạo đức trong việc thực thi công vụ.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Chi cục Thuế trong việc luân chuyển hồ sơ, chuyển thông tin địa chính đảm bảo thời gian theo đúng quy định.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện, chú trọng công tác cập nhật, chỉnh lý dữ liệu địa chính đảm bảo theo các quy định pháp luật.

- Công khai trình tự, thủ tục và các loại phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận tại và tại bộ phận một cửa; bố trí đủ cán bộ kiểm tra, giải quyết nhanh hồ sơ trong việc tính toán nghĩa vụ tài chính.

2.2.6. Uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch, chủ động chỉ đạo Công chức địa chính, phối hợp tốt với hệ thống chính trị thôn, làng trực tiếp tuyên truyền vận động nhân dân đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đát

- Chỉ đạo Công chức Địa chính-XD rà soát cụ thể diện tích đã cấp giấy lần đầu. Diện tích đã đo đạc, nhưng chưa được cấp giấy, diện tích đo đạc không cấp giấy (gồm: đất đường gia thông, sông suối, kênh mương, đất trụ sở tổ chức hành chính sự nghiệp, đất cộng đồng dân cư, đất cơ sở tôn giáo, nghĩa địa).

- Tăng cường tuyền truyền, vận động, phổ biến pháp luật về đất đai, phải coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, tập trung vận động đến từng hộ dân để người dân nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ, thực hiện tốt chính sách của Nhà nước về đất đai.

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tổ chức thực hiện có hiệu quả theo cơ chế "một cửa" không gây phiền hà, sách nhiễu khi lập hồ sơ thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận; công khai trình tự, thủ tục và các loại phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận tại nơi tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát và chấn chỉnh, xử lý các hành vi gây phiền hà, những nhiễu trong quá trình tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo tình hình đo đạc, cấp GCNQSD đất, chuyển nhượng và cấp đổi 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT HĐND-UBND huyện;
- TT UBMTTQVN huyện;
- 03 Ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng Tài nguyên – MT;
- Chi cục Thuế huyện;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CV NL, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tứ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 242/BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, triển khai phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

(Trình Kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021)

Thực hiện Thông báo số 39/TBKL-HĐND ngày 28/5/2020 của Thường trực HĐND huyện kết luận tại Hội nghị chuẩn bị nội dung, chương trình Kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về xây dựng Kế hoạch Cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 02/8/2016 của UBND huyện; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2016-2020. Ngày 31/12/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của huyện với 07 nội dung: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về CCHC. Nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 gồm 33 nhiệm vụ, đồng thời phân công trách nhiệm cho các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành nhiệm vụ. Đến nay, huyện đã triển khai các nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành

Quán triệt chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy và thực hiện Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành kế hoạch CCHC năm 2020. UBND huyện đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành, cụ thể hóa các nhiệm vụ CCHC để triển khai thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả, cụ thể như sau: Ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về kế hoạch công tác CCHC huyện năm 2020; Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 ban hành kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2020; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/01/2020 kiểm

tra công tác CCHC năm 2020; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 04/9/2019 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020; Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 11/01/2020 triển khai công tác văn bản Quy phạm pháp luật năm 2020; Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 về ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2020; Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020; Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 26/12/2020 về việc xây dựng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001 năm 2020; Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn Tổ kiểm tra đột xuất chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 về việc kiện toàn cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính cấp huyện.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC theo yêu cầu, nhiệm vụ tại Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch CCHC năm 2020, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/01/2020 về kiểm tra công tác CCHC năm 2020 và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 về thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2020; theo đó, kiểm tra trực tiếp tại 03 cơ quan chuyên môn và 09 UBND các xã, thị trấn. Đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND huyện ban hành kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2020 (Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 24/12/2019). Kết quả công tác thông tin, tuyên truyền CCHC 06 tháng đầu năm cụ thể như sau: Đã biên tập đăng tải 06 tin, bài tuyên truyền về công tác cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện[1]; đã biên tập 06 phóng sự tuyên truyền về các nội dung CCHC phát sóng đài huyện và Trạm truyền thanh không dây các xã, thị trấn[2]. Đã xây dựng 01 cụm panô tuyên truyền về cải cách hành chính với tổng diện tích 16m^2, được đặt tại khu hành chính huyện. Ngoài ra, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao đã lồng ghép tuyên truyền giới thiệu về thủ tục hành chính, cách thức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, các văn bản quy định

---

[1] Như Chư Pưh triển khai công tác CCHC năm 2020; Xã Ia Rong chú trọng công tác CCHC; Làm tốt công tác CCHC trong lĩnh vực quản lý đất đai; Hiệu quả trong công tác CCHC ở Chư Pưh; Chư Pưh thực hiện tốt công tác CCHC; CCHC hướng đến sự hài lòng của người dân.

[2] Như phóng sự đẩy mạnh CCHC ở Bộ phận một cửa; phóng sự thị trấn Nhơn Hòa chú trọng công tác CCHC; phóng sự Ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC; phóng sự xã Ia Hrú triển khai tốt công tác CCHC; phóng sự đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC; phóng sự đẩy mạnh CCHC để thu hút đầu tư.

của Nhà nước về thủ tục hành chính tới mọi tầng lớp nhân dân thông qua các buổi tuyên truyền lưu động tại cơ sở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Về cải cách thể chế

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Tiếp tục thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL cho các phòng ban, đơn vị thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn. Nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả, chất lượng tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

b) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước: Thực hiện Quyết định số 25/2013/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về sửa đổi Quyết định số 29/2011/QĐ-UBND để đảm bảo việc áp dụng quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL trên địa bàn. UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất xử lý các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính do UBND cấp xã ban hành chưa phù hợp hoặc trái quy định.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật:

Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 11/01/2020 triển khai công tác văn bản QPPL năm 2020. Dự kiến tiến hành rà soát văn bản QPPL trong quý II năm 2020. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được đẩy mạnh, huyện đã tổ chức kiểm tra các văn bản do các đơn vị, địa phương ban hành.

d) Công tác theo dõi thi hành pháp luật: UBND huyện đã ban hành kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 11/01/2020 theo dõi thi hành pháp luật và quản lý về xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Công văn số 164/UBND-NC ngày 25/02/2020 về việc bổ sung nội dung heo dõi thi hành pháp luật về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện và Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 về việc thành lập Đoàn khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện. Đã tiến hành kiểm tra tính pháp lý 01 hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

a) Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 Về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 về việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2020. Thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn duy trì việc niêm yết, công khai các TTHC tại trụ sở làm việc, trên

Cổng/Trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã, tại Bộ phận một cửa để người dân, doanh nghiệp tra cứu, áp dụng về TTHC; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tiến hành sửa đổi, niêm yết theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ KSTTHC, trong đó đã niêm yết tại Bộ phận một cửa UBND huyện: 323 TTHC và bộ phận một cửa các xã, thị trấn: 170 TTHC.

b) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Đã niêm yết công khai thông tin, địa chỉ, email, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận Một cửa cấp huyện/cấp xã và trên Cổng/trang thông tin điện tử cấp huyện/cấp xã. Tình hình công khai tiến độ và giải quyết TTHC trên Cổng thông tin điện tử: Trong năm 2020, UBND huyện đã chỉ đạo Văn phòng HĐND-UBND huyện thực hiện công khai tất cả tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của cấp huyện, cấp xã trên trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã[3]. Trong 06 tháng đầu năm 2020, có 21 hồ sơ trễ hạn (cấp huyện 07 hồ sơ, cấp xã 14 hồ sơ) đã thực hiện xin lỗi tới công dân và cập nhật phiếu xin lỗi trong hệ thống Một cửa điện tử.

Tổ Kiểm soát thủ tục hành chính huyện đã thường xuyên tham mưu hướng dẫn các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác kiểm soát TTHC. Ban hành kế hoạch tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến (Trong 06 tháng đầu năm 2020 có cấp huyện có 347/401 hồ sơ, cấp xã có 615/3.861 hồ sơ được tiếp nhận và trả qua dịch vụ bưu chính công ích). Thực hiện thí điểm xã Ia Hrú tiếp nhận và trả kết quả toàn bộ qua dịch vụ bưu chính công ích.

Tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Từ ngày 15/12/2019 đến hết ngày 04/6/2020): Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC: 4.267 hồ sơ (cấp huyện: 401 hồ sơ, cấp xã: 3.866 hồ sơ). Kết quả giải quyết TTHC: số hồ sơ đã giải quyết: 4.192 hồ sơ (cấp huyện 361 hồ sơ, cấp xã 3.831 hồ sơ). Trong đó: Đúng hạn 4.171 hồ sơ (cấp huyện: 354 hồ sơ, cấp xã: 3.817 hồ sơ). Trễ hạn 21 hồ sơ (cấp huyện 07 hồ sơ, cấp xã 14 hồ sơ). Số hồ sơ đang giải quyết 75 hồ sơ (cấp huyện: 40 hồ sơ, cấp xã: 35 hồ sơ) *(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo).*

Tình hình thực hiện công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện soát TTHC: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật của Trung ương, của tỉnh về công tác kiểm soát TTHC bằng nhiều hình thức như phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị, cuộc họp, các lớp tập huấn, các văn bản chỉ đạo. Nội dung tuyên truyền, phổ biến tập trung vào các văn bản: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP

---

[3] Hồ sơ sơ một cửa điện tử, hồ sơ dịch vụ bưu chính công ích: Chi tiết tại chupuh.gialai.gov.vn và các trang thông tin điện tử thành phần của các xã, thị trấn; đảm bảo 100% hồ sơ được công khai tiếp nhận và giải quyết.

ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ KSTTHC; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ. Huyện đã đăng tải thông tin pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính của huyện[4].

Kết quả công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền (nếu có): Đã niêm yết công khai thông tin, địa chỉ, email, số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện/xã. Trong 06 tháng đầu năm 2020, chưa có trường hợp nào đến phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Công tác rà soát tổ chức bộ máy, biên chế, sửa đổi bổ sung chức năng nhiệm vụ của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định. Đến nay các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp đã xây dựng Quy chế hoạt động và được UBND huyện phê duyệt. UBND huyện đã giao đúng số lượng biên chế công chức, viên chức và chỉ tiêu HĐLĐ theo Nghị định số 68 cho các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 và thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế, không sử dụng quá số lượng biên chế được giao, cụ thể: Công chức là 72/78; viên chức hành chính 35/40; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là 07/07.

Thực hiện Đề án tinh giản biên chế của huyện, trên cơ sở thống nhất của tỉnh, đơn vị đã ban hành 06 Quyết định giải quyết nghỉ tinh giản biên chế, trong đó: cán bộ cấp xã 01 biên chế; viên chức sự nghiệp 09 biên chế giáo dục. Đang đề nghị UBND tỉnh xem xét tinh giản 04 biên chế viên chức giáo dục.

UBND huyện duy trì công tác quản lý theo phân cấp về cán bộ công chức, viên chức theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc ban hành quy định quản lý công tác nội vụ; việc phân cấp quản lý đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Công tác rà soát, sắp xếp lại công chức, viên chức cấp huyện phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ: UBND huyện đã rà soát, tổng hợp Danh mục vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện; Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện.

---

[4] Đã đăng được 15 tin, bài liên quan đến công tác kiểm soát TTHC, giải quyết TTHC, tra cứu TTHC trên zalo, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử huyện.

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo các phòng ban, đơn vị đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình *(đã bổ nhiệm lại 02 công chức lãnh đạo, quản lý cấp huyện và 10 lãnh đạo, quản lý giáo dục)*; các chế độ chính sách đối với CBCCVC được thực hiện kịp thời, đúng quy định của nhà nước.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của huyện; UBND huyện đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020; trong đó đã triển khai các mục tiêu, nội dung khóa học, đối tượng, giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong 6 tháng đầu năm 2020 *(có biểu mẫu kèm theo)*.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ: UBND huyện đã chỉ đạo đến 100% cơ quan hành chính Nhà nước của huyện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, 100% các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính. Đến nay, đã có 19/19 cơ quan chuyên môn đã được giao quyền tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

UBND huyện tiếp tục thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập, đến nay đã có 37/37 (đạt 100%) đơn vị sự nghiệp công lập do huyện quản lý được giao quyền tự chủ tài chính, đã mở rộng và đa dạng hoá các loại hình cung ứng dịch vụ đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị, bảo đảm chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm.

6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 04/9/2019 về ứng dụng công nghệ thông tin huyện năm 2020. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể như:

Hệ thống một cửa điện tử: UBND huyện đã triển khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đã tiếp nhận tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện/cấp xã, bước đầu triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ trên dịch vụ công trực tuyến: Tư pháp-Hộ tịch, Đăng ký kinh doanh, Môi trường-Đất đai, Công thương, Giáo dục - Đào tạo, Nội vụ, Bảo trợ Xã hội, Thông tin-Truyền thông.

Hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: Các cơ quan đều thực hiện chức năng luân chuyển văn bản điện tử qua phần mềm theo quy chế đề ra, liên

thông văn bản 03 cấp (xã, huyện, tỉnh). Các văn bản được gửi qua phần mềm QLVHĐH, phần lớn đều được ký số để đảm bảo giá trị pháp lý, giúp cho các cơ quan xử lý văn bản qua môi trường mạng. Trong 06 tháng đầu năm 2020, 100% văn bản đến, văn bản đi tại UBND huyện (trừ văn bản mật) được nhập trên hệ thống QLVBĐH và ký số (với văn bản đi); 100% văn bản đi của các phòng ban, chuyên môn huyện, UBND các xã, thị trấn, được ký số và lưu thông trên hệ thống QLVBĐH đảm bảo tính bảo mật, nhanh, tiết kiệm.

Hệ thống thư điện tử công vụ: Đã đăng ký cho 153 tài khoản email công vụ cho các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn và cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện[5]: 13 phòng chuyên môn, 06 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện, 05 cơ quan khối Đảng, 06 cơ quan khối Mặt trận-Đoàn thể huyện, 09 UBND cấp xã. 100% có phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc sử dụng thư điện tử công vụ. Tỷ lệ công chức, viên chức (CCVC) được cấp tài khoản thư điện tử công vụ: 153/226 công chức, viên chức toàn huyện có email công vụ (đạt 67,7%). Tỷ lệ CCVC dùng thư điện tử công vụ trong công việc chuyên môn: Có khoảng 90% email được sử dụng.

Cổng/Trang thông tin điện tử: Cổng thông tin điện tử của huyện được duy trì ổn định, thông tin kịp thời hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo huyện và của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện, bình quân 05 tin, bài, văn bản mới/ngày. Việc tiếp nhận và trả lời ý kiến công dân trên Cổng/Trang thông tin điện tử tiếp tục được thực hiện thông qua mục Bạn đọc hỏi - Cơ quan chức năng trả lời đã kịp thời trả lời đầy đủ, thể hiện được tinh thần trách nhiệm và hình ảnh gần gũi, thân thiện của chính quyền với người dân, doanh nghiệp. Bố trí đầy đủ nguồn kinh phí cho hoạt động. Niêm yết đầy đủ về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, cấp xã. Hệ thống ISO 9001 đã được phê duyệt và công bố. 09 Trang thông tin điện tử cho tất cả các xã, thị trấn thường xuyên hoạt động và cập nhật đầy đủ thông tin của xã, thị trấn.

Hạ tầng cho ứng dụng CNTT: Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy tính phục vụ cho công việc của các cơ quan đơn vị thuộc huyện, đạt 100%, 09 xã, thị trấn đạt 92,2%; 07 đơn vị sự nghiệp đạt 90,8%. Đảm bảo vận hành tốt hệ thống Hội nghị trực tuyến. Hệ thống mạng WAN do Trung tâm Công nghệ thông tin thiết lập được kết nối với 25 đơn vị (trong đó 13 phòng, ban chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp và UBND 09 xã, thị trấn); 01 đơn vị được kết nối về tỉnh là Văn phòng HĐND- UBND huyện. Huyện đã thuê hạ tầng máy chủ tại Trung tâm CNTT và TT để sử dụng các phần mềm ứng dụng, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt, bảo mật.

Hệ thống hội nghị trực tuyến: Đã trang bị đầy đủ cơ sở vật chất thiết bị hoạt động tại điểm cầu UBND huyện, có cán bộ chuyên trách. Trong 06 tháng đầu năm, đã phục vụ trên 18 cuộc hội nghị trực tuyến, góp phần tiết kiệm nhân lực,

---

[5] Để đảm bảo số lượng email sử dụng, tránh lãnh phí tài nguyên, UBND huyện đã có văn bản số 47/UBND-CCHC ngày 14/01/2020 đề nghị thu hồi email công vụ không sử dụng, hiện tại có 153 email còn sử dụng.

thời gian và kinh phí, đảm bảo thông suốt đường truyền từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã.

6.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Bộ phận một cửa huyện

Được thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến giải quyết thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với trước. Tiếp tục triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, bưu chính công ích. UBND huyện tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, đến nay Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả hoạt động từng bước được nâng lên. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong 06 tháng đầu năm 2020 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (tính đến 04/6/2020): Tổng số hồ sơ phải xử lý: 401 hồ sơ. Tình hình xử lý hồ sơ: Đã giải quyết: 361 hồ sơ đạt 90,0%; Đúng hạn: 354 hồ sơ đạt 98,06%; trễ hạn 07 hồ sơ chiếm 1,94%, số hồ sơ đang giải quyết: 40 hồ sơ chiếm 10%. Trong 06 tháng đầu năm 2020, có 347 hồ sơ được tiếp nhận và trả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 86,53%, 74 hồ sơ được tiếp nhận trên dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 18,45%, chưa có hồ sơ dịch vụ công mức độ 4.

Bộ phận một cửa các xã, thị trấn:

Tiếp tục triển khai mô hình một cửa kết hợp cung cấp thông tin khoa học công nghệ tại các xã, thị trấn, sử dụng trang thiết bị để ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện kế hoạch xây dựng một cửa liên thông hiện đại. Tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và đạo đức công vụ cho cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong 06 tháng đầu năm 2020 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các xã, thị trấn (tính đến 04/6/2019): Tổng số hồ sơ tiếp nhận 3.866 hồ sơ; Đã giải quyết : 3.831 hồ sơ đạt 99,09%; Đúng hạn 3.817 đạt 99,63%; trễ hạn 14 hồ sơ chiếm 0,37%, số hồ sơ đang giải quyết là 35 hồ sơ chiếm 0,91%. Triển khai tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính công ích tại huyện và thí điểm tại xã Ia Hrú (có 86,53% hồ sơ cấp huyện và 66,67% hồ sơ UBND xã Ia Hrú được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ).

6.3. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

UBND huyện tiếp tục xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001tại UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Đến nay, 100% các phòng ban, đơn vị áp dụng thường xuyên và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc giá TCVN ISO 9001. Số lượng UBND cấp xã đã công bố phù hợp Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn 9001:2015: 9/9 (100%) đơn vị cấp xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Huyện ủy, UBND huyện đã triển khai thực hiện quyết liệt công tác CCHC. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch. Tập trung nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều quy trình, thủ tục hành chính đã được rà soát đề nghị tỉnh sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa tạo thuận lợi cho người dân.

Về công tác thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và xã ban hành đã đi vào nề nếp; đã kịp thời hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật địa phương; công tác rà soát, kiểm tra soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các xã được tiến hành thường xuyên để kịp thời chấn chỉnh, sửa chữa những sai sót, tồn tại, đảm bảo thực hiện đúng quy định.

Công tác cải cách TTHC: Công tác cải cách TTHC đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, chú trọng, khẳng định đây là nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tại địa phương. Kết quả tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa, một cửa liên thông" có những chuyển biến tích cực; công tác niêm yết các thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân; từng bước tạo lòng tin của người dân đối với các cơ quan nhà nước.

Tất cả các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, TTHC đối với các lĩnh vực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, tạo thuận lợi phục vụ tốt nhất cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu liên hệ giải quyết công việc.

Thực hiện criển khai chuyển giao một phần việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho Bưu chính công ích thực hiện nhằm giảm tải việc tiếp xúc trực tiếp của cán bộ, công chức với người dân khi thực hiện thủ tục hành chính và tránh áp lực về biên chế cho các cơ quan, đơn vị.

Đảm bảo 09/09 đơn vị cấp xã có Trang thông tin điện tử, tích hợp trong Cổng thông tin điện tử huyện; 100% các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn áp dụng thường xuyên và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; 100% UBND cấp xã đã công bố phù hợp Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

2. Những mặt tồn tại, hạn chế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về cải cách hành chính của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa thường xuyên và thiếu đồng bộ. Một số cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn vẫn còn hồ sơ trễ hạn chậm được khắc phục như: xã Dreng, Ia Hla, Ia Rong, Chư Don, thị trấn Nhơn Hòa; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên-Môi trường, phòng Tài chính-Kế hoạch.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác, hoạt động của các cơ quan, đơn vị (chính quyền điện tử) còn hạn chế như: Tài chính-Kế hoạch, phòng Tài nguyên-Môi trường, UBND xã Ia Hla.

Quá nhiều quy trình TTHC (323 TTHC cấp huyện, 170 TTHC cấp xã) nên việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện chậm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và công tác chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tạo sự thống nhất, quyết tâm cao về quan điểm, nội dung, cách làm giữa cấp ủy Đảng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch về công tác CCHC.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện cải cách hành chính trong phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể trong từng thời điểm; phân công rõ trách nhiệm thực hiện cho từng cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức; thường xuyên tiến hành tự kiểm tra công vụ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nhất là về giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân và tổ chức; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính theo quy định.

3. Tăng cường chỉ đạo trong công tác cải cách TTHC, Kiểm soát TTHC; hướng dẫn UBND cấp xã cập nhật thông tin trong các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. Tuyên truyền đến cá nhân, tổ chức về TTHC. Thường xuyên theo dõi, cập nhật công khai, niêm yết TTHC cũng như niêm yết TTHC của ngành dọc thực hiện tại Bộ phận một cửa của đơn vị. Khắc phục tình trạng niêm yết không đầy đủ các TTHC ngành dọc thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.

4. Thực hiện việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.Chất dứt tình trạng nhận dư thành phần hồ sơ so với quy định.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại một số xã trên địa bàn huyện trong năm 2020. Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác, trình độ nghiệp vụ nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động như băng rôn, khẩu hiệu, xây dựng các chuyên mục cải cách hành chính trên đài truyền thanh huyện, xã, thị trấn giúp cho cán bộ, công chức, nhân dân hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, giám sát và tham gia các hoạt động cải cách hành chính.

7. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính, kiểm tra cải cách hành chính. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị gắn với việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

8. Thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử *(nhất là việc xử lý văn bản đi hoàn toàn trên hệ thống)* qua trục liên thông văn bản điện tử của tỉnh theo đúng quy định của Trung ương, của tỉnh. Cập nhật đầy đủ các danh mục, thông tin theo đúng quy định. Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, các xã, thị trấn cập nhật đầy đủ các hồ sơ tiếp nhận vào hệ thống một cửa điện tử; thực hiện đúng các quy trình xử lý và cập nhật, kết thúc hồ sơ đúng với tình trạng xử lý thực tế để tránh tình trạng thống kê giữa hệ thống một cửa và thực tế không đồng nhất làm ảnh hưởng đến tổng hợp chung của toàn tỉnh. Thực hiện cập nhật bộ TTHC, các biểu mẫu theo quy định mới; sử dụng các trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định.

9. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn công dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; thực hiện tiếp nhận, gửi trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn lại việc sử dụng các hệ thống thông tin cho cán bộ, công chức tại các đơn vị. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp huyện ở một số lĩnh vực đặc thù, đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và khuyên khích người dân, doanh nghiệp sử dụng tối thiểu 30% tổng số thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 được công bố.

10. Tiếp tục các hoạt động duy trì, cải tiến HTQLCL9001:2015 đã công bố áp dụng tại đơn vị; Rà soát sửa đổi, ban hành lại quy trình kiểm soát hồ sơ, quy trình kiểm soát tài liệu cho phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của đơn vị, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm tra hoạt động duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các UBND các xã, thị trấn đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, UBND huyện trình Kỳ họp thứ Mười, HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, NV, CCHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tứ

Biểu số 06b/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02 /2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI HUYỆN CHƯ PƯH

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2020

Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 04/6/2020

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Chư Pưh

Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận *(trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)*	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (gồm 33 lĩnh vực)**														
1	Đất đai	129	0	5	124	96	91	5	33	33	0	129	91	5	33
2	Môi trường	2	0	0	2	1	0	1	1	1	0	2	0	1	1
3	Tư pháp	18	0	0	18	18	18	0	0	0	0	18	18	0	0
4	Phổ biến giáo dục pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Bồi thường nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Hòa giải cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Giáo dục và Đào tạo	7	0	0	7	7	7	0	0	0	0	7	7	0	0
8	Đăng ký kinh doanh, HTX	49	16	0	33	49	48	1	0	0	0	49	48	1	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận *(trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)*	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
9	Khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Lao động - TBXH	69	0	0	69	67	67	0	2	2	0	69	67	0	2
11	Hạ tầng đô thị	38	0	0	38	38	38	0	0	0	0	38	38	0	0
12	Quy hoạch xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Xây dựng	28	0	0	28	25	25	0	3	3	0	28	25	0	3
14	Công thương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Kinh doanh khí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Đường thủy nội địa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Thi đua khen thưởng	58	58	0	0	58	58	0	0	0	0	58	58	0	0
18	Tổ chức bộ máy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Tôn giáo	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
20	Công chức viên chức	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Kinh tế hợp tác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận *(trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)*	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
22	Thủy sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Khoa học, CN-MT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Quản lý chất lượng nông, lâm sản	2	0	0	2	1	1	0	1	1	0	2	1	0	1
25	Lâm nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Viễn thông intenet	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Văn hóa-Lễ hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Xuất bản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	An toàn thực phẩm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Công sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	***401***	***74***	***5***	***322***	***361***	***354***	***7***	40	***40***	***0***	***401***	***354***	***7***	***40***
II	**TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**														

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận *(trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)*	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Đường thủy nội địa-đường bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nông nghiệp và PTNT-Lâm nghiệp, thủy lợi	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0
3	Đất đai-môi trường	233	0	0	233	233	233	0	0	0	0	233	233	0	0
4	Tư pháp	3.076	0	0	3.076	3.076	3.062	14	0	0	0	3.076	3.062	14	0
5	Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Thi đua-khen thưởng và tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Nhà ở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Văn hóa-xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân	5	0	0	5	2	2	0	3	3	0	5	2	0	3
10	Giáo dục và đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Dân số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Công sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận *(trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính)*	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá hạn	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
13	Chính sách	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Nghĩa vụ quân sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Lao động - TBXH	552	0	0	552	520	520	0	32	32	0	552	520	0	32
16	An toàn đập, hồ chứa và thủy điện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	***3.866***	***0***	***0***	***3.866***	***3.831***	***3.817***	***14***	***35***	***35***	***0***	***3.866***	***3.817***	***14***	***35***

Biểu số 6g/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02 /2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017.

NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Quý/năm)

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2020
Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 04/6/2020

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Chư Pưh

Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	Đính chính đất đai cấp huyện	3	a4x3, b1x3	
2	Đăng ký cấp mới đất đai cấp huyện	2	a4x2	
3	Đăng ký kinh doanh cấp huyện	1	b1x1	
4	Môi trường cấp huyện	1	b2x1	
5	Tư pháp cấp xã	14	b2x14	
	Tổng số:	**21**		

Biểu số 5a/VPCP/KSTT

Ban hành theo Thông tư số 02 /2017/TT-VPCP
ngày 31/10/2017.

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2020
Từ ngày 15/12/2019 đến ngày 04/6/2020

Đơn vị báo cáo: UBND huyện Chư Pưh

Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Nội vụ

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Đã xử lý					Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tổng số	Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
.....	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2020 của UBND huyện Chư Pưh)

STT	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	SỐ LƯỢNG	THÀNH PHẦN	NƠI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	GHI CHÚ
I	CẤP XÃ				
1	Tập huấn chỉ huy phó, chính trị viên phó Ban Chỉ huy Quân sự xã	6	Cán bộ, công chức cấp xã	Trung tâm huấn luyện - Giáo dục quốc phòng, an ninh/Trung đoàn bộ binh 991	
TỔNG SỐ		6			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 244/BC-UBND	*Chư Pưh, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ trên địa bàn huyện
(Phục vụ họp thứ 10, HĐND huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021)

Thực hiện Thông báo số 39/TBKL-HĐND ngày 28/5/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tại Hội nghị chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp thứ 10, Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện; Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 về việc thành lập Ban Điều phối thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ. Do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực văn hóa-xã hội là Trưởng ban, Trưởng phòng Lao động Thương binh và xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch là Phó Trưởng ban và các thành viên là thủ trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Huyện đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội doanh nghiệp huyện làm thành viên Ban điều phối. Sau khi được thành lập, Ban Điều phối huyện đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BĐP ngày 29/4/2020 ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách từng địa bàn.

Ủy ban nhân dân huyện đặc biệt quan tâm chỉ đạo các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng chính sách hỗ trợ,

quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ của Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng để người dân trên địa bàn kịp thời nắm bắt, thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức 03 cuộc họp với các phòng ban, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện (Thông báo số 281/TB-VP ngày 16/4/2020 Kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tại buổi họp trực tuyến về phòng, chống Covid-19, triển khai Nghị quyết số 42/NQ-CP, Nghị định số 41/2020/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thông báo Kết luận số 343/TB-VP ngày 14/5/2020 và Thông báo số 343/TB-VP ngày 14/5/2020 về Kết luận của đồng chí Rah Lan Lân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Ban Điều phối tại buổi họp triển khai hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg); Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Văn bản số 535/UBND-VHXH ngày 08/5/2020 chỉ đạo hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 577/UBND-VHXH ngày 15/5/2020 triển khai thực hiện Công điện số 04/CĐ-LĐTBXH ngày 09/5/2020 của Bộ Lao động-TB&XH.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn thành lập Hội đồng xét duyệt đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ để bình xét đối tượng hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng quy định.

II. Kết quả triển khai thực hiện

1. Về đối tượng người nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, người có công

- Thực hiện Công văn số 969/UBND-KGVX ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các Phòng ban chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn rà soát, thẩm định, đề nghị phê duyệt đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, kết quả:

Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 1.502 người, với tổng số tiền là 2.246.000.000 đồng.

Người nghèo: 1.155 hộ/4.997 khẩu, với tổng số tiền là 3.747.750.000 đồng.

Người cận nghèo: 1.899 hộ/9.298 khẩu, với tổng số tiền là 6.972.500.000 đồng.

Người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 150 người, với tổng số tiền là 224.000.000 đồng.

Kinh phí thực hiện là 13.190.250.000 đồng (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 08/5/2020).

- Kết quả thực hiện: Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, phương án chi trả gói hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Bưu điện tỉnh tham gia chi trả gói hỗ trợ), Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phổ biến rộng rãi để các đối tượng được thụ hưởng biết việc chi trả qua hệ thống Bưu điện; Yêu cầu Bưu điện huyện tập trung nhân lực, phương tiện, phối hợp chặt chẽ với Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội thực hiện phương án chi trả đã được duyệt, chi trả cho các đối tượng "đúng, đủ, kịp thời", đồng thời cung cấp phương án chi trả để các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể, các xã, thị trấn phối hợp thực hiện, kiểm tra, giám sát. Đến nay, Bưu điện huyện đã tổ chức chi trả tại 09 xã, thị trấn trên địa bàn huyện cho 15.681 người với số tiền 12.988.750.000 đồng, đạt 98,5%, còn 266 người với số tiền 201.000.000 đồng không chi trả, nộp trả ngân sách (*do số đối tượng đã tách hộ, chuyển đi, chết nên Bưu điện dừng không chi trả, để nộp trả Ngân sách theo quy định)*

2. Về nhóm đối tượng lao động hoãn làm việc, nghỉ việc không lương, bị chấm dứt hợp đồng lao động, lao động tự do bị mất việc làm

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai tuyên truyền, hướng dẫn theo Công văn số 628/SLĐTBXH-LĐVL ngày 06/5/2020 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg cho người dân, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh nắm bắt thực hiện, kết quả như sau:

- Người lao động có hợp đồng lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp: 08 người với số tiền là 8.000.000 đồng.

- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm, giảm sâu thu nhập trong các lĩnh vực bán hàng rong, thu gom rác, phế liệu, bốc vác, vận chuyển hàng hóa, lái xe mô tô 02 bánh, tự làm, làm trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe: 684 người với số tiền là 684.000.000 đồng; Người bán lẻ xổ số lưu động: 08 người với số tiền 2.000.000 đồng.

- Về đối tượng tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương: Đến nay, huyện chưa tiếp nhận bất kỳ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp nào trên địa bàn huyện.

3. Về hỗ trợ hộ kinh doanh

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Chi cục thuế khu vực Chư Sê-Chư Pưh hướng dẫn các xã, thị trấn rà soát các hộ kinh doanh có kê khai thuế dưới 100 triệu đồng đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, kết quả: Có 30 hộ đã nộp hồ sơ về Chi cục thuế khu vực Chư Sê-Chư Pưh thẩm định đủ điều kiện hỗ trợ với số tiền 30.000.000 đồng.

4. Về hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thông tin rộng rãi về quy định được hỗ trợ vay vốn cho người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính để trả lương ngừng việc cho người lao động. Kết quả: Trên địa bàn huyện không có người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn để trả lương ngừng việc cho người lao động theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

(Đến nay, hồ sơ nhóm đối tượng 2,3,4 Ủy ban nhân dân huyện đã gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hỗ trợ)

5. Công tác kiểm tra giám sát

Ban Điều phối huyện đã Ban hành Kế hoạch số 02/KH-BĐP ngày 08/6/2020 và Kế hoạch số 03/KH-BĐP ngày 08/6/2020 về việc tổ chức kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, cũng như công tác lập danh sách, niêm yết danh sách, chi trả hỗ trợ cho đối tượng. Qua kiểm tra công tác triển khai thực hiện tại các xã, thị trấn đảm bảo theo đúng quy định, đúng đối tượng. Đoàn kiểm tra đã làm việc với các xã, thị trấn, kiểm tra cấp phát tiền hỗ trợ tại các xã, thị trấn. Kết quả kiểm tra, đối chiếu danh sách và quy trình lập hồ sơ, danh sách, thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện đảm bảo đúng hướng dẫn và quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/82020 của Thủ tướng Chính phủ. Công tác chi trả tiền hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, chưa phát hiện tình trạng đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ không đúng đối tượng, không xảy ra tình trạng lợi dụng, trục lợi chính sách.

Ngoài ra, Ban điều phối của tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện cũng đã thành lập đoàn đi kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện,

kết quả kiểm tra công tác triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định, đúng đối tượng.

Đến nay, huyện chưa nhận được đơn thư, khiếu nại nào liên quan đến việc hỗ trợ và chi trả hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

III. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện.

Các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã chủ động, tích cực trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Cán bộ, công chức ngành lao động làm việc với tinh thần, trách nhiệm cao, chủ động nghiên cứu văn bản, hướng dẫn của cấp trên trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Khó khăn

Thời gian triển khai rà soát ngắn, đối tượng rà soát, phạm vi rà soát rộng, nhiều nhóm đối tượng khác nhau, trong khi đó văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ của Bộ, ban, ngành của tỉnh còn chậm, nhiều nội dung chưa cụ thể, chưa giải đáp hết các vướng mắc khi triển khai thực hiện ở cở sở, nên khi địa phương triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng.

Nhiều người lao động trên địa bàn huyện làm việc ngoài tỉnh bị chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng các doanh nghiệp chưa cung cấp các hồ sơ theo quy định (quyết định thôi việc, Sổ bảo hiểm xã hội) dẫn đến khó khăn cho người lao động trong lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Các trường hợp lao động tự do, rất khó khăn trong việc kiểm tra, xác minh kê khai ngành nghề, nơi làm việc của họ đặc biệt là các trường hợp làm việc ngoài tỉnh, nên công tác thẩm định đối tượng rất khó khăn, mất nhiều thời gian.

Việc xác định mức thu nhập của người lao động bị giảm sâu, thu nhập dưới chuẩn cận nghèo để xem xét, hỗ trợ phụ thuộc theo kê khai của người lao động, không có công cụ, tiêu chí để đánh giá thu nhập của người lao động cũng là một khó khăn trong công tác thẩm định, phê duyệt đối tượng.

Các phương tiện truyền thông, báo đài thường xuyên đưa tin về các chính sách hỗ trợ cho người lao động, người nghèo, cận nghèo, người có công, bảo trợ

xã hội được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, nhưng cách thức triển khai, đối tượng hỗ trợ, quy trình thực hiện, thành phần hồ sơ, biểu mẫu để triển khai thực hiện còn chưa nêu cụ thể, rõ ràng khiến cho địa phương gặp khó khăn trong triển khai thực hiện.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Công tác triển khai rà soát, hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở làm việc rất vất vả (làm luôn kỳ nghỉ lễ 30/4, thứ 7, Chủ nhật, ban đêm) để đảm bảo thời gian, hỗ trợ kịp thời cho đối tượng theo quy định nhưng không có kinh phí hỗ trợ, trong khi công tác chi trả của Bưu điện (đơn giản hơn nhiều) lại có chi phí hỗ trợ khiến cho cán bộ ở cơ sở hết sức tâm tư. Vì vậy, đề nghị Sở Lao động - TB&XH xem xét, đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho công tác rà soát, lập danh sách, phê duyệt đối tượng.

2. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và xã hội có Văn bản cụ thể quy định chi tiết về từng đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo tính pháp lý và thuận lợi cho địa phương khi triển khai thực hiện *(các tài liệu phòng chuyên môn gửi cho địa phương chỉ là các file word không mang tính pháp lý)*.

3. Đề nghị Sở Lao động-Thương binh và xã hội kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động-Thương binh và xã hội xem xét, hỗ trợ đối với giáo viên, người lao động đang làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập, tư thục, người làm việc trong lĩnh vực dịch vụ bị mất việc làm, giảm sâu thu nhập do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo trình kỳ họp thứ 10, Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Lao động - TB&XH;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Rah Lan Lân

UBND TỈNH GIA LAI **SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 628 /SLĐTBXH-LĐVL V/v hướng dẫn làm rõ một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg	*Gia Lai, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 *(viết tắt là Quyết định số 15)* và công văn số 969/UBND-KGVX ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn làm rõ một số nội dung về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng: doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người lao động, như sau:

I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

1. Về điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a. Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 01 tháng liên tục trở lên tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020.

b. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

c. Làm việc tại các doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến ngày 31 tháng 3 năm 2020) do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

2. Mức hỗ trợ, thời gian và phương thức:

a. Mức hỗ trợ: 1.800.000 đồng/người/tháng.

b. Hỗ trợ hằng tháng (01 tháng tính bằng 30 ngày) theo thời gian thực tế người lao động bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương nhưng không quá 03 tháng.

Thời gian hỗ trợ theo thực tế, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. Thủ tục hồ sơ:

a. Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

b. Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội và có xác nhận của tổ chức công đoàn cơ sở (nếu có) theo **Mẫu số 01** kèm theo.

c. Bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 và các giấy tờ chứng minh tài chính khác của doanh nghiệp.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a. Doanh nghiệp lập Danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm 1 mục I văn bản này; đề nghị tổ chức công đoàn cơ sở (nếu có) và cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận Danh sách này.

b. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Danh sách theo đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động theo quy định tại điểm b khoản 1, mục I văn bản này và gửi doanh nghiệp.

c. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) nơi đặt trụ sở. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc địa điểm sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 thì gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc địa điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có người lao động đề nghị hỗ trợ.

d. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định theo **Mẫu số 01A**, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) phê duyệt.

e. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

II. Hỗ trợ hộ kinh doanh.

1. Điều kiện hỗ trợ:

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a. Doanh thu do cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh năm 2020 dưới 100 triệu đồng, được xác định tại thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b. Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 27/3/2020 của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Gia Lai về tập trung thực hiện quyết liệt đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ, thời gian và phương thức:

a. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/hộ/tháng.

b. Thời gian hỗ trợ theo thời gian tạm ngừng kinh doanh thực tế, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 nhưng tối đa 03 tháng.

c. Phương thức chi trả: Hỗ trợ theo hằng tháng.

3. Thủ tục hồ sơ:

a. Giấy đề nghị hỗ trợ theo **Mẫu số 02** ban hành kèm theo văn bản này.

b. Bản sao Thông báo nộp thuế theo Mẫu số 01/TBT-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, trong đó xác định hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a. Hằng tháng, hộ kinh doanh gửi hồ sơ đề nghị về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm kinh doanh. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã, thẩm định và xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

b. Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

c. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp theo **Mẫu số 02A**, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để thẩm định.

d. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

III. Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

1. Điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ kinh phí khi có đủ các điều kiện sau đây: có giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trước thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2020 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2020; không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ, thời gian và phương thức:

a. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b. Thời gian hỗ trợ tính theo tháng, từ thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, tối thiểu 01 tháng và tối đa 03 tháng.

b. Phương thức chi trả: Hỗ trợ theo hằng tháng.

3. Thủ tục hồ sơ:

a. Giấy đề nghị hỗ trợ theo **Mẫu số 03** ban hành kèm theo văn bản này.

b. Bản sao một trong các giấy tờ sau:

- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

- Quyết định thôi việc.

- Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

- Bản sao sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Trường hợp không có sổ bảo hiểm xã hội thì người lao động nêu rõ lý do trong Giấy đề nghị hỗ trợ.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a. Người lao động theo quy định tại khoản 1, mục III văn bản này có nhu cầu hỗ trợ gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) nơi cư trú hợp pháp. Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nếu người lao động đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng các chính sách và ngược lại. Tháng tiếp theo, người lao động có nhu cầu được hỗ trợ thì tiếp tục gửi Giấy đề nghị hỗ trợ **(Mẫu số 3)** về Ủy ban nhân dân cấp xã.

b. Sau khi nhận được Giấy đề nghị của người lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và xác nhận mức thu nhập, tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư. Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện mà không có khiếu kiện, thắc mắc theo **Mẫu số 03A** ban hành kèm theo văn bản này và hồ sơ đề nghị của từng người lao

động trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời tiến hành xác minh những trường hợp có ý kiến khiếu kiện, thắc mắc.

c. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để thẩm định theo **Mẫu số 03B** ban hành kèm theo văn bản này.

d. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ.

IV. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm.

1.Điều kiện hỗ trợ:

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a. Mất việc làm và có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020.

b. Cư trú hợp pháp tại địa phương.

c. Thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp, làm một trong những công việc sau:

- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;
- Thu gom rác, phế liệu;
- Bốc vác, vận chuyển hàng hóa;
- Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách;
- Bán lẻ xổ số lưu động;
- Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe.

2. Mức hỗ trợ, thời gian và phương thức:

a. Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b. Thời gian hỗ trợ theo tháng, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 nhưng tối đa 03 tháng.

c. Phương thức chi trả: Hỗ trợ theo hằng tháng.

3. Thủ tục hồ sơ:

a. Sau ngày 15 hằng tháng, người lao động theo quy định tại khoản 1, mục IV văn bản này có nhu cầu hỗ trợ gửi Giấy đề nghị hỗ trợ theo **Mẫu số 04** ban hành kèm theo văn bản này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hợp pháp.

Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nếu người lao động đề nghị hưởng

hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng các chính sách và ngược lại.

Tháng tiếp theo, người lao động có nhu cầu được hỗ trợ thì tiếp tục gửi Giấy đề nghị hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp xã.

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị của người lao động, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư.

Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong thời gian 02 ngày làm việc; tổng hợp danh sách những trường hợp không có khiếu kiện, thắc mắc theo **Mẫu số 04A** ban hành kèm theo văn bản này và hồ sơ đề nghị của từng người lao động gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời tiến hành xác minh những trường hợp có ý kiến khiếu kiện, thắc mắc.

c. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) theo **Mẫu số 04B** ban hành văn bản Quyết định này.

d. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ.

V. Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động.

1. *Đối tượng hỗ trợ:*

Người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính và đã trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật Lao động trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

2. *Nguyên tắc cho vay:*

a. Việc cho vay phải đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

b. Người sử dụng lao động vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả nợ vay đúng hạn theo cam kết trên hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Điều kiện vay vốn:

Người sử dụng lao động vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để trả lương ngừng việc cho người lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a. Có từ 20% hoặc từ 30 người lao động trở lên đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên; đã trả trước tối thiểu 50% tiền lương ngừng việc cho người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

b. Đang gặp khó khăn về tài chính, không cân đối đủ nguồn để trả lương ngừng việc cho người lao động, đã sử dụng hết quỹ dự phòng tiền lương để trả lương cho người lao động ngừng việc.

c. Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. Thủ tục hồ sơ:

a. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Giấy đề nghị xác nhận theo **Mẫu số 11** ban hành kèm theo văn bản này.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Danh sách người lao động phải ngừng việc do người sử dụng lao động lập có xác nhận của tổ chức công đoàn cơ sở (nếu có) và xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội nơi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo **Mẫu số 12** ban hành kèm theo văn bản này.

- Bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo tài chính quý I năm 2020 (đối với doanh nghiệp và tổ chức).

b. Thủ tục xác nhận:

- Chậm nhất ngày 05 hằng tháng, người sử dụng lao động có nhu cầu gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tổng hợp danh sách người sử dụng lao động được vay vốn theo **Mẫu số 13**, danh sách người lao động ngừng việc của đơn vị theo **Mẫu số 14** ban hành kèm theo văn bản này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách người sử dụng lao động được vay vốn theo **Mẫu số 13**, danh sách người lao động ngừng việc của đơn vị theo **Mẫu số 14** ban hành kèm theo văn bản này, gửi chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và người sử dụng lao động trong danh sách.

5. Phê duyệt hồ sơ vay vốn và tổ chức giải ngân:

a. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ vay vốn theo quy định và Quyết định phê duyệt danh sách người sử dụng lao động được vay vốn để trả lương ngừng việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng

Chính sách xã hội quyết định về việc cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bảnnêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

b. Việc giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

6. Nguồn vốn cho vay, chi phí quản lý:

a. Nguồn vốn để Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Quyết định này là nguồn vay tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b. Ngân sách nhà nước cấp phí quản lý đối với các khoản cho vay theo quy định tại Quyết định này theo quy định hiện hành về cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

7. Chuyển nợ quá hạn và xử lý rủi ro vốn vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 17 quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Xử lý rủi ro khoản nợ tái cấp vốn tại Ngân hành Nhà nước việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 18 quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

VI. Đối với việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19.

Tiếp tục triển khai văn bản số 432/SLĐTBXH-LĐVL ngày 31/3/2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất đối với doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19; đồng thời triển khai theo văn bản số 1511/LĐTBXH-BHXH ngày 04/5/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất *(kèm theo văn bản của Bộ Lao động – TB&XH).*

VII. Một số lưu ý.

1. Các mẫu biểu được sử dụng thống nhất từ cấp xã đến cấp tỉnh theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và tại văn bản hướng dẫn này.

2. Danh sách tại cấp huyện lập theo từng xã, phường, thị trấn trong một huyện, theo trình tự hết xã này đến xã khác.

3. Đối với nhóm đối tượng người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm thuộc công việc chính bán vé số lẻ lưu động, đề nghị các địa phương lập thành một danh sách tổng hợp riêng.

4. Thống nhất sử dụng Mẫu bằng file Excel, kiểu chữ Times New Roman, định dạng số, không định dạng chuỗi trong cột có ghi số tiền.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khẩn trương rà soát, lập danh sách, xác định rõ đến đâu thì tổng hợp, gửi cơ quan chuyên môn thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đến

đó, không được trì hoãn, chậm trễ trong việc hỗ trợ cho đối tượng được hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-CP; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 và công văn số 969/UBND-KGVX ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội *(Phòng Lao động – Việc làm)* bằng văn bản hoặc qua hòm thư điện tử laodong.sldtbxhgialai@gmail.com hoặc số điện thoại 0269.3828511 để được hướng dẫn kịp thời./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
Tỉnh Gia Lai
Văn thư
06.05.2020 10:19:26
+07:00

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH GIA LAI

Lê Văn Thành

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BHXH tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Ngân hàng CSXH tỉnh;
- Phòng LĐTBXH các huyện/TX/TP;
- Đăng Website Sở;
- Lưu: VT, LĐVL.